

Dân Số Ký

Lập Thống Kê Quân Đội Ít-ra-ên

¹ Vào ngày mồng một tháng hai, năm thứ hai, tính từ ngày Ít-ra-ên ra khỏi Ai Cập, Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se tại Đền Tạm trong hoang mạc Si-nai: ² “Hãy kiểm kê dân số của toàn dân Ít-ra-ên tùy theo họ hàng và gia đình, liệt kê danh sách tất cả nam đinh từng người một. ³ Con và A-rôn phải đem tất cả người nam trong Ít-ra-ên theo từng đơn vị, từ hai mươi tuổi trở lên, là những người có khả năng phục vụ trong quân đội. ⁴ Các trưởng đại tộc sẽ đại diện cho đại tộc mình để cộng tác với con và A-rôn.

⁵ Đây là danh sách những người đứng ra giúp các con:

Đại tộc Ru-bên, có Ê-li-sua, con của Sê-đêu.

⁶ Đại tộc Si-mê-ôn, có Sê-lu-mi-ên, con của Xu-ri-ha-đai.

⁷ Đại tộc Giu-đa, có Na-ha-sôn, con của A-mi-na-đáp.

⁸ Đại tộc Y-sa-ca, có Na-tha-na-ên, con của Xu-a.

⁹ Đại tộc Sa-bu-luân, có Ê-li-áp, con của Hê-lôn.

¹⁰ Con cháu Giô-sép:

Đại tộc Ép-ra-im, có Ê-li-sa-ma, con của A-mi-hút.

Đại tộc Ma-na-se, có Ga-ma-li-ên, con của Phê-đát-su.

- 11 Đại tộc Bên-gia-min, có A-bi-đan, con của Ghi-đeo-ni.
- 12 Đại tộc Đan, có A-hi-ê-xe, con của A-mi-sa-đai.
- 13 Đại tộc A-se, có Pha-ghi-ên, con của Óc-ran.
- 14 Đại tộc Gát, có Ê-li-a-sáp, con của Đê-u-ên.
- 15 Đại tộc Nép-ta-li, có A-hi-ra, con của Ê-nan.”

16 Đó là những người được bổ nhiệm từ trong dân chúng, là trưởng các đại tộc của tổ phụ mình và là những người chỉ huy các đơn vị quân đội Ít-ra-ên.

17 Môi-se và A-rôn tiếp nhận các người đã được nêu danh, ¹⁸ và triệu tập toàn thể dân chúng vào ngày mồng một tháng hai theo danh sách từng người một từ hai mươi tuổi trở lên, mỗi người đăng ký theo họ hàng và gia đình mình, ¹⁹ như Chúa Hằng Hữu đã truyền lệnh cho Môi-se. Môi-se kiểm kê dân số trong hoang mạc Si-nai:

- 20 Đây là số nam đinh từ hai mươi tuổi trở lên có thể phục vụ trong quân đội, dòng dõi họ được liệt kê danh sách theo họ hàng và gia đình mình: Đại tộc Ru-bên (trưởng nam của Ít-ra-ên) có ²¹ 46.500 người.
- 22 Đại tộc Si-mê-ôn ²³ có 59.300 người.
- 24 Đại tộc Gát ²⁵ có 45.650 người.
- 26 Đại tộc Giu-đa ²⁷ có 74.600 người.
- 28 Đại tộc Y-sa-ca ²⁹ có 54.400 người.
- 30 Đại tộc Sa-bu-luân ³¹ có 57.400 người.
- 32 Đại tộc Ép-ra-im con của Giô-sép
- 33 có 40.500 người.

³⁴ Đại tộc Ma-na-se, con của Giô-sép ³⁵ Ma-na-se con trai của Giô-sép có 32.200 người.

³⁶ Đại tộc Bên-gia-min ³⁷ có 35.400 người.

³⁸ Đại tộc Đan ³⁹ có 62.700 người.

⁴⁰ Đại tộc A-se ⁴¹ có 41.500 người.

⁴² Đại tộc Nép-ta-li ⁴³ Nép-ta-li có 53.400 người.

⁴⁴ Đó là những người mà Môi-se, A-rôn, và mười hai người lãnh đạo của Ít-ra-ên đã kiểm kê, mỗi trưởng đại tộc đại diện cho đại tộc mình.

⁴⁵ Tất cả những người Ít-ra-ên từ hai mươi tuổi trở lên và có khả năng phục vụ trong quân đội Ít-ra-ên đều được kiểm kê theo gia đình mình.

⁴⁶ Tổng số được 603.550 người.

⁴⁷ Tuy nhiên, các gia đình của đại tộc Lê-vi không được kiểm kê như người các đại tộc khác. ⁴⁸ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se:

⁴⁹ “Đừng kiểm kê đại tộc Lê-vi, hoặc bao gồm họ trong cuộc kiểm kê dân số của người Ít-ra-ên.

⁵⁰ Nhưng cử người Lê-vi đặc trách Đền Giao Ước, coi sóc tất cả vật dụng và những gì thuộc về đền. Họ phải khuân vác Đền Tạm và tất cả các vật dụng, chăm sóc và cắm trại chung quanh đền.

⁵¹ Khi nào cần di chuyển, người Lê-vi phải tháo gỡ Đền Tạm; và mỗi khi dân chúng cắm trại, người Lê-vi sẽ dựng đền lại. Bất cứ người nào khác đến gần Đền Tạm sẽ bị xử tử. ⁵² Người Ít-ra-ên phải cắm trại theo từng đơn vị, mỗi người ở trong trại riêng dưới ngọn cờ của đại tộc mình.

⁵³ Tuy nhiên người Lê-vi phải dựng trại chung

quanh Đền Giao Ước để con thịnh nộ không đổ xuống trên người Ít-ra-ên. Người Lê-vi phải chịu trách nhiệm chăm sóc Đền Tạm.”

⁵⁴ Người Ít-ra-ên thực thi tất cả những điều Chúa Hằng Hữu truyền bảo Môi-se.

2

Cách Sắp Xếp Trại Quân Ít-ra-ên

¹ Chúa Hằng Hữu phán dạy Môi-se và A-rôn:

² “Người Ít-ra-ên phải cắm trại chung quanh nhưng cách xa Đền Tạm, mỗi người phải cắm trại dưới ngọn cờ của đơn vị mình với bảng hiệu đại tộc.

³ Trại quân Giu-đa, Y-ca-sa, và Sa-bu-luân sẽ cắm tại phía đông, hướng mặt trời mọc với ngọn cờ và các đơn vị mình. Đây là danh sách các đại tộc, người chỉ huy, và dân số của họ: Đại tộc Giu-đa, chỉ huy là Na-ha-sôn, con A-mi-na-đáp.

⁴ Quân số của người được 74.600 người.

⁵ Đại tộc Y-sa-ca, chỉ huy là Na-tha-na-ên, con Xu-a. ⁶ Quân số của người được 54.400 người.

⁷ Đại tộc Sa-bu-luân, chỉ huy là Ê-li-áp, con Hê-lôn. ⁸ Quân số của người được 57.400 người.

⁹ Tất cả nhân số trong trại quân Giu-đa, chia từng đội ngũ, được 186.400 người. Họ sẽ đi tiên phong.

¹⁰ Trại quân Ru-bên, Si-mê-ôn, và Gát sẽ cắm tại phía nam, dưới ngọn cờ mình. Đây là danh sách các đại tộc, người chỉ huy, và quân số của

họ: Đại tộc Ru-bên, chỉ huy là Ê-li-sua, con Sê-đêu. ¹¹ Quân số của người được 46.500 người.

¹² Đại tộc Si-mê-ôn, chỉ huy là Sê-lu-mi-ên, con Xu-ri-ha-đai. ¹³ Quân số của người được 59.300 người.

¹⁴ Đại tộc Gát, chỉ huy là Ê-li-a-sáp, con Đê-u-ên. ¹⁵ Quân số của người được 45.650 người.

¹⁶ Tất cả nhân số trong trại Ru-bên, chia từng đội ngũ, được 151.450 người. Họ sẽ đi thứ nhì.

¹⁷ Sau đó, Đền Tạm và trại quân Lê-vi sẽ ra đi chính giữa các trại quân khác. Họ sẽ ra đi theo đúng thứ tự như họ đã cắm trại, mỗi người theo hàng ngũ dưới ngọn cờ mình.

¹⁸ Trại quân Ép-ra-im, Ma-na-se, và Bên-gia-min sẽ cắm tại phía tây, dưới ngọn cờ mình. Đây là danh sách các đại tộc, người chỉ huy, và quân số của họ: Đại tộc Ép-ra-im, chỉ huy là Ê-li-sa-ma, con A-mi-hút. ¹⁹ Quân số của người được 40.500 người.

²⁰ Đại tộc Ma-na-se, chỉ huy là Ga-ma-li-ên, con Phê-đát-su. ²¹ Quân số của người được 32.200 người.

²² Đại tộc Bên-gia-min, chỉ huy là A-bi-đan, con Ghi-đeo-ni. ²³ Quân số của người được 35.400 người.

²⁴ Tất cả nhân số trong trại quân Ép-ra-im, chia từng đội ngũ, được 108.100 người. Họ sẽ đi thứ ba.

²⁵ Trại quân Đan, A-se, và Nép-ta-li sẽ cắm trại phía bắc, dưới ngọn cờ mình. Đây là danh sách các đại tộc, người chỉ huy, và quân số của họ:

Đại tộc Đan, chỉ huy là A-hi-ê-xe, con A-mi-sa-đai. ²⁶ Quân số của người được 62.700 người.

²⁷ Đại tộc A-se, chỉ huy là Pha-ghi-ên, con Óc-ran. ²⁸ Quân số của người được 41.500 người.

²⁹ Đại tộc Nép-ta-li, chỉ huy là A-hi-ra, con Ê-nan. ³⁰ Quân số của người được 53.400 người.

³¹ Tất cả nhân số trong trại quân Đan, chia từng đội ngũ, được 157.600 người. Họ sẽ đi hậu tập.”

³² Đó là những người Ít-ra-ên được kiểm kê theo từng đại tộc. Tổng số quân sĩ trong các trại quân, chia từng đội ngũ, là 603.550. ³³ Tuy nhiên, người Lê-vi không được kiểm kê với những người Ít-ra-ên khác, như Chúa Hằng Hữu đã truyền bảo Môi-se. ³⁴ Như thế, người Ít-ra-ên thực thi mọi điều Chúa Hằng Hữu đã truyền bảo Môi-se. Đó là cách mà họ bố trí các trại quân dưới ngọn cờ mình; đó cũng là cách xuất quân mỗi người theo họ hàng và chi tộc mình.

3

Người Lê-vi Được Tấn Phong Để Phục Vụ

¹ Đây là những người trong gia đình A-rôn và Môi-se trong thời gian Chúa Hằng Hữu phán với Môi-se trên Núi Si-nai. ² Tên các con trai A-rôn là: Na-đáp, con trưởng nam, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma. ³ Đó là tên các con trai A-rôn, tức các thầy tế lễ được xúc dầu và tấn phong để phục vụ trong chức tế lễ. ⁴ Tuy nhiên, Na-đáp và A-bi-hu đã ngã chết trước mặt Chúa Hằng Hữu

khi họ dâng hương lên Chúa Hằng Hữu trong hoang mạc Si-nai bằng một thứ lửa Ngài không cho phép. Họ không có con trai nên chỉ có Ê-lê-a-sa và Y-tha-ma phục vụ trong chức thầy tế lễ dưới sự hướng dẫn của A-rôn, cha họ.

⁵ Chúa Hằng Hữu phán bảo Mô-i-se: ⁶ “Hãy đem đại tộc Lê-vi đến, đặt họ dưới quyền Thầy Tế lễ A-rôn để họ giúp đỡ người. ⁷ Họ phải thi hành các nhiệm vụ thay cho A-rôn và toàn thể dân chúng tại Đền Tạm bằng cách phục vụ trong Đền Tạm. ⁸ Họ phải chăm sóc tất cả vật dụng trong lều thánh, thi hành các bổn phận của người Ít-ra-ên bằng cách phục vụ trong Đền Tạm. ⁹ Trong vòng người Ít-ra-ên họ là những người duy nhất được giao trọn cho A-rôn. ¹⁰ Con hãy bổ nhiệm A-rôn và các con trai người làm thầy tế lễ. Bất cứ người nào khác xâm phạm vào chức vụ này sẽ bị xử tử.”

¹¹ Chúa Hằng Hữu lại phán bảo Mô-i-se: ¹² “Ta đã chọn người Lê-vi giữa những người Ít-ra-ên để thay thế cho các con trai đầu lòng của người Ít-ra-ên. Người Lê-vi thuộc về Ta, ¹³ vì tất cả con trai đầu lòng đều thuộc về Ta. Khi Ta đánh hạ tất cả con đầu lòng tại Ai Cập, Ta đã biệt riêng cho Ta tất cả con đầu lòng của Ít-ra-ên, cả người lẫn thú vật. Họ phải thuộc về Ta. Ta là Chúa Hằng Hữu.”

Thống Kê Người Lê-vi

14 Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se tại hoang mạc Si-nai: 15 “Hãy kiểm kê dân số người Lê-vi tùy theo gia tộc và họ hàng. Con hãy kiểm kê tất cả người nam từ một tháng trở lên.” 16 Như vậy, Môi-se kiểm kê họ đúng như lời Chúa Hằng Hữu truyền bảo mình.

17 Đây là tên các con trai Lê-vi: Ghệt-sôn, Kê-hát, và Mê-ra-ri.

18 Đây là tên con trai Ghệt-sôn: Líp-ni và Si-mê-i.

19 Gia tộc từ Kê-hát là: Am-ram, Dít-sa, Hép-rôn, và U-xi-ên.

20 Con trai Mê-ra-ri là: Mách-li và Mu-si.

Đó là những tổ các thị tộc trong đại tộc Lê-vi.

21 Con cháu Líp-ni là Si-mê-i thuộc về Ghệt-sôn; đó là dòng họ Ghệt-sôn. 22 Tổng số người nam từ một tháng trở lên được 7.500 người.

23 Dòng họ Ghệt-sôn phải cắm trại phía tây phía sau Đền Tạm. 24 Người lãnh đạo gia tộc Ghệt-sôn là Ê-li-a-sáp, con La-ên. 25 Trách nhiệm của dòng họ Ghệt-sôn tại Đền Tạm là trông coi lều, mái phủ lều, bức màn nơi cửa, 26 các bức màn trong hành lang, bức màn tại cửa hành lang bao quanh Đền Tạm và bàn thờ, và các sợi dây thừng cùng tất cả dịch vụ bảo quản những thứ đó.

27 Dòng họ Am-ram, Dít-sê-ha, Hép-rôn, và U-xi-ên thuộc về Kê-hát; đó là dòng họ Kê-hát.

28 Tổng số người nam từ một tuổi trở lên được 8.600 người. Dòng họ Kê-hát chịu trách nhiệm chăm sóc nơi thánh. 29 Dòng họ Kê-hát phải cắm

trại phía nam Đền Tạm. ³⁰ Người lãnh đạo gia tộc Kê-hát là Ê-li-sa-phan, con U-xi-ên. ³¹ Họ chịu trách nhiệm chăm sóc Hòm Giao Ước, cái bàn, chân đèn, các bàn thờ, và bảo quản những thứ đó, cùng tấm màn, và các vật dụng phụ thuộc. ³² Đứng đầu các vị lãnh đạo đại tộc Lê-vi là Ê-lê-a-sa, con trai Thầy Tế lễ A-rôn; ông giám sát những người chịu trách nhiệm coi sóc nơi thánh.

³³ Họ hàng Mách-li và họ hàng Mu-si thuộc về Mê-ra-ri; đó là dòng họ Mê-ra-ri. ³⁴ Tổng số người nam từ một tháng trở lên được 6.200 người. ³⁵ Người lãnh đạo gia tộc Mê-ra-ri là Xu-ri-ên, con A-bi-hai: Họ phải cắm trại phía bắc Đền Tạm. ³⁶ Người Mê-ra-ri được bổ nhiệm coi sóc các khung cửa Đền Tạm, các cây xà ngang, các cây cột, đế cột, cùng tất cả các vật dụng. Họ chịu trách nhiệm bảo quản những thứ đó ³⁷ cùng coi sóc các cây cột và đế cột chung quanh hành lang, các cây cọc, và dây thừng.

³⁸ Môi-se và A-rôn cùng các con trai người phải cắm trại ở phía đông Đền Tạm, về phía mặt trời mọc ngay trước Trại Hội Kiến. Họ phải chịu trách nhiệm coi sóc nơi thánh thay cho người Ít-ra-ên. Người nào xâm phạm đến gần nơi thánh sẽ bị xử tử.

³⁹ Tổng số người Lê-vi được kiểm kê theo lệnh Chúa Hằng Hữu truyền cho Môi-se và A-rôn, chia theo từng họ hàng, tức là các con trai từ một tháng trở lên, được 22.000 người.

Việc Chuộc Con Đầu Lòng

⁴⁰ Chúa Hằng Hữu phán dạy Môi-se: “Con hãy kiểm kê tất cả con trai đầu lòng người Ít-ra-ên từ một tháng trở lên, và lập bảng danh sách. ⁴¹ Con hãy thu nhận cho Ta người Lê-vi thay cho tất cả con đầu lòng người Ít-ra-ên, và các bầy gia súc của người Lê-vi thay cho tất cả con đầu lòng của gia súc người Ít-ra-ên. Ta là Chúa Hằng Hữu.”

⁴² Như thế, Môi-se kiểm kê tất cả con đầu lòng của người Ít-ra-ên, như Chúa Hằng Hữu đã truyền bảo người. ⁴³ Tổng số con trai đầu lòng liệt kê từng tên, được 22.273.

⁴⁴ Chúa Hằng Hữu lại phán bảo Môi-se: ⁴⁵ “Con hãy thu nhận người Lê-vi thay cho tất cả con đầu lòng người Ít-ra-ên và gia súc của người Lê-vi thay cho gia súc của người Ít-ra-ên. Người Lê-vi sẽ thuộc về Ta; Ta là Chúa Hằng Hữu. ⁴⁶ Về phần 273 con đầu lòng Ít-ra-ên là số tội hơn tổng số người Lê-vi, ⁴⁷ con hãy chuộc lại bằng cách thu mỗi người năm miếng* bạc theo tiêu chuẩn cân đo trong nơi thánh. ⁴⁸ Hãy giao số bạc chuộc các người Ít-ra-ên phụ tội đó cho A-rôn và các con trai người.”

⁴⁹ Như thế, Môi-se thu bạc chuộc của những người phụ tội đó. ⁵⁰ Môi-se thu được 15,5 ký† bạc (theo tiêu chuẩn cân đo trong nơi thánh) của mỗi con đầu lòng người Ít-ra-ên. ⁵¹ Môi-se giao bạc chuộc đó cho A-rôn và các con trai người, đúng như lời Chúa Hằng Hữu đã truyền bảo mình.

* **3:47** Nt 5 siéc-lơ, khoảng 57 gam † **3:50** Nt 1.365 siéc-lơ

4

Nhiệm Vụ của Dòng Họ Kê-hát

¹ Chúa Hằng Hữu phán dạy Môi-se và A-rôn:
² “Hãy kiểm kê dân số người Kê-hát, tức là một gia tộc trong đại tộc Lê-vi, theo từng họ hàng và gia đình. ³ Con hãy kiểm kê tất cả người nam từ ba mươi đến năm mươi tuổi, trong lứa tuổi phục vụ để họ đảm nhiệm công tác tại Đền Tạm.

⁴ Đây là công việc của người Kê-hát tại Đền Tạm: Chăm sóc các vật chí thánh. ⁵ Khi nào trại quân dời đi, A-rôn và các con trai người phải vào gỡ bức màn ngăn che nơi thánh và phủ lên Hòm Giao Ước, ⁶ rồi phủ lên trên các tấm da cá heo, trải tấm vải màu xanh lên trên cùng, rồi sửa đòn khiêng cho ngay ngắn.

⁷ Họ sẽ trải lên bàn đựng Bánh Thánh tấm khăn xanh rồi đặt lên khăn các đĩa, tô, chén, và các bình đựng dâng rượu; Bánh Thánh dâng liên tục vẫn để y trên bàn. ⁸ Trên tất cả những vật ấy, họ phải trải một tấm khăn đỏ thẫm, và trên cùng, phủ lên các tấm da cá heo, rồi xỏ đòn khiêng vào.

⁹ Họ phải lấy một tấm khăn xanh phủ lên giá đèn để thấp sáng và các cây đèn, kéo cắt tim đèn và khay, và các bình đựng dầu để thấp đèn; ¹⁰ rồi bọc giá đèn và các đồ phụ tùng bằng tấm da cá heo, rồi đặt lên một đòn khiêng.

¹¹ Họ cũng phải trải một tấm khăn xanh trên bàn thờ bằng vàng, và phủ lên bằng các tấm da cá heo, rồi xỏ đòn khiêng vào. ¹² Tất cả vật dụng trong việc phục vụ tại nơi thánh phải gói

lại trong một tấm vải xanh và phủ lên bằng các tấm da cá heo.

¹³ Họ phải hốt tro tại bàn thờ bằng đồng, trải lên bàn thờ một tấm vải màu tím. ¹⁴ Đặt tất cả khí dụng tế lễ lên trên: Các lư hương, nĩa, vá và bát dùng vào việc rảy nước, tất cả phụ tùng bàn thờ, rồi phủ lên các tấm da cá heo và xô đòn khiêng vào. ¹⁵ Sau khi A-rôn và các con trai người đây xong nơi thánh và các khí dụng thánh, và khi trại quân sẵn sàng dời đi, dòng họ Kê-hát phải đến khuân vác, nhưng họ không được chạm đến các vật thánh kẻo bị thiệt mạng. Dòng họ Kê-hát phải khuân vác các vật dụng trong Đền Tạm.

¹⁶ Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa, con trai A-rôn, có nhiệm vụ lo về dầu thắp đèn, hương liệu, lễ vật chay hằng dâng và dầu xúc; cũng phải coi sóc cả Đền Tạm và các vật dụng bên trong, kể cả các đồ bạc và vật dụng thánh.”

¹⁷ Chúa Hằng Hữu lại phán bảo Môi-se và A-rôn: ¹⁸ “Đừng để gia tộc Kê-hát phải bị tiêu diệt. ¹⁹ Đây là điều phải làm để giữ họ khỏi chết khi vào nơi thánh. A-rôn và các con của người sẽ vào nơi đó với họ, chỉ cho mỗi người vật gì họ phải khiêng. ²⁰ Tuyệt đối không ai được vào nơi đó để nhìn các vật thánh, dù chỉ trong giây lát, ai bất tuân đều phải chết.”

Nhiệm Vụ của Dòng Họ Ghệt-sôn

²¹ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ²² “Cũng hãy kiểm kê các con cháu Ghệt-sôn, tùy theo gia

tộc và họ hàng họ. ²³ Từ ba mươi tuổi đến năm mươi tuổi, gồm những người trong lứa tuổi phục vụ, để họ đảm nhiệm công tác tại Đền Tạm.

²⁴ Đây là công việc của gia tộc Ghệt-sôn phải làm và khiêng: ²⁵ Họ sẽ khiêng các bức màn của Đền Tạm, nóc của Đền Tạm, tấm da phủ nóc đền, tấm màn che cửa Đền Tạm. ²⁶ Các màn quanh hành lang, màn che cửa hành lang, hành lang bao quanh Đền Tạm và bàn thờ, dây thừng và các dụng cụ khác. Những người thuộc gia tộc Ghệt-sôn có nhiệm vụ di chuyển các vật ấy. ²⁷ Hết thấy công việc của con cháu Ghệt-sôn, món chi họ phải khiêng đi, và việc chi họ phải làm đều sẽ theo lệnh A-rôn và các con trai người chỉ bảo. Họ phải giao cho người Ghệt-sôn coi sóc các món chi phải khiêng đi. ²⁸ Trong Đền Tạm, ấy là công việc của các họ hàng con cháu Ghệt-sôn. Họ sẽ giữ chức phận mình dưới quyền cai trị của Y-tha-ma, con trai Thầy Tế lễ A-rôn.

Nhiệm Vụ của Dòng Họ Mê-ra-ri

²⁹ Người phải kiểm kê con cháu Mê-ra-ri, tùy theo họ hàng và gia tộc của họ, ³⁰ từ ba mươi tuổi đến năm mươi, tức là hết thấy những người trong lứa tuổi phục vụ, để họ đảm nhiệm công tác tại Đền Tạm.

³¹ Họ sẽ khiêng khung trại, các thanh ngang, trụ và đế trụ, ³² trụ hành lang, đế trụ, cọc lều, dây và các đồ phụ tùng. Khi phân công người nào khiêng vật gì phải lập danh sách rõ ràng.

³³ Trên đây là nhiệm vụ của dòng họ Mê-ra-ri

tại Đền Tạm dưới sự hướng dẫn của Y-tha-ma, con trai Thầy Tế lễ A-rôn.”

Tổng Kết Việc Thống Kê

³⁴ Vậy, Môi-se, A-rôn, và các nhà lãnh đạo dân chúng bắt đầu kiểm kê gia tộc Kê-hát, ³⁵ gồm những người trong lứa tuổi phục vụ, từ ba mươi đến năm mươi tuổi, để đảm nhiệm công tác tại Đền Tạm, ³⁶ có được 2.750 người. ³⁷ Đó là tổng số người Kê-hát phục vụ tại Đền Tạm do Môi-se và A-rôn kiểm kê theo lời Chúa Hằng Hữu truyền cho Môi-se.

³⁸ Còn con cháu Ghệt-sôn đã được kiểm kê, tùy theo họ hàng và gia tộc của họ, ³⁹ từ ba mươi đến năm mươi tuổi, tức là hết thảy những người trong lứa tuổi phục vụ đảm nhiệm công tác tại Đền Tạm, ⁴⁰ cộng được 2.630. ⁴¹ Đó là những người về gia tộc Ghệt-sôn đã được kiểm kê, tức là những người phục vụ trong Đền Tạm mà Môi-se và A-rôn tu bộ y theo lệnh của Chúa Hằng Hữu.

⁴² Còn những người thuộc về gia tộc Mê-ra-ri đã được kiểm kê, tùy theo gia tộc và họ hàng của họ, ⁴³ từ ba mươi đến năm mươi tuổi, tức là mọi người có khả năng phục vụ trong trại, ⁴⁴ cộng được 3.200 người. ⁴⁵ Đó là những người về các gia tộc Mê-ra-ri đã được kiểm kê. Môi-se và A-rôn kiểm kê dân số, y theo lệnh của Chúa Hằng Hữu đã cậy Môi-se truyền dạy.

⁴⁶ Hết thảy những người Lê-vi mà Môi-se, A-rôn, và các trưởng tộc Ít-ra-ên kiểm kê, tùy theo họ hàng và gia tộc của họ, ⁴⁷ từ ba mươi đến

năm mươi tuổi, tức là mọi người đến phục vụ và khuân vác đồ trong Đền Tạm, ⁴⁸ cộng được 8.580 người. ⁴⁹ Người ta kiểm kê người Lê-vi theo lệnh Chúa Hằng Hữu đã cậy Môi-se truyền dạy, cắt phần cho mỗi người việc mình phải làm, và vật chi mình phải khiêng đi; người ta kiểm kê dân số theo lời Chúa Hằng Hữu đã phán dạy Môi-se vậy.

5

Sự Tinh Sạch trong Trại Ít-ra-ên

¹ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ² “Hãy dạy người Ít-ra-ên phải trục xuất những người phong hủi, người mắc bệnh lậu, và người bị ô uế vì đung vào xác người chết ra khỏi trại quân. ³ Dù họ là đàn ông hay đàn bà cũng phải trục xuất để họ không làm ô uế trại quân, vì Ta ở giữa trại dân Ta.” ⁴ Người Ít-ra-ên vâng lời Chúa Hằng Hữu phán cùng Môi-se.

⁵ Vậy, Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se dạy người Ít-ra-ên: ⁶ “Khi một người—dù đàn ông hay đàn bà—phạm tội mà vi phạm luật Chúa Hằng Hữu, ⁷ người ấy phải xưng tội, bồi thường thiệt hại do mình gây ra, cộng thêm một phần năm số ấy cho nạn nhân. ⁸ Trường hợp nạn nhân không còn bà con gần để nhận bồi thường, số bồi thường phải nộp cho Chúa Hằng Hữu, và số ấy sẽ thuộc về thầy tế lễ, cộng thêm một con chiên để làm lễ chuộc tội. ⁹ Như vậy, khi người Ít-ra-ên đem dâng lên Chúa vật gì, vật ấy sẽ thuộc về

các thầy tế lễ. ¹⁰ Những vật biệt riêng ra thánh mà mỗi người dâng sẽ thuộc về người; vật chi mỗi người ban cho thầy tế lễ, chắc sẽ thuộc về người vậy.”

Bảo Vệ Sự Chung Thủy trong Hôn Nhân

¹¹ Chúa Hằng Hữu lại phán bảo Môi-se: ¹² “Hãy phán dạy người Ít-ra-ên rằng: Nếu một người đàn bà ngoại tình ¹³ nhưng nàng giấu kín, không bị bắt quả tang, cũng không có nhân chứng, ¹⁴ và nếu người chồng đăm nghi, nổi ghen, ¹⁵ thì người ấy nên đưa vợ mình đến gặp thầy tế lễ, cũng đem theo một lễ vật gồm 2,2 lít bột lúa mạch không pha dầu, không rắc nhũ hương lên trên, vì là một tế lễ chay về sự ghen tuông, một tế lễ chay để ghi nhớ về tội lỗi.*

¹⁶ Thầy tế lễ sẽ đem người đó đến trước Chúa Hằng Hữu, ¹⁷ đổ nước thánh vào một cái bình bằng đất, bốc bụi dưới sàn Đền Tạm bỏ vào. ¹⁸ Thầy tế lễ sẽ bảo người đứng trước mặt Chúa Hằng Hữu, lột trần đầu người, đặt lễ vật hồi tưởng vào tay; còn tay thầy tế lễ cầm bình nước đắng nguyên rửa. ¹⁹ Thầy tế lễ bảo người ấy thề rồi nói: ‘Nếu không có ai nằm với người ngoài chồng người thì người sẽ không chịu ảnh hưởng của nước đắng nguyên rửa này. ²⁰ Nhưng nếu người lỗi đạo với chồng và ngoại tình với người nam khác, ²¹ cầu Chúa Hằng Hữu khiến cho người trở nên một mầm rửa sả và trù ẻo giữa

* **5:15** Một lễ vật về ghen tuông, một lễ vật gây hồi tưởng, gợi ký ức về tội lỗi đã phạm

vòng dân tộc người, làm cho người ốm lòi hông và phình bụng lên; ²² nước đắng rửa sả này khá chui vào ruột gan làm cho bụng người phình lên và ốm lòi hông.’ Nàng sẽ nói: ‘Xin cứ đúng như thế.’ † ²³ Thầy tế lễ viết những lời nguyện rửa này vào sách, rồi rửa sách trong nước đắng. ²⁴ Khi người ấy uống nước đắng nguyện rửa, nó sẽ gây nhiều cay đắng trong bụng. ‡

²⁵ Thầy tế lễ sẽ lấy lễ vật hồi tưởng khỏi tay người ấy, đem dâng đưa qua đưa lại trước Chúa Hằng Hữu, rồi đem lễ vật đến trước bàn thờ, ²⁶ bốc một nắm bột tượng trưng cho toàn thể lễ vật, đem đốt trên bàn thờ, rồi bảo người ấy uống nước. ²⁷ Nếu người đó ngoại tình, thì nước sẽ trở nên đắng trong bụng, bụng phình lên, đùi rữa nát, dân chúng sẽ nhắc đến người ấy mỗi khi nguyện rửa, thề thốt. ²⁸ Nhưng nếu trong sạch, thì người ấy sẽ không bị hại mà vẫn có thể sinh nở. §

²⁹ Đó là luật trường hợp về sự ghen tuông khi một người đàn bà, ở dưới quyền chồng mình, lỗi đạo và bị ô uest, ³⁰ hoặc khi nào tính ghen phát sinh nơi người chồng mà ghen vợ mình: Người phải đem vợ đến trước mặt Chúa Hằng Hữu và thầy tế lễ sẽ làm cho nàng hết thủy điều chi luật lệ này đã truyền dạy. ³¹ Người chồng sẽ không có tội, mặc dù hậu quả tai hại xảy ra cho vợ mình, trong trường hợp vợ ngoại tình thật.”

† 5:22 Nt A-men, a-men ‡ 5:24 Nếu thật ngoại tình, xem câu 27, 28 § 5:28 Nt và sẽ mang thai

6

Luật về Người Na-xi-rê

¹ Chúa Hằng Hữu phán bảo Mô-i-se: ² “Khi một người—dù đàn ông hay đàn bà—có lời khẩn nguyện để làm người Na-xi-rê hiến dâng mình đặc biệt cho Chúa Hằng Hữu, ³ người ấy sẽ kiêng uống rượu và thức uống làm cho say, cũng không được uống giấm làm bằng rượu hoặc bằng một chất lên men. Cả đến nước ép nho cũng không được uống và không được phép ăn nho tươi hay khô. ⁴ Suốt thời gian biệt mình riêng cho Chúa Hằng Hữu làm người Na-xi-rê, người ấy không được ăn uống bất cứ món nào từ cây nho, kể cả hạt nho và vỏ trái nho.

⁵ Suốt thời gian thề nguyện biệt mình làm người Na-xi-rê, người không được cạo đầu. Trọn những ngày người biệt mình riêng cho Chúa Hằng Hữu, làm người Na-xi-rê, tóc người cũng được biệt riêng ra thánh và người phải để cho tóc mình mọc dài, không được cắt tỉa. ⁶ Cũng không được đến gần xác chết trong suốt thời gian dâng mình cho Chúa Hằng Hữu. ⁷ Đừng vì cha hay mẹ, vì anh em hay chị em. Không được vì người chết làm cho mình bị ô uế, vì lời khẩn nguyện hiến dâng mình cho Đức Chúa Trời vẫn ở trên đầu người ấy. ⁸ Suốt thời gian dâng mình, người ấy phải là người thánh cho Chúa Hằng Hữu.

⁹ Nếu có người chết đột ngột bên cạnh làm cho người này bị ô uế, thì bảy ngày sau, người ấy sẽ

cao đầu mình và được sạch lại. ¹⁰ Ngày thứ tám, người ấy sẽ đem đến cửa Đền Tạm cho thầy tế lễ hai con chim cu đất hoặc hai con bồ câu con. ¹¹ Thầy tế lễ dâng một con làm lễ chuộc tội, một con làm lễ thiêu để chuộc tội cho người ấy, vì đã bị xác chết làm ô uest. ¹² Cùng trong ngày đó, người ấy sẽ lập lại lời khấn nguyện dâng mình với Chúa Hằng Hữu, và thời gian trước khi bị ô uest không được tính vào thời gian thâm niên. Người ấy sẽ đem một con chiên đực một tuổi làm lễ chuộc lỗi.

¹³ Đây là luật cho người Na-xi-rê. Đến ngày cuối cùng của thời hạn dâng mình cho Chúa, người ấy sẽ đến trước cửa Đền Tạm, ¹⁴ dâng lễ vật lên Chúa Hằng Hữu gồm một con chiên đực một tuổi, không tì vít, để làm lễ thiêu; một con chiên cái một tuổi, không tì vít, làm lễ chuộc tội; một con chiên đực, không tì vít, làm lễ thù ân; ¹⁵ một giỏ bánh không men, gồm bánh làm bằng bột mịn pha dầu; bánh kẹp không men tẩm dầu; lễ vật ngũ cốc và rượu. ¹⁶ Thầy tế lễ sẽ dâng các lễ vật này lên Chúa Hằng Hữu làm tế lễ chuộc tội và tế lễ thiêu, ¹⁷ sau đó dâng con chiên đực, kèm theo giỏ bánh không men, ngũ cốc và rượu, làm tế lễ thù ân dâng lên Chúa Hằng Hữu.

¹⁸ Người Na-xi-rê, tức người có lời khấn nguyện dâng mình đặc biệt cho Chúa, sẽ cao đầu mình tại cửa Đền Tạm, lấy tóc đốt trong lửa cháy bên dưới lễ vật thù ân. ¹⁹ Thầy tế lễ sẽ lấy cái vai chiên (lúc ấy thịt đã chín), một cái bánh không

men, một cái bánh kẹp không men, đem đặt vào tay của người Na-xi-rê. ²⁰ Xong, thầy tế lễ lấy lại các món đó để dâng đưa qua lại trước Chúa Hằng Hữu (các món này cũng như cái ức dâng đưa qua đưa lại và cái đùi dâng đưa lên, là những vật thánh, về sau sẽ về phần thầy tế lễ). Sau các thủ tục trên, người Na-xi-rê lại được phép uống rượu.

²¹ Đó là luật quy định về người Na-xi-rê đã có lời khấn nguyện. Ngoài các lễ vật quy định trên, nếu người ấy có khấn nguyện dâng thêm vật gì lúc ban đầu, thì phải thực hiện đúng như vậy.”

Lời Chúc Phước của Thầy Tế Lễ

²² Chúa Hằng Hữu phán dạy Môi-se: ²³ “Hãy bảo A-rôn và các con trai người chúc phước cho người Ít-ra-ên như sau:

²⁴ ‘Cầu xin Chúa Hằng Hữu ban phước
và phù hộ anh chị em.

²⁵ Cầu xin vinh quang của diện mạo Chúa Hằng Hữu
soi sáng anh chị em.

²⁶ Cầu xin Chúa Hằng Hữu tỏ lòng nhân từ với
anh chị em,
làm ơn và ban bình an cho anh chị em.’

²⁷ Vậy, các thầy tế lễ đặt Danh Ta trên người Ít-ra-ên, và chính Ta sẽ ban phước cho dân này.”

7

Lễ Vật của Các Trưởng Tộc

¹ Vào ngày dựng xong Đền Tạm, Môi-se xức dầu và thánh hóa đền, bàn thờ, đồ phụ tùng, và

mọi vật bên trong. ² Vào hôm ấy, các nhà lãnh đạo của Ít-ra-ên—các trưởng tộc, những người đã điều khiển cuộc kiểm kê dân số—đều đến. ³ Họ đem lễ vật đến trước Đền Tạm, dâng lên Chúa Hằng Hữu các lễ vật, gồm có sáu cỗ xe và mười hai con bò kéo. Cứ hai tộc trưởng dâng một cỗ xe và mỗi người dâng một con bò.

⁴ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ⁵ “Hãy nhận các xe của họ rồi đem phân phối cho người Lê-vi, để sử dụng cho việc di chuyển Đền Tạm.” ⁶ Môi-se nhận lễ vật rồi đem phân phối cho người Lê-vi. ⁷ Gia tộc Ghệt-sôn: Hai cỗ xe và bốn con bò; ⁸ gia tộc Mê-ra-ri: Bốn cỗ xe và tám con bò. Gia tộc này đặt dưới quyền điều khiển của Y-tha-ma, con Thầy Tế lễ A-rôn. ⁹ Môi-se không giao cho gia tộc Kê-hát xe cộ gì cả, vì họ có bốn phạm khuôn vắc các vật thánh của Đền Tạm trên vai.

¹⁰ Các trưởng tộc cũng đem lễ vật đến dâng trên bàn thờ trong ngày bàn thờ được xúc dầu. ¹¹ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: “Hãy dành cho mỗi trưởng tộc một ngày để họ dâng lễ vật trong dịp cung hiến bàn thờ.”

¹² Vậy, vào ngày thứ nhất, Na-ha-sôn, con A-mi-na-đáp, trưởng tộc Giu-đa, đem dâng lễ vật.

¹³ Lễ vật gồm một đĩa bạc nặng khoảng 1,5

ký, một bát bạc nặng 0,8 ký,* cả đĩa và bát đều đựng đầy bột mịn trộn dầu—đó là lễ vật ngũ cốc. ¹⁴ Một đĩa vàng nặng 114 gam[†] đựng đầy nhũ hương. ¹⁵ Một bò tơ đực, một chiên đực, một chiên con một tuổi dùng làm sinh tế thiêu; ¹⁶ một dê đực dùng làm sinh tế chuộc tội; ¹⁷ hai bò đực, năm chiên đực, năm dê đực, năm chiên con một tuổi—tất cả dùng làm lễ vật thù ân. Đó là lễ vật của Na-ha-sôn, con trai A-mi-na-đáp.

¹⁸ Vào ngày thứ hai, Na-tha-na-ên, con Xu-a, trưởng đại tộc Y-sa-ca, dâng lễ vật.

¹⁹ Các lễ vật của ông gồm có một đĩa bạc nặng 1,5 ký và một bát nặng 0,8 ký theo tiêu chuẩn cân đo nơi thánh: Cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, làm tế lễ chay.

²⁰ Một chén bằng vàng nặng 114 gam đựng đầy hương liệu. ²¹ Một bò đực tơ, một chiên đực, và một chiên con một tuổi làm tế lễ thiêu; ²² một dê đực làm tế lễ chuộc tội; ²³ hai bò đực, năm chiên đực, năm dê đực, và năm chiên con đực một tuổi làm tế lễ cầu an. Đó là các lễ vật của Na-tha-na-ên, con của Xu-a.

²⁴ Vào ngày thứ ba, Ê-li-áp con của Hê-lôn,

* **7:13** Nt đĩa bạc nặng 130 siéc-lơ và bát bạc nặng 70 siéc-lơ; tương tự trong các câu 19, 25, 31, 37, 43, 49, 55, 61, 66, 73, 79, 85

† **7:14** Nt 10 siéc-lơ; tương tự trong các câu 20, 26, 32, 38, 44, 50, 56, 62, 68, 74, 80, 86

trưởng đại tộc Sa-bu-luân, dâng lễ vật.

²⁵ Lễ vật người gồm có một đĩa bạc nặng 1,5 ký và một bát nặng 0,8 ký, theo tiêu chuẩn cân đo nơi thánh. Cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, làm tế lễ chay. ²⁶ Một chén bằng vàng nặng 114 gam đựng đầy hương liệu. ²⁷ Một bò đực tư, một chiên đực, và một chiên con một tuổi làm tế lễ thiêu; ²⁸ một dê đực làm tế lễ chuộc tội; ²⁹ hai bò đực, năm chiên đực, năm dê đực, và năm chiên con đực một tuổi làm tế lễ cầu an. Đó là các lễ vật của Ê-li-áp, con của Hê-lôn.

³⁰ Vào ngày thứ tư, Ê-li-sua, con của Sê-đêu, trưởng đại tộc Ru-bên, dâng lễ vật.

³¹ Lễ vật người gồm có một đĩa bạc nặng 1,5 ký và một bát nặng 0,8 ký, theo tiêu chuẩn cân đo nơi thánh. Cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, làm tế lễ chay. ³² Một chén bằng vàng nặng 114 gam đựng đầy hương liệu. ³³ Một bò đực tư, một chiên đực, và một chiên con một tuổi làm tế lễ thiêu; ³⁴ một dê đực làm tế lễ chuộc tội; ³⁵ hai bò đực, năm chiên đực, năm dê đực, và năm chiên con đực một tuổi làm tế lễ cầu an. Đó là các lễ vật của Ê-li-sua, con của Sê-đêu.

³⁶ Vào ngày thứ năm, Sê-lu-mi-ên, con Xu-ri-ha-đai, trưởng đại tộc Si-mê-ôn, dâng lễ vật.

- ³⁷ Lễ vật người gồm có một đĩa bạc nặng 1,5 ký và một bát nặng 0,8 ký, theo tiêu chuẩn cân đo nơi thánh. Cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, làm tế lễ chay. ³⁸ Một chén bằng vàng nặng 114 gam đựng đầy hương liệu. ³⁹ Một bò đực tơ, một chiên đực, và một chiên con một tuổi làm tế lễ thiêu; ⁴⁰ một dê đực làm tế lễ chuộc tội; ⁴¹ hai bò đực, năm chiên đực, năm dê đực, và năm chiên con đực một tuổi làm tế lễ cầu an. Đó là các lễ vật của Sê-lu-mi-ên, con của Xu-ri-ha-đai.
- ⁴² Vào ngày thứ sáu, Ê-li-a-sáp, con Đê-u-ên, trưởng đại tộc Gát, dâng lễ vật.
- ⁴³ Lễ vật người gồm có một đĩa bạc nặng 1,5 ký và một bát nặng 0,8 ký, theo tiêu chuẩn cân đo nơi thánh. Cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, làm tế lễ chay. ⁴⁴ Một cái chén bằng vàng nặng 114 gam đựng đầy hương liệu. ⁴⁵ Một bò đực tơ, một chiên đực, và một chiên con một tuổi làm tế lễ thiêu; ⁴⁶ một dê đực làm tế lễ chuộc tội; ⁴⁷ hai bò đực, năm chiên đực, năm dê đực, và năm chiên con đực một tuổi làm tế lễ cầu an. Đó là các lễ vật của Ê-li-a-sáp, con của Đê-u-ên.
- ⁴⁸ Vào ngày thứ bảy, Ê-li-sa-ma, con A-mi-hút, trưởng đại tộc Ép-ra-im, dâng lễ vật.
- ⁴⁹ Lễ vật người gồm có một đĩa bạc nặng 1,5

ký và một bát nặng 0,8 ký, theo tiêu chuẩn cân đo nơi thánh. Cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, làm tế lễ chay. ⁵⁰ Một cái chén bằng vàng nặng 114 gam đựng đầy hương liệu. ⁵¹ Một bò đực tơ, một chiên đực, và một chiên con một tuổi làm tế lễ thiêu; ⁵² một dê đực làm tế lễ chuộc tội; ⁵³ hai bò đực, năm chiên đực, năm dê đực, và năm chiên con đực một tuổi làm tế lễ cầu an. Đó là các lễ vật của Ê-li-sa-ma, con của A-mi-hút.

⁵⁴ Vào ngày thứ tám, Ga-ma-li-ên, con Phê-đát-su, trưởng đại tộc Ma-na-se, dâng lễ vật.

⁵⁵ Lễ vật người gồm có một đĩa bạc nặng 1,5 ký và một bát nặng 0,8 ký, theo tiêu chuẩn cân đo nơi thánh. Cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, làm tế lễ chay. ⁵⁶ Một chén bằng vàng nặng 114 gam đựng đầy hương liệu. ⁵⁷ Một bò đực tơ, một chiên đực, và một chiên con một tuổi làm tế lễ thiêu; ⁵⁸ một dê đực làm tế lễ chuộc tội; ⁵⁹ hai bò đực, năm chiên đực, năm dê đực, và năm chiên con đực một tuổi làm tế lễ cầu an. Đó là các lễ vật của Ga-ma-li-ên, con của Phê-đát-su.

⁶⁰ Vào ngày thứ chín, A-bi-đan, con Ghi-đeo-ni, trưởng đại tộc Bên-gia-min, dâng lễ vật.

⁶¹ Lễ vật người gồm có một đĩa bạc nặng 1,5 ký và một bát nặng 0,8 ký, theo tiêu chuẩn

cân đo nơi thánh. Cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, làm tế lễ chay. ⁶² Một chén bằng vàng nặng 114 gam đựng đầy hương liệu. ⁶³ Một bò đực tơ, một chiên đực, và một chiên con một tuổi làm tế lễ thiêu; ⁶⁴ một dê đực làm tế lễ chuộc tội; ⁶⁵ hai bò đực, năm chiên đực, năm dê đực, và năm chiên con đực một tuổi làm tế lễ cầu an. Đó là các lễ vật của A-bi-đan, con của Ghi-đeo-ni.

⁶⁶ Vào ngày thứ mười, A-hi-ê-xe, con của A-mi-sa-đai, trưởng đại tộc Đan, dâng lễ vật.

⁶⁷ Lễ vật người gồm có một đĩa bạc nặng 1,5 ký và một bát nặng 0,8 ký, theo tiêu chuẩn cân đo nơi thánh. Cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, làm tế lễ chay. ⁶⁸ Một chén bằng vàng nặng 114 gam đựng đầy hương liệu. ⁶⁹ Một bò đực tơ, một chiên đực, và một chiên con một tuổi làm tế lễ thiêu; ⁷⁰ một dê đực làm tế lễ chuộc tội; ⁷¹ hai bò đực, năm chiên đực, năm dê đực, và năm chiên con đực một tuổi làm tế lễ cầu an. Đó là các lễ vật của A-hi-ê-xe, con của A-mi-sa-đai.

⁷² Vào ngày thứ mười một, Pha-ghi-ên, con Óc-ran, trưởng đại tộc A-se, dâng lễ vật.

⁷³ Lễ vật người gồm có một đĩa bạc nặng 1,5 ký và một bát nặng 0,8 ký, theo tiêu chuẩn cân đo nơi thánh. Cả hai cái đều đầy bột

lọc nhồi dầu, làm tế lễ chay. ⁷⁴ Một chén bằng vàng nặng 114 gam đựng đầy hương liệu. ⁷⁵ Một bò đực tơ, một chiên đực, và một chiên con một tuổi làm tế lễ thiêu; ⁷⁶ một dê đực làm tế lễ chuộc tội; ⁷⁷ hai bò đực, năm chiên đực, năm dê đực, và năm chiên con đực một tuổi làm tế lễ cầu an. Đó là các lễ vật của Pha-ghi-ên, con của Óc-ran.

⁷⁸ Vào ngày thứ mười hai, A-hi-ra, con Ê-nan, trưởng tộc Nép-ta-li, dâng lễ vật.

⁷⁹ Lễ vật người gồm có một đĩa bạc nặng 1,5 ký và một bát nặng 0,8 ký, theo tiêu chuẩn cân đo nơi thánh. Cả hai cái đều đầy bột lọc nhồi dầu, làm tế lễ chay. ⁸⁰ Một chén bằng vàng nặng 114 gam đựng đầy hương liệu. ⁸¹ Một bò đực tơ, một chiên đực, và một chiên con một tuổi làm tế lễ thiêu; ⁸² một dê đực làm tế lễ chuộc tội; ⁸³ hai bò đực, năm chiên đực, năm dê đực, và năm chiên con đực một tuổi làm tế lễ cầu an. Đó là các lễ vật của A-hi-ra, con của Ê-nan.

⁸⁴ Đó là các lễ vật của các trưởng đại tộc người Ít-ra-ên dâng hiến trong lễ khánh thành bàn thờ, khi bàn thờ được xúc dầu: Mười hai đĩa bạc, mười hai chậu bạc, mười hai chén vàng. ⁸⁵ Mỗi đĩa bạc nặng 1,5 ký và mỗi bát nặng 0,8 ký. Tổng cộng đĩa và bát được 27,6 ký[‡] bạc, theo

[‡] 7:85 Nt 2.400 siéc-lơ

tiêu chuẩn cân đo nơi thánh. ⁸⁶ Mười hai chén vàng đựng dầu hương liệu, mỗi cái cân nặng 114 gam, theo tiêu chuẩn cân đo nơi thánh, tổng cộng được 1,4 ký§ vàng. ⁸⁷ Ngoài ra, họ còn dâng mười hai bò đực, mười hai chiên đực, mười hai chiên con một tuổi làm sinh tế thiêu, dâng chung với lễ vật ngũ cốc; mười hai dê đực làm sinh tế chuộc tội. ⁸⁸ Hai mươi bốn bò đực tơ, sáu mươi chiên đực, sáu mươi dê đực, sáu mươi chiên con một tuổi làm lễ vật thù ân.

⁸⁹ Khi Môi-se vào Đền Tạm thừa chuyện với Chúa Hằng Hữu, ông nghe tiếng Chúa Hằng Hữu phán dạy vang ra từ trên nắp chuộc tội, trên Hòm Giao Ước, giữa hai chê-ru-bim.

8

Cách Thắp Đèn

¹ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se dặn A-rôn: ² “Hãy sắp xếp bảy ngọn đèn trên chân đèn thế nào cho ánh sáng chiếu thẳng ra phía trước.” ³ A-rôn vâng lời, xếp cho đèn chiếu thẳng ra. Như lời Chúa Hằng Hữu phán bảo. ⁴ Chân đèn làm bằng vàng dát, từ đế cho đến hoa, theo kiểu mẫu Chúa Hằng Hữu cho Môi-se xem.

Biệt Riêng Người Lê-vi cho Chúa

⁵ Chúa Hằng Hữu lại phán bảo Môi-se: ⁶ “Hãy biệt riêng người Lê-vi ra khỏi toàn dân Ít-ra-ên và làm lễ thanh tẩy họ, ⁷ lấy nước thanh tẩy rảy trên họ, rồi bảo họ tự cạo sạch mình mẩy và

giặt sạch áo xông. ⁸ Hãy bảo họ đem dâng một bò đực tơ và lễ vật ngũ cốc bột mịn trộn dầu, cùng với một bò đực tơ khác làm sinh tế chuộc tội. ⁹ Sau đó, hãy dẫn người Lê-vi đến cửa Đền Tạm trước sự chứng kiến của toàn dân. ¹⁰ Con sẽ trình diện người Lê-vi cho Chúa Hằng Hữu; và người Ít-ra-ên sẽ đặt tay trên họ. ¹¹ A-rôn sẽ dâng người Lê-vi cho Chúa Hằng Hữu như một lễ vật của người Ít-ra-ên dâng lên, để thay dân phục vụ Chúa Hằng Hữu.

¹² Người Lê-vi sẽ đặt tay trên đầu hai con bò: Một con làm sinh tế chuộc tội, một con làm sinh tế thiêu, dâng lên Chúa Hằng Hữu để chuộc tội cho họ. ¹³ Xong rồi, người Lê-vi sẽ được giao cho A-rôn và các con A-rôn, giống như một lễ vật dâng lên Chúa Hằng Hữu theo lối đưa qua đưa lại; sau khi dâng, lễ vật thuộc về thầy tế lễ. ¹⁴ Như thế, con phân biệt người Lê-vi với những người Ít-ra-ên khác, vì người Lê-vi thuộc về Ta. ¹⁵ Sau khi được làm lễ thanh tẩy và hiến dâng, người Lê-vi sẽ vào Đền Tạm phục vụ Ta.

¹⁶ Họ được dâng cho Ta để thay thế các con trưởng nam Ít-ra-ên, và Ta chấp nhận họ. ¹⁷ Vì vào ngày Ta đoán phạt các con đầu lòng Ai Cập, Ta đã dành cho Ta tất cả con đầu lòng Ít-ra-ên, cả người lẫn gia súc. ¹⁸ Và bây giờ, Ta nhận người Lê-vi thay cho các con trưởng nam Ít-ra-ên. ¹⁹ Ta sẽ giao người Lê-vi cho A-rôn và các con trai (như một món quà tặng), để họ phục vụ trong Đền Tạm thay cho người Ít-ra-ên, và làm lễ chuộc

tội cho người Ít-ra-ên; nhờ đó người Ít-ra-ên sẽ không bị tai họa. Vì nếu ai trong người Ít-ra-ên vào nơi thánh, thì người ấy phải mang tai họa.”

²⁰ Môi-se, A-rôn, và toàn dân Ít-ra-ên thực hiện mọi lời Chúa Hằng Hữu phán dạy Môi-se về người Lê-vi. ²¹ Người Lê-vi tẩy sạch mình, giặt áo xông, và A-rôn dâng họ như tế lễ đưa qua đưa lại trước mặt Chúa Hằng Hữu. A-rôn cũng làm lễ chuộc tội cho họ được thánh sạch. ²² Sau đó, họ vào Đền Tạm giúp A-rôn và các con A-rôn. Mọi việc đều được thực hiện đúng theo lời Chúa Hằng Hữu phán dạy Môi-se.

²³ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ²⁴ “Mỗi người Lê-vi sẽ bắt đầu cuộc đời công vụ trong Đền Tạm từ tuổi hai mươi lăm, ²⁵ đến tuổi năm mươi, họ sẽ mãn nhiệm vụ. ²⁶ Đến tuổi đó, họ có thể phụ giúp anh em mình trong các việc tại Đền Tạm, nhưng chính họ không được đảm trách công việc. Con phải áp dụng luật lệ này khi phân công cho người Lê-vi.”

9

Lễ Vượt Qua Thứ Nhì

¹ Khi người dân Ít-ra-ên còn ở trong hoang mạc Si-nai, vào tháng giêng, năm thứ hai tính từ ngày họ rời đất Ai Cập, Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ² “Người Ít-ra-ên sẽ ăn lễ Vượt Qua hằng năm vào thời gian ấn định, ³ tối ngày mười bốn tháng này, theo đúng luật định Ta truyền dạy.”

⁴ Vậy, Môi-se thông báo lễ Vượt Qua cho toàn dân. ⁵ Lễ Vượt Qua được cử hành bắt đầu tối ngày mười bốn tháng giêng ngay tại hoang mạc Si-nai, như lời Chúa Hằng Hữu phán dạy Môi-se. ⁶ Nhưng có mấy người đụng vào xác chết, bị ô ướ, nên không được dự lễ. Những người này đến xin Môi-se và A-rôn ⁷ giải thích vì sao họ bị ô ướ, và khiếu nại về việc họ bị cấm dâng sinh tế cho Chúa Hằng Hữu trong ngày đã định, là ngày toàn dân phải dự lễ.

⁸ Môi-se cho họ biết là ông sẽ cầu hỏi ý Chúa Hằng Hữu về việc này.

⁹ Chúa Hằng Hữu trả lời Môi-se: ¹⁰ “Từ nay về sau, nếu có một người Ít-ra-ên nào vì đụng vào người chết mà bị ô ướ, hay phải đi xa nhà trong ngày lễ, thì người ấy cũng vẫn giữ lễ Vượt Qua cho Chúa Hằng Hữu. ¹¹ Họ phải giữ lễ này vào chiều tối ngày mười bốn tháng hai và ăn bánh không men cùng rau đắng. ¹² Họ cũng ăn bánh không men và rau đắng với thịt chiên. Họ không được để dành món gì đến sáng hôm sau, không được bẻ gãy một cái xương chiên nào, và họ phải theo đúng mọi chỉ thị khác về lễ Vượt Qua.

¹³ Còn người nào tinh sạch, hay không phải đi xa nhà, nhưng không chịu dự lễ, sẽ phải bị trục xuất khỏi cộng đồng Ít-ra-ên, vì đã không dâng sinh tế cho Chúa Hằng Hữu trong thời gian ấn định; người ấy phải mang tội mình. ¹⁴ Nếu có người ngoại quốc tạm trú muốn dự lễ Vượt

Qua với người Ít-ra-ên và dâng sinh tế cho Chúa Hằng Hữu, thì người ấy cũng phải theo đúng mọi chỉ thị về lễ này, cùng một quy luật áp dụng cho cả người Ít-ra-ên và người ngoại quốc.”

Trụ Khói Mây

¹⁵ Vào ngày Đền Tạm được dựng lên, đám mây che phủ đền. Đến tối, trên Đền Tạm như có lửa cháy rực cho đến sáng hôm sau. ¹⁶ Và cứ thế, mây che phủ Đền Tạm ban ngày, và lửa xuất hiện ban đêm. ¹⁷ Mỗi khi đám mây bay lên khỏi nóc đền, người Ít-ra-ên ra đi; đến nơi nào đám mây dừng lại, họ cắm trại tại nơi ấy. ¹⁸ Như vậy, lúc ra đi cũng như lúc dừng lại, họ đều tuân lệnh Chúa Hằng Hữu. Và khi nào đám mây còn dừng lại trên nóc đền, họ còn được nghỉ chân trong trại mình. ¹⁹ Khi trụ mây cứ ở trên Đền Tạm một thời gian dài, người Ít-ra-ên cũng vâng lệnh Chúa Hằng Hữu và không ra đi. ²⁰ Đôi khi trụ mây dừng trên Đền Tạm chỉ một vài ngày; theo lệnh của Chúa Hằng Hữu, dân chúng cắm trại. Và sau đó, theo lệnh của Ngài, họ lại ra đi. ²¹ Có khi đám mây dừng lại vào buổi tối và sáng hôm sau đã bay lên, họ phải lập tức ra đi; và dù đám mây bay lên ban đêm hay ban ngày, họ cũng vẫn ra đi. ²² Nếu đám mây dừng lại trên nóc Đền Tạm vài ngày, một tháng hay một năm, thời gian ấy người Ít-ra-ên cũng dừng chân đóng trại. Nhưng bất kỳ lúc nào đám mây bay lên, họ liền ra đi. ²³ Vậy, theo lệnh Chúa Hằng Hữu họ

cắm trại; theo lệnh Chúa Hằng Hữu họ ra đi; họ tuân theo mọi điều Ngài dạy bảo Môi-se.

10

Những Chiếc Kèn Bạc

¹ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ² “Hãy làm hai chiếc kèn bằng bạc dát mỏng, dùng để triệu tập dân chúng hội họp và báo hiệu tháo trại lên đường. ³ Khi muốn triệu tập toàn dân tại cửa Đền Tạm, thì thổi cả hai kèn. ⁴ Nếu có một loa thổi lên thì các nhà lãnh đạo tức các trưởng đại tộc Ít-ra-ên sẽ họp trước mặt con. ⁵ Khi thổi kèn vang động dồn dập lần thứ nhất, đó là hiệu lệnh cho trại phía đông ra đi. ⁶ Khi kèn thổi vang động lần thứ hai, trại phía nam ra đi. ⁷ Lúc triệu tập, không được thổi kèn vang động dồn dập. Thổi kèn vang động dồn dập là hiệu lệnh xuất quân. ⁸ Người thổi kèn là các thầy tế lễ, con của A-rôn. Đây là một định lệ có tính cách vĩnh viễn, áp dụng qua các thế hệ.

⁹ Khi các người vào lãnh thổ mình rồi, mỗi khi xuất quân chống quân thù xâm lăng, phải thổi kèn vang động dồn dập; Chúa Hằng Hữu sẽ nghe và cứu các người khỏi quân thù. ¹⁰ Cũng được thổi kèn trong những ngày vui mừng, những kỳ lễ, ngày đầu tháng, lúc dâng lễ thiêu, và lễ thù ân. Tiếng kèn sẽ nhắc nhở Đức Chúa Trời nhớ đến các người. Ta là Chúa Hằng Hữu, Đức Chúa Trời của các người.”

Người Ít-ra-ên Rời Khởi Si-nai

¹¹ Vào ngày hai mươi tháng hai, năm thứ hai, đám mây bay lên khỏi nóc Đền Giao Ước, ¹² và người Ít-ra-ên từ hoang mạc Si-nai lên đường. Đi đến hoang mạc Pha-ran, đám mây dừng lại.

¹³ Đây là lần đầu tiên họ ra đi sau khi nhận được huấn thị của Chúa Hằng Hữu do Môi-se truyền lại. ¹⁴ Đại tộc Giu-đa ra đi trước tiên, dưới ngọn cờ của tộc mình, do Na-ha-sôn, con A-mi-na-đáp chỉ huy. ¹⁵ Thứ đến là đại tộc Y-sa-ca, do Na-tha-na-ên, con Xu-a chỉ huy. ¹⁶ Sau đó đến đại tộc Sa-bu-luân, do Ê-li-áp, con Hê-lôn chỉ huy.

¹⁷ Đền Tạm được tháo gỡ, các gia tộc Ghệt-sôn và Mê-ra-ri khiêng đi. ¹⁸ Đi sau đền là đại tộc Ru-bên, dưới ngọn cờ mình, do Ê-li-sua, con Sê-đêu chỉ huy. ¹⁹ Kế sau là đại tộc Si-mê-ôn, do Sê-lu-mi-ên, con Xu-ri-ha-đai, chỉ huy; ²⁰ rồi đến đại tộc Gát, do Ê-li-a-sáp, con Đê-u-ên chỉ huy.

²¹ Gia tộc Kê-hát ra đi, khiêng theo các vật thánh. Đền Tạm phải được dựng xong trước khi gia tộc Kê-hát đến nơi. ²² Kế đến là đại tộc Ép-ra-im, do Ê-li-sa-ma, con A-mi-hút chỉ huy. ²³ Rồi đến đại tộc Ma-na-se, do Ga-ma-li-ên, con Phê-đát-su chỉ huy. ²⁴ Sau đó là đại tộc Bê-n-gia-min, do A-bi-đan, con Ghi-đeo-ni chỉ huy.

²⁵ Đại tộc Đan hướng dẫn đạo quân hậu tập do A-hi-ê-xe, con A-mi-sa-đai, chỉ huy, đi dưới ngọn cờ mình. ²⁶ Sau đại tộc Đan là đại tộc A-se, do Pha-ghi-ên, con Óc-ran chỉ huy. ²⁷ Đi sau cùng là đại tộc Nép-ta-li do A-hi-ra, con Ê-nan chỉ huy.

28 Đó là thứ tự đội ngũ của người Ít-ra-ên khi họ ra đi.

29 Một hôm, Môi-se nói với anh vợ mình là Hô-báp, con Rê-u-ên, người Ma-đi-an, rằng: “Cuộc hành trình này sẽ đưa chúng ta đến đất hứa. Anh cứ theo chúng tôi, chúng tôi sẽ hậu đãi anh, vì Chúa Hằng Hữu đã hứa ban phước lành cho Ít-ra-ên.”

30 Nhưng Hô-báp đáp: “Không được. Tôi phải về quê sống với bà con thân quyến.”

31 Môi-se năn nỉ: “Xin anh đừng bỏ về. Anh là người thông thạo việc cắm trại trong hoang mạc nên anh sẽ giúp chúng tôi rất đắc lực.* 32 Nếu anh đi với chúng tôi, thì chúng tôi sẽ chia sẻ với anh mọi thứ phước lành Chúa Hằng Hữu ban cho chúng tôi.”

33 Vậy, họ rời núi Si-nai,† đi đường trong ba ngày; Hòm Giao Ước của Chúa Hằng Hữu đi trước, tìm một nơi cho họ dừng chân. 34 Đám mây của Chúa Hằng Hữu che họ hằng ngày trong lúc đi đường. 35 Cứ mỗi lần Hòm Giao Ước đi, Môi-se cầu khẩn: “Lạy Chúa Hằng Hữu, xin đứng lên đánh kẻ thù tan tác! Đuổi kẻ ghét Ngài chạy dài!” 36 Và mỗi khi Hòm Giao Ước dừng lại, Môi-se cầu nguyện: “Xin Chúa Hằng Hữu trở lại với toàn dân Ít-ra-ên!”

11

Dân Chúng Cắn Nhấn Môi-se

* **10:31** Nt anh sẽ là mắt của chúng tôi † **10:33** Nt núi của Chúa Hằng Hữu

¹ Người Ít-ra-ên bắt đầu phàn nàn, than trách. Chúa Hằng Hữu nghe tất cả và nổi giận. Lửa của Chúa Hằng Hữu bắt đầu thiêu đốt những trại ở ven ngoài cùng của họ. ² Họ kêu cứu với Môi-se. Môi-se kêu cầu Chúa Hằng Hữu và lửa ngừng cháy. ³ Môi-se đặt tên chỗ ấy là Tha-bê-ra, vì lửa của Chúa Hằng Hữu đốt cháy họ.

⁴ Đã thế, những người ngoại quốc đi chung với người Ít-ra-ên lại đòi hỏi, thèm thường, nên người Ít-ra-ên lại kêu khóc: “Làm sao được miếng thịt mà ăn! ⁵ Nhớ ngày nào còn ở Ai Cập, tha hồ ăn cá, ăn dưa leo, dưa hấu, ăn kiệu, hành, tỏi; ⁶ nhưng ngày nay sức lực tiêu tán vì chẳng có gì ăn ngoài ma-na trước mắt!”

⁷ Ma-na mịn như hạt ngò, trong như nhựa cây. ⁸ Người ta chỉ cần nhặt lấy, đem xay hoặc giã rồi hấp chín đi để làm bánh. Bánh ma-na có vị như bánh pha dầu ô-liu. ⁹ Đêm đêm, lúc sương rơi là lúc ma-na rơi xuống quanh trại.

¹⁰ Các gia đình Ít-ra-ên đều ra đứng khóc lóc ở cửa trại mình. Môi-se nghe vậy, bất mãn lắm và Chúa Hằng Hữu cũng nổi giận. ¹¹ Môi-se thưa với Chúa Hằng Hữu: “Sao Chúa làm cho người đầy tớ này buồn khổ? Sao Chúa không ban ơn mà cứ bắt con phải gánh vác dân này? ¹² Họ có phải là con đẻ của con đâu mà Chúa bảo con ẵm họ vào lòng như mẹ nuôi dưỡng con mình, đem họ vào đất Ngài đã hứa cho tổ tiên họ? ¹³ Con lấy đâu ra thịt cho cả dân này ăn mà họ cứ khóc lóc đòi thịt? ¹⁴ Một mình con không gánh nổi dân

này, trách nhiệm con nặng nề quá! ¹⁵ Nếu Chúa cư xử với con thế này, xin thà giết con ngay đi, để con khỏi lâm vào cảnh khốn nạn, và như vậy là Chúa làm ơn cho con đó!”

Môi-se Chọn Bảy Mười Trưởng Lão

¹⁶ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: “Hãy chọn bảy mươi trưởng lão trong dân, đem họ vào Đền Tạm đứng với con. ¹⁷ Ta sẽ xuống nói chuyện với con tại đó, và lấy Thần Linh trong con đặt trên những người ấy để họ chia sẻ trách nhiệm với con và con không phải gánh vác một mình.

¹⁸ Cũng bảo dân chúng phải dọn mình thanh sạch, ngày mai họ sẽ được ăn thịt. Chúa Hằng Hữu đã nghe lời khóc than của họ vì thèm thịt, vì luyến tiếc những ngày đầy đủ ở Ai Cập. Chúa Hằng Hữu sẽ cho họ thịt. ¹⁹ Họ sẽ ăn, không phải chỉ một hai ngày, năm mười ngày, hay vài mươi ngày. ²⁰ Nhưng ăn suốt tháng, đến độ chán chê thịt, nôn cả ra lỗ mũi. Vì họ từ khước Chúa Hằng Hữu đang ở giữa họ, mà khóc than tiếc nuối Ai Cập.”

²¹ Môi-se thắc mắc: “Người Ít-ra-ên có đến 600.000 quân, thế mà Ngài sẽ cho họ ăn thịt suốt tháng sao? ²² Nếu vậy phải giết hết bò, chiên, hoặc bắt hết cá dưới biển cho họ ăn mới đủ.”

²³ Nhưng Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: “Tay của Chúa Hằng Hữu đâu có ngắn? Con chờ xem lời Ta hứa có được thực hiện hay không.”

²⁴ Môi-se ra khỏi đền, kể cho dân chúng nghe mọi lời Chúa Hằng Hữu phán dạy. Ông chọn bảy

mười trưởng lão, đem họ đến đứng quanh Đền Tạm. ²⁵ Chúa Hằng Hữu ngự xuống đám mây nói chuyện với Môi-se, và lấy Thần Linh trong ông đặt trên bảy mươi trưởng lão. Khi Thần Linh ngự trên họ, các trưởng lão bắt đầu nói tiên tri, nhưng không được lâu dài.

²⁶ Lúc ấy có hai trưởng lão, là Ên-đát và Mê-đát, vẫn còn ở trong trại chứ chưa đi đến Đền Tạm. Khi Thần Linh ngự trên họ, họ nói tiên tri ngay trong trại. ²⁷ Một thanh niên chạy đi báo tin cho Môi-se: “Ên-đát và Mê-đát đang nói tiên tri trong trại.” ²⁸ Giô-suê, con của Nun, người phụ tá của Môi-se, lên tiếng: “Xin thầy cấm họ.”

²⁹ Môi-se đáp: “Con ganh tị giùm cho ta sao? Ta chỉ ước mong mỗi con dân của Chúa Hằng Hữu đều nói tiên tri, và Chúa Hằng Hữu đổ Thần Linh của Ngài trên mọi người.” ³⁰ Sau đó, Môi-se và các trưởng lão Ít-ra-ên trở về trại.

Chúa Hằng Hữu Ban Chim Cút

³¹ Chúa Hằng Hữu sai gió thổi chim cút từ biển đến, sa vào trại Ít-ra-ên. Chim nằm dày đặc cả một vùng, từ trại lan rộng ra khắp chung quanh, mỗi phía rộng ước chừng một ngày đường, và từ mặt đất lên cao đến quãng một thước. ³² Người ta lo bắt chim cút suốt cả ngày và đêm hôm ấy, và luôn cả ngày hôm sau. Mỗi người ít nhất cũng bắt được hơn 10 hô-me.* Họ đem chim phơi khắp quanh trại. ³³ Nhưng khi người ta bắt đầu ăn thịt chim, cơn phẫn nộ của Chúa Hằng Hữu

* **11:32** Khoảng 1.800 lít

nổi lên, Ngài giáng tai họa khủng khiếp trên họ.
³⁴ Và nơi ấy được gọi là Kíp-rốt Ha-tha-va,† vì là
 nơi chôn xác của những người tham ăn.‡ ³⁵ Từ
 Kíp-rốt Ha-tha-va, họ lại ra đi và dừng chân tại
 Hát-sê-rốt.

12

Sự Phàn Nàn của A-rôn và Mi-ri-am

¹ Mi-ri-am và A-rôn nói hành Môi-se về người
 đàn bà ở xứ Cút mà Môi-se cưới làm vợ. ² Họ
 nói: “Có phải chỉ một mình Môi-se là người
 trung gian truyền đạt sứ mệnh của Chúa Hằng
 Hữu cho dân chúng đâu? Ngài không phán qua
 chúng ta sao?” Nhưng Chúa Hằng Hữu nghe
 những lời đó. ³ (Môi-se là một người khiêm tốn
 nhất trên đời.)

⁴ Ngay lập tức, Chúa Hằng Hữu truyền bảo
 Môi-se, A-rôn, và Mi-ri-am: “Hãy đi ngay vào
 Đền Tạm!” Họ vâng lời. ⁵ Chúa Hằng Hữu ngự
 xuống trong trụ mây, đứng tại cửa Đền Tạm.
 Ngài gọi: “A-rôn và Mi-ri-am!” Họ cùng bước
 tới. ⁶ Chúa Hằng Hữu phán với họ: “Lắng nghe
 điều Ta phán:

Nếu có những tiên tri ở giữa các con,

Ta, Chúa Hằng Hữu, sẽ bày tỏ Ta trong khả
 tượng,

Ta phán với họ trong giấc chiêm bao.

⁷ Nhưng với Môi-se, đây tớ của Ta.

Trong nhà Ta, chỉ có người là trung tín.

⁸ Ta nói chuyện với người mặt đối mặt,

† 11:34 Nghĩa là mồ chôn đục vọng ‡ 11:34 Ctd tham đục

rõ ràng, không lời bí ẩn!
Người đã được chiêm ngưỡng Chúa Hằng Hữu.
Thế mà các con không sợ
mà nói hành Môi-se, đầu tở của Ta sao?”

⁹ Cơn thịnh nộ của Chúa Hằng Hữu nổi lên cùng họ, rồi Ngài ngự đi. ¹⁰ Vừa khi đám mây bay khỏi nóc Đền Tạm, Mi-ri-am liền bị bệnh phong hủi trắng như tuyết. A-rôn thấy thế, ¹¹ liền van xin Môi-se: “Xin đừng trừng phạt chúng tôi, vì chúng tôi phạm tội và hành động điên cuồng. ¹² Đừng để cho chị ấy như người đã chết, như một hài nhi lọt lòng mẹ với một thân thể rữa nát.”

¹³ Môi-se kêu xin Chúa Hằng Hữu: “Chúa ơi! Xin Ngài chữa lành chị con.”

¹⁴ Chúa Hằng Hữu liền bảo Môi-se: “Nếu cha nàng nhổ vào mặt nàng, thì nàng cũng phải chịu xấu hổ trong bảy ngày. Vậy nàng phải được giữ bên ngoài trại quân bảy ngày, sau đó mới được vào trại.”

¹⁵ Và như thế, Mi-ri-am được giữ lại một nơi bên ngoài trại bảy ngày. Dân chúng không lên đường cho đến ngày Mi-ri-am được trở vào trại. ¹⁶ Sau đó, họ từ Hát-sê-rốt ra đi. Đến hoang mạc Pha-ran, họ dừng chân cắm trại.

13

Mười Hai Thám Tử Dọ Thám Xứ Ca-na-an

¹ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ² “Con chọn trong số các nhà lãnh đạo, mỗi đại tộc một người, sai họ đi do thám Ca-na-an, đất Ta cho

Ít-ra-ên.”³ Vậy từ hoang mạc Pha-ran, Môi-se cử họ ra đi, theo lệnh Chúa Hằng Hữu. Tất cả đều là những người lãnh đạo của người Ít-ra-ên.

⁴ Đây là danh sách của họ:

Đại tộc Ru-bên: Sam-mua, con của Xác-cua.

⁵ Đại tộc Si-mê-ôn: Sa-phát, con của Hô-ri.

⁶ Đại tộc Giu-đa: Ca-lép, con của Giê-phu-nê.

⁷ Đại tộc Y-sa-ca: Di-ganh, con của Giô-sép.

⁸ Đại tộc Ép-ra-im: Ô-sê, con của Nun.

⁹ Đại tộc Bên-gia-min: Phan-thi, con của Ra-phu.

¹⁰ Đại tộc Sa-bu-luân: Gát-đi-ên, con của Sô-đi.

¹¹ Đại tộc Ma-na-se, con trai của Giô-sép: Ga-đi, con của Su-si.

¹² Đại tộc Đan: A-mi-ên, con của Ghê-ma-li.

¹³ Đại tộc A-se: Sê-thu, con của Mi-ca-ên.

¹⁴ Đại tộc Nép-ta-li: Nách-bi, con của Vấp-si.

¹⁵ Đại tộc Gát: Gu-ên, con của Ma-ki.

¹⁶ Đó là danh sách các thám tử Môi-se sai đi trình sát xứ Ca-na-an. Ông đổi tên Ô-sê, con của Nun, thành Giô-suê.

¹⁷ Môi-se dặn họ: “Các anh đi lên miền bắc ngang qua xứ Nê-ghép đến tận vùng đồi núi; ¹⁸ xem thử địa thế ra sao, dân tình thế nào, đồng hay thưa, mạnh hay yếu, ¹⁹ đất tốt hay xấu, thành thị có hào lũy kiên cố hay trống trải, ²⁰ đất đai màu mỡ hay khô cằn, có nhiều cây cối hay tiêu điều. Hãy cố gắng đem về một ít hoa quả, đừng ngại ngần.” (Lúc ấy đúng vào mùa hái nho đầu màu.)

²¹ Vậy, họ ra đi trình sát đất này, từ hoang mạc Xin tới Rê-hốp, gần Lê-bô Ha-mát. ²² Họ đi lên miền bắc, ngang qua xứ Nê-ghép tới Hép-rôn, nơi con cháu A-nác là A-hi-man, Sê-sai, và Thanh-mai sinh sống. (Thành Hép-rôn được xây trước Xô-an ở Ai Cập bảy năm.) ²³ Họ đến thung lũng Éch-côn, cắt một chùm nho, hai người phải dùng đòn mới khiêng nổi. Họ cũng hái mấy trái thạch lựu và trái vả đem về. ²⁴ Thung lũng ấy được gọi là Éch-côn,* vì các thám tử Ít-ra-ên đã hái nho ở đó.

Lời Tường Trình của Các Thám Tử

²⁵ Sau bốn mươi ngày do thám, họ trở về. ²⁶ Họ quay về với Môi-se, A-rôn, và toàn thể người Ít-ra-ên trong hoang mạc Pha-ran. Các thám tử báo cho họ và toàn thể người Ít-ra-ên và cho xem hoa quả trong xứ. ²⁷ Họ báo với Môi-se: “Chúng tôi đã vào đất ấy theo lệnh ông sai bảo chúng tôi; thật là đất tràn đầy sữa và mật. Đây là hoa quả của xứ ấy. ²⁸ Tuy nhiên, dân ở đó rất cường tráng, thành thị rộng lớn, và hào lũy kiên cố. Ngoài ra, chúng tôi có thấy bọn khổng lồ, thuộc dòng dõi A-nác ở đó nữa. ²⁹ Người A-ma-léc ở Nê-ghép, người Hê-tít, người Giê-bu, và người A-mô-rít ở vùng cao nguyên, còn người Ca-na-an ở miền biển† và dọc theo Thung lũng Giô-đan.”

³⁰ Ca-lép lên tiếng để trấn an dân chúng đang nghi hoặc trước mặt Môi-se: “Chúng ta phải đi

* 13:24 Nghĩa là chùm (chùm nho) † 13:29 Nt Địa Trung Hải

ngay vào chiếm lấy đất ấy, chúng ta thừa sức chinh phục xứ này.”

³¹ Nhưng các thám tử khác nói: “Chúng ta không đủ sức đâu, vì họ mạnh hơn chúng ta.”

³² Những người này thổi phồng những điểm bất lợi: “Đất này sẽ nuốt chửng dân ta, vì dân cư chúng nó là giống khổng lồ. ³³ Chúng tôi đã thấy bọn người khổng lồ † con cháu A-nác. Họ to lớn đến độ chúng tôi cảm thấy mình bé nhỏ như những con cào cào khi đứng trước mặt họ.”

14

Dân Chúng Phản Nghịch

¹ Nghe thế, mọi người khóc lóc nức nở. Họ khóc suốt đêm ấy. ² Họ cùng nhau lên tiếng trách Môi-se và A-rôn: “Thà chúng tôi chết ở Ai Cập hay chết trong hoang mạc này còn hơn!

³ Tại sao Chúa Hằng Hữu đem chúng tôi đến đây để chịu đâm chém, và vợ con chúng tôi làm mồi cho địch? Thà đi trở lại Ai Cập còn hơn!” ⁴ Họ quay lại bàn với nhau: “Chúng ta nên bầu một vị lãnh tụ để đem chúng ta quay về Ai Cập!”

⁵ Môi-se và A-rôn sấp mình xuống trước mặt toàn thể người dân Ít-ra-ên. ⁶ Giô-suê, con của Nun, và Ca-lép, con của Giê-phu-nê, là hai người trong toán đi trinh sát Ca-na-an về, liền xé áo mình, ⁷ khích lệ mọi người: “Xứ chúng tôi đi do thám đất đai vô cùng màu mỡ. ⁸ Nếu Chúa Hằng Hữu thương yêu giúp đỡ, Ngài sẽ đưa chúng ta vào và cho chúng ta xứ ấy, là một xứ ‘đượm sữa

† 13:33 Nt Nephilim

và mật.’⁹ Nhưng, xin anh chị em đừng nổi loạn cùng Chúa Hằng Hữu, cũng đừng sợ dân của xứ ấy, vì họ chỉ là mồi cho chúng ta. Họ không thể chống đỡ vì Chúa Hằng Hữu đứng bên chúng ta, không việc gì ta phải sợ họ!”

¹⁰ Nhưng mọi người lại bảo nhau lấy đá ném cho hai ông chết. Bông vinh quang của Chúa Hằng Hữu hiện ra tại Đền Tạm trước mặt toàn thể người Ít-ra-ên. ¹¹ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: “Dân này không tin Ta, khinh dể Ta cho đến bao giờ, mặc dù Ta đã làm bao nhiêu phép lạ giữa họ? ¹² Ta sẽ truất quyền thừa hưởng của họ, tiêu diệt họ bằng dịch lệ tai ương, rồi sẽ làm cho dòng giống của con thành một nước lớn mạnh hơn họ.”

Môi-se Van Xin cho Dân Chúng

¹³ Nhưng Môi-se thưa lên Chúa Hằng Hữu: “Nếu thế, người Ai Cập sẽ nghe tin này. Vì Chúa đã dùng quyền lực phi thường đem Ít-ra-ên ra đi từ Ai Cập, ¹⁴ họ sẽ báo cho dân ở trong xứ này biết. Họ cũng có nghe rằng Chúa là Chúa Hằng Hữu ở với người Ít-ra-ên, hiện diện giữa Ít-ra-ên. Đám mây của Chúa dẫn đường Ít-ra-ên ngày và đêm. ¹⁵ Bây giờ nếu Chúa tiêu diệt Ít-ra-ên, những nước đã nghe danh tiếng Chúa sẽ nói rằng: ¹⁶ ‘Vì Chúa Hằng Hữu không thể nào đem Ít-ra-ên vào đất Ngài thề hứa cho họ, nên mới giết họ trong hoang mạc.’”

¹⁷ Vậy con van nài Chúa, xin quyền năng của Chúa Hằng Hữu thể hiện cách uy nghi,* như Chúa đã phán: ¹⁸ ‘Chúa Hằng Hữu đầy tình thương, chậm giận, hay thứ lỗi, nhưng Chúa cũng không thể không trừng phạt người có tội và dòng dõi họ.’ ¹⁹ Xin Chúa tha tội cho dân này, vì tình thương không hề thay đổi của Chúa, cũng như Chúa đã bao lần tha thứ cho họ từ khi còn ở Ai Cập cho đến ngày nay.”

²⁰ Chúa Hằng Hữu đáp: “Theo lời con xin, Ta đã tha cho họ. ²¹ Nhưng hiển nhiên như Ta hằng sống, vinh quang Chúa Hằng Hữu† sẽ tràn ngập đất. ²² Trong tất cả những người thấy vinh quang Ta, sẽ không cho một ai được thấy đất đai Ta đã hứa cho tổ tiên họ. Họ đã thấy các phép lạ Ta làm tại Ai Cập cũng như ²³ trong hoang mạc, nhưng đã mười lần không tin Ta, không vâng lời Ta. ²⁴ Nhưng đây tớ Ta là Ca-lép, với một tinh thần khác biệt, đã hết lòng theo Ta; nên Ta sẽ đưa Ca-lép vào đất người đã trình sát, và con cháu người sẽ hưởng chủ quyền đất ấy. ²⁵ Lúc ấy người A-ma-léc và người Ca-na-an đang sống trong thung lũng. Ngày mai, các người sẽ quay lại, đi vào hoang mạc theo hướng Biển Đỏ.”

Chúa Hằng Hữu Trừng Phạt Người Ít-ra-ên

²⁶ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se và A-rôn: ²⁷ “Những người tội lỗi này còn phàn nàn oán trách Ta cho đến bao giờ? Ta đã nghe hết những lời của người Ít-ra-ên phàn nàn rồi. ²⁸ Con bảo

* 14:17 Nt vĩ đại † 14:21 Nt Giê-hô-va

họ rằng: ‘Hiển nhiên như Chúa Hằng Hữu hằng sống, Ta sẽ làm cho những lời kêu ca của các người thành sự thật. ²⁹ Các người đều phải chết trong hoang mạc; tất cả những ai đã oán trách Ta, từ hai mươi tuổi trở lên, ³⁰ đều không được vào đất hứa, trừ Ca-lép, con Giê-phu-nê và Giô-suê, con Nun.

³¹ Đối với con cái của các người, các người nói rằng chúng nó sẽ làm mồi cho địch, nhưng Ta sẽ đưa chúng nó vào đất các người chê bỏ. ³² Còn về chính các người thì thầy các người sẽ nằm rạp trong hoang mạc này. ³³ Vì các người bất trung, nên con cái các người phải lang thang trong hoang mạc suốt bốn mươi năm, cho đến ngày những người sau cùng trong các người chết trong hoang mạc.

³⁴ Vì các người đã trình sát xứ trong bốn mươi ngày, nên các người phải lang thang trong hoang mạc suốt bốn mươi năm—mỗi ngày là một năm, đó là thời gian các người phải mang tội ác mình. Các người sẽ ý thức được hậu quả của việc toa rạp nhau chống nghịch Ta.’ ³⁵ Ta là Chúa Hằng Hữu đã quyết định như vậy, họ phải chết trong hoang mạc này vì tội phản nghịch Ta.”

³⁶ Riêng các thám tử mà Mô-i-se đã sai đi trình sát xứ, khi trở về có xui cho dân chúng lầm bầm cùng Mô-i-se, ³⁷ những người cản trở, trình báo sai trật đều bị tai vạ hành chết ngay trước mặt Chúa Hằng Hữu. ³⁸ Trong những người đi trình sát xứ chỉ có Giô-suê, con trai của Nun, và Ca-lép, con trai của Giê-phu-nê còn sống được.

³⁹ Môi-se thuật lại mọi lời của Chúa Hằng Hữu cho toàn dân Ít-ra-ên, nên họ vô cùng sầu thảm. ⁴⁰ Sáng hôm sau, họ dậy sớm, leo lên núi và nói: “Chúng tôi đã phạm tội. Nhưng bây giờ chúng tôi sẵn sàng vào đất hứa. Thấy không, chúng tôi đã lên đến tận đất mà Chúa Hằng Hữu đã hứa với chúng tôi.”

⁴¹ Nhưng Môi-se nói: “Đã đến nước này sao còn cãi lệnh Chúa Hằng Hữu? Làm vậy anh em chỉ có thất bại. ⁴² Tự ý ra đi khi không có Chúa Hằng Hữu đi cùng, anh em sẽ bị quân thù đánh bại. ⁴³ Anh em sẽ chết dưới lưỡi gươm của quân A-ma-léc và Ca-na-an, vì anh em đã chối bỏ Chúa Hằng Hữu, nên Ngài cũng từ bỏ anh em.”

⁴⁴ Nhưng họ ngoan cố cứ tiến lên núi, mặc dù Môi-se và Hòm Giao Ước của Chúa Hằng Hữu vẫn chưa rời trại. ⁴⁵ Quân A-ma-léc và Ca-na-an ở trên đồi núi đổ xuống đánh giết họ và đánh đuổi họ chạy dài cho đến Họt-ma.

15

Luật về Lễ Vật

¹ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ² “Hãy bảo với người Ít-ra-ên sau khi đã vào trong đất Ta cho, ³ và khi các người dâng lên Chúa Hằng Hữu các tế lễ bằng lửa lấy từ bầy bò và bầy chiên mình để có mùi thơm đẹp lòng Chúa Hằng Hữu, hoặc tế lễ thiêu, hoặc sinh tế về những lời thề nguyện đặc biệt hay tự hiến, hoặc lễ vật dâng lên nhân kỳ lễ ⁴ thì người đem dâng tế lễ phải

dâng lên Chúa Hằng Hữu một tế lễ chay là 2,2 lít* bột mì mịn trộn với 1 lít† dầu ô-liu. ⁵ Cứ mỗi con chiên dâng làm tế lễ thiêu, hoặc cứ mỗi sinh tế, con hãy chuẩn bị 1 lít rượu nho làm lễ quán.

⁶ Nếu sinh tế là một con bò đực, lễ vật ngũ cốc là 4,4 lít‡ bột mì mịn trộn với 1,3 lít§ dầu ô-liu, ⁷ đồng thời cũng dâng 1,3 lít rượu nho. Đó là các lễ vật có hương thơm dâng lên Chúa Hằng Hữu.

⁸ Nếu sinh tế là một con bò đực tơ làm tế lễ thiêu hay làm sinh tế vì một lời hứa nguyện đặc biệt, hay vì một tế lễ cầu an cho Chúa Hằng Hữu, ⁹ hãy đem theo con bò đực, một tế lễ chay bằng 6,6 lít* bột mì trộn với 2 lít† dầu ô-liu, ¹⁰ đồng thời cũng dâng 2 lít rượu nho. Đó là các lễ vật dùng lửa dâng hương thơm lên Chúa Hằng Hữu.

¹¹ Mỗi con bò đực hay chiên đực, mỗi con chiên con hay dê con đều phải chuẩn bị dâng lễ theo cách đó. ¹² Hãy chuẩn bị cách ấy cho từng con một, dâng bao nhiêu sinh tế đều phải dâng theo bấy nhiêu tế lễ chay. ¹³ Luật lệ này áp dụng chung cho người Ít-ra-ên và ¹⁴ người ngoại kiều khi dâng lễ vật, dùng lửa dâng hương thơm lên Chúa Hằng Hữu. ¹⁵ Chỉ có một luật áp dụng cho cả người Ít-ra-ên lẫn ngoại kiều. Nguyên tắc này có tính cách vĩnh viễn, không thay đổi qua các thế hệ, vì trước mặt Chúa Hằng Hữu, người Ít-ra-ên cũng như người ngoại kiều. ¹⁶ Các luật lệ

* 15:4 Nt 1/10 ê-pha † 15:4 Nt ¼ hin; tương tự trong câu 5

‡ 15:6 Nt 2/10 ê-pha § 15:6 Nt 1/3 hin; tương tự trong câu 7

* 15:9 Nt 3/10 ê-pha † 15:9 Nt 1/2 hin; tương tự trong câu 10

và sắc lệnh áp dụng cho các người cũng áp dụng cho ngoại kiều sống giữa các người y như vậy.”

¹⁷ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ¹⁸ “Hãy nói thêm những điều này với người Ít-ra-ên.

Khi đã vào trong đất Ta cho, ¹⁹ khi được ăn thực phẩm trong xứ đó, hãy dâng một phần thực phẩm làm lễ vật cho Chúa Hằng Hữu. ²⁰ Hãy dâng một chiếc bánh bằng bột đầu mùa làm một tế lễ từ sân đập lúa. ²¹ Suốt các thế hệ tương lai cũng thế, các người phải dâng tế lễ này cho Chúa Hằng Hữu lấy từ trong bột đầu mùa.

²² Nếu người vô tình không giữ một điều răn nào Chúa Hằng Hữu đã ban hành cho Môi-se, ²³ tức là điều răn của Chúa Hằng Hữu dùng Môi-se mà ban cho các người từ ngày Chúa Hằng Hữu ban hành cho đến những thế hệ tương lai. ²⁴ Nếu vô tình phạm tội mà cộng đồng không biết, thì cả cộng đồng phải dâng một con chiên đực làm tế lễ thiêu có mùi thơm đẹp lòng Chúa Hằng Hữu luôn với lễ chay và lễ quán như đã ấn định, và một con dê đực làm tế lễ chuộc tội. ²⁵ Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho dân chúng và lỗi họ sẽ được tha, vì đây là một sự lầm lỡ, và họ đã dâng lễ thiêu và lễ chuộc tội cho Chúa Hằng Hữu để chuộc lỗi. ²⁶ Toàn thể dân chúng đều được thứ tha, kể cả người ngoại kiều, vì mọi người đều có phần trong sự lầm lỡ này.

²⁷ Trường hợp cá nhân lầm lỡ, người ấy phải dâng một con dê cái một tuổi làm lễ chuộc tội.

²⁸ Thầy tế lễ sẽ chuộc tội cho người ấy trước

mặt Chúa Hằng Hữu, lỗi người ấy sẽ được tha. ²⁹ Luật về cá nhân lầm lỡ này áp dụng chung cho người Ít-ra-ên và ngoại kiều. ³⁰ Nhưng nếu một người cố tình vi phạm, dù là người Ít-ra-ên hay ngoại kiều, thì người ấy phải bị khai trừ khỏi dân chúng, vì đã xúc phạm Chúa Hằng Hữu. ³¹ Vì dám coi thường lời của Chúa Hằng Hữu, vi phạm luật lệ Ngài, nên mạng người ấy phải bị khai trừ, và phải mang lấy tội mình.”

Phạt Vi Phạm Ngày Sa-bát

³² Khi họ còn ở trong hoang mạc, một hôm người ta bắt gặp một người đang nhật củi trong ngày Sa-bát. ³³ Người ta dẫn người ấy đến Môi-se, A-rôn, và dân chúng. ³⁴ Nhưng vì chưa có điều luật áp dụng cho trường hợp này, người ta giam người ấy lại. ³⁵ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: “Người ấy phải bị xử tử, toàn dân sẽ lấy đá ném cho người ấy chết đi bên ngoài trại.” ³⁶ Và đoàn dân dẫn người ấy ra ngoài trại, lấy đá ném chết theo lệnh Chúa Hằng Hữu cùng Môi-se.

Các Tua Áo

³⁷ Chúa Hằng Hữu lại phán dặn Môi-se dạy người Ít-ra-ên: ³⁸ “Trên áo mỗi người phải kết tua. Các tua này được đính vào lai áo bằng dây màu xanh. Lệ này áp dụng qua các thế hệ. ³⁹ Mỗi khi nhìn thấy các tua, các người sẽ nhớ lại các luật lệ của Chúa Hằng Hữu, tuân hành luật lệ Ngài, chứ không làm theo điều lòng mình ham muốn, mắt mình ưa thích, như các người đã làm

khi còn theo các thần khác. ⁴⁰ Vậy, các người sẽ được nhắc nhở để thi hành lời Ta dạy, và trở nên người thánh cho Đức Chúa Trời. ⁴¹ Đức Chúa Trời các người là Chúa Hằng Hữu đã đem các người ra khỏi Ai Cập. Ta là Chúa Hằng Hữu, Đức Chúa Trời của các người!”

16

Sự Nổi Loạn của Cô-rê

¹ Một người tên Cô-ra, con Đít-sê-hu, cháu Kê-hát, cháu Lê-vi, âm mưu với ba người thuộc đại tộc Ru-bên là Đa-than, A-bi-ram, hai con của Ê-li-áp, và Ôn, con Phê-lết, ² nổi loạn chống Mô-i-se. Có đến 250 người lãnh đạo Ít-ra-ên, là thành viên của hội đồng dân chúng, tham dự cuộc nổi loạn này. ³ Họ đến gặp Mô-i-se và A-rôn, nói: “Các ông chuyên quyền và lạm quyền quá! Toàn thể cộng đồng Ít-ra-ên đều là thánh và Chúa Hằng Hữu ở cùng tất cả chúng ta. Tại sao riêng hai ông tự cho mình có quyền cai trị dân của Chúa Hằng Hữu?”

⁴ Nghe vậy, Mô-i-se quỳ xuống đất. ⁵ Ông bảo Cô-ra và đồng bọn: “Sáng mai Chúa Hằng Hữu sẽ cho biết ai là người của Ngài, ai là người thánh được gần gũi Ngài, người Ngài chọn sẽ được phép đến gần Ngài. ⁶ Ông Cô-ra, và tất cả những người theo ông đều phải làm điều này: Hãy cầm lấy lư hương, ⁷ và ngày mai, trước mặt Chúa Hằng Hữu, hãy để lửa và trầm hương vào. Người nào Chúa Hằng Hữu chọn chính là người

thánh. Những người Lê-vi theo người thật là quá quắt!”

⁸ Môi-se lại bảo Cô-ra: “Này, con cháu Lê-vi, nghe đây! ⁹ Đức Chúa Trời của Ít-ra-ên đã biệt riêng các ông khỏi cộng đồng Ít-ra-ên và đem các ông đến gần Ngài để làm công việc tại Đền Tạm của Chúa Hằng Hữu, và để các ông đứng trước mặt cộng đồng và phục vụ họ, việc ấy chưa đủ sao? ¹⁰ Ngài đã đem ông và tất cả anh em người Lê-vi đến gần Ngài, thế mà bây giờ các ông lại muốn chiếm đoạt chức tế lễ nữa. ¹¹ Ông và những người theo ông đã toa rập nhau để chống đối Chúa Hằng Hữu, chứ A-rôn có làm gì mà các ông oán trách?”

¹² Nói xong, Môi-se sai người đi mời Đa-than và A-bi-ram, con Ê-li-áp, nhưng họ nói: “Chúng tôi không thèm đến đâu! ¹³ Ông đã bắt chúng tôi bỏ một xứ phì nhiêu để vào chết trong hoang mạc, thế mà ông còn muốn làm vua chúng tôi nữa sao? ¹⁴ Ông đâu có đem chúng tôi vào xứ phì nhiêu, cũng chẳng cho chúng tôi đồng ruộng hay vườn nho. Ông còn đánh lừa chúng tôi nữa sao?” Họ nhất định không đến gặp Môi-se.

¹⁵ Môi-se giận lắm nên thưa với Chúa Hằng Hữu: “Xin Chúa đừng nhậm tế lễ của họ! Con chẳng hề lấy gì của họ cả, dù chỉ là một con lừa, cũng không hề làm hại họ bao giờ.” ¹⁶ Rồi Môi-se bảo Cô-ra: “Ngày mai, ông và những người theo ông sẽ cùng với A-rôn đến trình diện Chúa Hằng Hữu. ¹⁷ Mỗi người phải lấy lư hương, bỏ

hương vào, đem đến trước mặt Chúa Hằng Hữu, 250 người cầm lư hương, cả ông và A-rôn cũng sẽ cầm lư hương.”

¹⁸ Vậy, họ bỏ lửa và hương vào lư, cầm đến đứng chung với Môi-se và A-rôn tại cửa Đền Tạm. ¹⁹ Vì Cô-ra đã sách động dân chúng, nên họ kéo đến phản đối Môi-se và A-rôn tại cửa Đền Tạm. Vinh quang của Chúa Hằng Hữu hiện ra trước toàn dân. ²⁰ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se và A-rôn: ²¹ “Hãy tránh xa họ ra, Ta sẽ tiêu diệt đám dân này tức khắc!”

²² Hai ông liền quỳ xuống, thưa: “Lạy Đức Chúa Trời, là Chúa Tể của linh hồn mọi người, không lẽ vì một người phạm tội, mà Chúa giận toàn dân sao?”

²³ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ²⁴ “Con ra lệnh cho dân chúng tránh xa trại của Cô-ra, Đa-than, và A-bi-ram.”

²⁵ Môi-se đứng lên, đi đến trại của Đa-than và A-bi-ram, các trưởng lão cũng đi theo. ²⁶ Ông kêu gọi dân chúng: “Xin anh chị em tránh xa trại của những người độc ác đó, đừng đụng đến một vật gì của họ hết, đừng để một ai phải chết vì tội của họ.” ²⁷ Vậy, dân chúng đều tránh xa trại của Cô-ra, Đa-than, và A-bi-ram. Đa-than và A-bi-ram li lợm ra đứng tại cửa trại, cùng với vợ và con cái lớn nhỏ của mình.

²⁸ Môi-se nói: “Bây giờ mọi người sẽ biết rằng Chúa Hằng Hữu đã sai tôi làm công việc cho Ngài, vì những việc tôi đã làm không phải tự tôi đâu. ²⁹ Nếu những người này chết cách thông thường như tất cả người khác, thì Chúa Hằng

Hữu đã không sai tôi. ³⁰ Nhưng nếu Chúa Hằng Hữu làm một điều lạ, nếu đất nứt ra nuốt sống họ và mọi vật của họ, nếu họ còn sống mà đi xuống âm phủ, thì trường hợp này có nghĩa là họ đã khinh bỉ Chúa Hằng Hữu.”

³¹ Môi-se vừa dứt lời, đất dưới chân họ liền nứt ra, ³² nuốt chửng lấy họ và gia đình họ, luôn những người theo phe đảng Cô-ra. Tất cả tài sản họ đều bị đất nuốt. ³³ Vậy họ xuống âm phủ trong lúc đang sống, đất phủ lấp họ, và như vậy họ bị diệt trừ khỏi cộng đồng dân tộc. ³⁴ Người Ít-ra-ên đứng chung quanh đó nghe tiếng thét lên, đều kinh hoàng chạy trốn, sợ đất nuốt mình. ³⁵ Lửa từ Chúa Hằng Hữu lóe ra thiêu cháy 250 người dâng hương.

³⁶ Sau đó, Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ³⁷ “Hãy dặn Ê-lê-a-sa, con trai Thầy Tế lễ A-rôn, nhặt các lư hương từ trong đám lửa ra, vì các lư hương ấy đã được thánh hóa. Cũng đem lửa trong các lư hương đi đổ ngoài xa. ³⁸ Rồi lấy các lư hương của những người đã chết vì tội mình đem dát mỏng để bọc bàn thờ. Các lư hương trở nên thánh vì người ta đã dùng nó trước mặt Chúa Hằng Hữu. Tấm đồng dát mỏng bọc bàn thờ này có công dụng nhắc nhở, cảnh cáo người Ít-ra-ên.”

³⁹ Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa vâng lời, lấy các lư hương đồng này, dát mỏng thành một tấm đồng dùng để bọc bàn thờ. ⁴⁰ Tấm đồng này dùng để nhắc nhở, cảnh cáo người Ít-ra-ên rằng: Ngoài các thầy tế lễ là con cháu A-rôn ra, không ai được

đến dâng hương trước mặt Chúa Hằng Hữu. Nếu ai bất tuân thì sẽ phải chết như Cô-ra và đồng bọn. Vậy Ê-lê-a-sa thi hành lệnh của Chúa Hằng Hữu do Môi-se truyền lại.

⁴¹ Thế nhưng, qua sáng hôm sau, dân chúng lại nổi lên trách móc Môi-se và A-rôn: “Các ông đã giết dân của Chúa Hằng Hữu.” ⁴² Họ họp nhau lại để chống nghịch Môi-se và A-rôn. Nhưng khi vừa quay lại phía Đền Tạm, họ thấy đám mây bao phủ đền, đồng thời vinh quang của Chúa Hằng Hữu xuất hiện.

⁴³ Môi-se và A-rôn liền đi đến trước Đền Tạm.

⁴⁴ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ⁴⁵ “Hãy tránh xa dân này ra, Ta sẽ tiêu diệt họ tức khắc.” Môi-se và A-rôn liền sắp mình xuống.

⁴⁶ Môi-se giục A-rôn: “Anh lấy lư hương, gắp lửa trên bàn thờ vào, bỏ hương lên trên, đem ngay đến chỗ dân đứng để làm lễ chuộc tội cho họ, vì cơn phẫn nộ của Chúa Hằng Hữu đã phát ra, tai vạ đã khởi sự.”

⁴⁷ A-rôn vâng lời Môi-se, chạy vào giữa đám dân. Vì tai vạ đã phát khởi trong dân chúng, ông bỏ hương vào lư, làm lễ chuộc tội cho dân.

⁴⁸ A-rôn đứng giữa người sống và người chết, thì tai vạ dừng lại. ⁴⁹ Số người chết vì tai vạ này lên đến 14.700 người, không kể số người chết với Cô-ra hôm trước. ⁵⁰ Khi tai vạ đã dừng lại, A-rôn trở về trước cửa Đền Tạm, nơi Môi-se đang đứng.

17

Cây Gậy của A-rôn Trở Hoa

1 Chúa Hằng Hữu phán dạy Mô-i-se: ² “Hãy nói với mỗi trưởng đại tộc Ít-ra-ên đem đến một cây gậy; nghĩa là mười hai cây gậy của những người lãnh đạo mỗi đại tộc. Con phải đề tên mỗi người trên cây gậy của mình. ³ Đề tên A-rôn trên cây gậy của Lê-vi; vì phải có một cây gậy cho mỗi trưởng đại tộc. ⁴ Con đem các gậy này đặt trong Đền Tạm, trước Hòm Giao Ước, là nơi Ta sẽ gặp con. ⁵ Gậy của người được Ta chọn sẽ trở hoa, như vậy dân chúng sẽ không còn lý do gì để phàn nàn con nữa.”

⁶ Mô-i-se nói lại với người Ít-ra-ên, và các trưởng tộc, bao gồm A-rôn, vâng theo huấn thị, đem gậy đến. ⁷ Mô-i-se đem cất mười hai cây gậy trong Đền Giao Ước trước mặt Chúa Hằng Hữu. Gậy của A-rôn nằm giữa các gậy khác. ⁸ Ngày hôm sau, khi Mô-i-se trở vào Đền Giao Ước, ông thấy cây gậy của A-rôn—tượng trưng cho đại tộc Lê-vi—đã đâm chồi, trở hoa và kết quả, có trái hạnh nhân đã chín!

⁹ Mô-i-se đem các cây gậy từ trong đền Chúa Hằng Hữu cho mọi người xem, họ sững sờ đứng nhìn, và cuối cùng các trưởng tộc lấy gậy mình về. ¹⁰ Nhưng Chúa Hằng Hữu phán bảo Mô-i-se: “Đem gậy của A-rôn đặt lại trước Hòm Giao Ước, dùng nhắc nhở, cảnh cáo dân chúng về vụ nổi loạn này, để họ khỏi chết vì tai vạ và không bao giờ dám phàn nàn Ta nữa.” ¹¹ Mô-i-se vâng lời Chúa Hằng Hữu.

¹² Người Ít-ra-ên hoảng sợ nói với Mô-i-se:

“Chúng tôi bị diệt! Chúng tôi bị chết hết! ¹³ Nếu ai đến gần Đền Tạm của Chúa Hằng Hữu đều chết, thì chúng tôi chết hết sao! Nguy quá, chúng tôi sẽ bị tiêu diệt mất!”

18

Trách Nhiệm của Thầy Tế Lễ và Người Lê-vi

¹ Chúa Hằng Hữu phán bảo A-rôn: “Con, các con trai con cùng cả gia đình con phải chịu trách nhiệm về những tội xúc phạm nơi thánh. Cũng vậy, con và các con trai con phải chịu trách nhiệm về những tội liên hệ đến chức vụ thầy tế lễ.

² Tất cả những người trong đại tộc Lê-vi, họ hàng của con, là người giúp việc cho con. Tuy nhiên, chỉ có con và các con trai con được thi hành chức vụ trong Đền Giao Ước. ³ Các người Lê-vi khác không được đến gần các vật thánh hay bàn thờ, để họ và con khỏi phải chết. ⁴ Ngoài người Lê-vi ra, không ai được phụ giúp con trong các công việc tại Đền Tạm.

⁵ Và chỉ có các thầy tế lễ mới được thi hành chức vụ trong nơi thánh và trước bàn thờ. Nếu các nguyên tắc này được tôn trọng, cơn giận nộ của Ta sẽ không nổi lên với người Ít-ra-ên nữa. ⁶ Người Lê-vi đã được Chúa Hằng Hữu chọn trong người Ít-ra-ên; họ đã được dâng lên Chúa Hằng Hữu. Nay Ta giao họ cho con để giúp con trong công việc Đền Tạm. ⁷ Ta cũng ủy thác cho con chức vụ thầy tế lễ; chỉ có con và các con trai con thi hành chức vụ này trước bàn thờ và bên

trong bức màn. Ngoài ra, người nào đụng đến các công việc này đều phải chết.”

Phần Dành cho Thầy Tế Lễ và Người Lê-vi

⁸ Chúa Hằng Hữu phán tiếp với A-rôn: “Ngoài ra, Ta còn cho các con tất cả lễ vật của người Ít-ra-ên dâng theo lối nâng tay đưa lên trước Chúa. Các lễ vật thánh đều thuộc về con và con trai con. Lệ này áp dụng vĩnh viễn. ⁹ Trừ phần được đem đốt dâng lên, phần còn lại của các lễ vật ngũ cốc, lễ vật chuộc tội, và lễ vật chuộc lỗi—sẽ rất thánh, đều thuộc về con và các con trai con. ¹⁰ Con phải ăn phần ấy như lễ vật rất thánh. Mọi người nam phải ăn và đó như là lễ vật rất thánh cho con.

¹¹ Còn các lễ vật được dâng lên theo lối đưa qua đưa lại cũng thuộc về con. Ta ban cho các con trai và con gái con. Mọi người trong gia đình đều được phép ăn, nếu họ tinh sạch.

¹² Ta cũng cho con tất cả các lễ vật đầu mùa người ta đem dâng lên Chúa Hằng Hữu: Dầu, rượu, ngũ cốc tốt nhất. ¹³ Tất cả lễ vật đầu mùa của các thổ sản khác. Mọi người tinh sạch trong gia đình con đều được phép ăn.

¹⁴ Vậy, tất cả mọi vật người Ít-ra-ên dâng hiến cho Ta đều thuộc về con, kể cả các con trưởng nam và thú vật đầu lòng của họ.

¹⁵ Tuy nhiên, con trưởng nam và con đầu lòng của thú vật mà đã dâng lên Chúa Hằng Hữu đều sẽ thuộc về con. Nhưng con trưởng nam và con đầu lòng của thú vật không sạch phải được

chuộc lại. ¹⁶ Giá chuộc là 57 gam* bạc theo cân nơi thánh, và phải chuộc lúc con trưởng nam hay con đầu lòng lên một tháng.

¹⁷ Đối với con đầu lòng của các loài bò, chiên, và dê thì không được chuộc, nhưng phải lấy máu rảy trên bàn thờ, lấy mỡ đem đốt, dùng lửa dâng hương thơm lên Chúa. Đó là những sinh tế thánh. ¹⁸ Thịt của các sinh tế này thuộc về con, đặc biệt là cái ức được đưa qua đưa lại và cái đùi bên phải. ¹⁹ Tóm lại, Ta cho con mọi lễ vật của người Ít-ra-ên dâng theo lối đưa qua đưa lại trước mặt Chúa Hằng Hữu. Tất cả nam lẫn nữ trong gia đình con đều được phép ăn. Đây là luật lệ vĩnh viễn, là một giao ước bất di bất dịch† giữa Chúa Hằng Hữu với con và con cháu con.”

²⁰ Chúa Hằng Hữu tiếp: “Con sẽ không có sản nghiệp, cũng không có quyền lợi‡ nào trong dân Ta. Vì Ta là nguồn lợi và sản nghiệp của con.

²¹ Tất cả những phần mười lợi tức của người Ít-ra-ên đem dâng lên Ta, Ta ban cho người Lê-vi vì công khó phục dịch trong Đền Tạm.

²² Từ nay về sau, ngoại trừ các thầy tế lễ và người Lê-vi thì không người Ít-ra-ên nào được vào Đền Tạm để khỏi mắc tội và khỏi chết.

²³ Người Lê-vi sẽ chịu trách nhiệm về công việc Đền Tạm, và nếu có lỗi lầm, họ sẽ mang tội. Đây là một luật có tính cách vĩnh viễn áp dụng qua các thế hệ: Người Lê-vi sẽ không thừa hưởng

* **18:16** Nt 5 siếc-lơ, chừng 57 gam † **18:19** Nt “giao ước muối”

‡ **18:20** Nt phần

tài sản trong Ít-ra-ên, ²⁴ vì Ta đã cho họ một phần mười lợi tức của người Ít-ra-ên, là phần dân chúng đem dâng (theo lối nâng tay dâng lên) cho Chúa Hằng Hữu, đó là phần người Lê-vi thừa hưởng. Ngoài ra, họ không được hưởng sản nghiệp nào trong dân cả.”

²⁵ Chúa Hằng Hữu cũng phán với Môi-se: ²⁶ “Hãy bảo người Lê-vi rằng khi nhận được một phần mười lợi tức của người Ít-ra-ên, phải lấy một phần mười dâng lên Chúa Hằng Hữu, theo lối nâng tay dâng lên, một phần mười của một phần mười. ²⁷ Lễ vật này sẽ được coi như lễ vật đầu mùa chọn lọc, như ngũ cốc dâng từ sân đập lúa, như rượu nho dâng từ bồn ép nho của họ vậy. ²⁸ Vậy trong tất cả phần mười anh em nhận được từ người Ít-ra-ên, anh em phải dành riêng một lễ vật dâng lên Chúa Hằng Hữu, và anh em hãy giao lễ vật ấy cho Thầy Tế lễ A-rôn. ²⁹ Trong tất cả những món quà anh em nhận được, anh em hãy dành riêng phần tốt nhất dâng lên Chúa Hằng Hữu; đó là phần biệt riêng ra thánh cho Chúa Hằng Hữu.

³⁰ Khi người Lê-vi chọn phần tốt nhất dâng lên như vậy, lễ vật của họ mới được coi như thổ sản của họ dâng từ sân đập lúa, từ bồn ép nho mình. ³¹ Vì đây là phần thưởng công khó phục dịch của họ trong Đền Tạm, họ và gia đình họ được phép đem ăn bất kỳ nơi nào họ muốn. ³² Họ sẽ không có lỗi gì cả, miễn là họ dâng lên phần tốt nhất. Vậy, để khỏi mang tội mà chết, họ không

được xúc phạm lễ vật thánh của người Ít-ra-ên đã dâng lên.”

19

Nước Tây Uế

¹ Chúa Hằng Hữu phán dạy Môi-se và A-rôn:
² “Đây là một luật khác phải được tuân hành: Hãy nói với người Ít-ra-ên chọn một con bò cái tơ màu đỏ, không tì vết, chưa hề mang ách, ³ đem đến cho Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa. Thầy tế lễ sẽ đem con bò ra ngoài trại, và chứng kiến việc người ta giết nó. ⁴ Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa sẽ lấy ngón tay nhúng vào máu bò, rảy bảy lần phía trước Đền Tạm. ⁵ Sau đó, thầy tế lễ sẽ trông coi việc thiêu con bò; cả da, thịt, máu, và phân bò đều phải thiêu hết. ⁶ Thầy tế lễ sẽ lấy cây bá hương, cành bài hương thảo, và chỉ đỏ ném vào giữa con bò đang cháy.

⁷ Xong, thầy tế lễ phải giặt áo, tắm, rồi mới vào trại và phải chịu ô uế cho đến tối hôm ấy. ⁸ Người đốt con bò cũng phải giặt áo, tắm, và chịu ô uế cho đến tối hôm ấy. ⁹ Một người tinh sạch sẽ hốt tro con bò chứa vào một nơi sạch sẽ bên ngoài trại. Tro này sẽ dùng làm nước tẩy uế cho người Ít-ra-ên, để tẩy sạch tội. ¹⁰ Người hốt tro phải giặt áo và chịu ô uế cho đến tối hôm ấy. Luật này có tính cách vĩnh viễn, áp dụng cho người Ít-ra-ên cũng như cho ngoại kiều.

¹¹ Ai đụng vào người chết, phải bị ô uế bảy ngày. ¹² Người ấy phải dùng nước tẩy uế tẩy

sạch mình vào ngày thứ ba và ngày thứ bảy, thì mới được sạch. Nếu không, sẽ không được sạch. ¹³ Người nào đụng vào người chết mà không lo tẩy sạch mình là xúc phạm Đền Tạm của Chúa Hằng Hữu, và phải bị trục xuất khỏi cộng đồng Ít-ra-ên. Vì nước tẩy ế chưa được rảy trên mình nên người ấy vẫn còn ô ế.

¹⁴ Khi có người chết trong một trại, phải áp dụng quy tắc này: Người nào vào trại và người nào ở trong trại đều bị ô ế bảy ngày. ¹⁵ Nếu trong trại ấy có bình hay đồ chứa nào không đậy nắp, vật ấy cũng bị ô ế. ¹⁶ Ngoài trại quân,* nếu ai đụng vào một người chết vì đâm chém, hoặc đụng vào một xác chết, xương người chết hay mồ mả, người ấy bị ô ế bảy ngày.

¹⁷ Muốn tẩy sạch những người này, người ta phải lấy một ít tro của con bò thiêu làm sinh tế chuộc tội bỏ vào một cái bình, rồi lấy nước sông hay nước suối† đổ vào. ¹⁸ Một người tinh sạch sẽ lấy cành bài hương thảo nhúng vào bình, rảy nước trên trại, trên tất cả đồ dùng trong trại, trên cả những người ở trại đó, và người đã đụng vào xương hay đụng vào người bị giết, xác chết, hay mồ mả. ¹⁹ Phải làm như vậy vào ngày thứ ba và ngày thứ bảy, rồi người bị ô ế phải giặt áo, tắm rửa, thì tối hôm ấy mới được sạch.

²⁰ Một người ô ế không lo tẩy mình phải bị trục xuất khỏi cộng đồng Ít-ra-ên, vì đã xúc phạm đến nơi thánh của Chúa Hằng Hữu. Nếu

* **19:16** Nt ngoài đồng † **19:17** Nt nước chảy

nước tẩy uế không được rảy trên người ấy, người ấy không được sạch. ²¹ Đó là một luật có tính cách vĩnh viễn. Ngoài ra, người rảy nước sẽ phải giặt áo mình, và người nào đụng vào nước này sẽ chịu ô uế cho đến tối hôm ấy. ²² Bất kỳ vật gì đã bị người ô uế đụng vào đều thành ô uế, và ai đụng vào vật ấy cũng bị ô uế cho đến tối hôm ấy.”

20

Môi-se Đập Vào Đá

¹ Toàn thể dân chúng Ít-ra-ên đi vào hoang mạc Xin vào tháng thứ nhất, họ dừng chân tại Ca-đe. Mi-ri-am qua đời và được an táng tại đó.

² Khi thấy không có nước uống, dân chúng họp nhau lại chống đối Môi-se và A-rôn. ³ Họ hỏi Môi-se: “Thà chúng tôi chết cùng anh em chúng tôi trong lần họ chết trước mặt Chúa Hằng Hữu vừa rồi. ⁴ Tại sao ông đem dân của Chúa Hằng Hữu vào hoang mạc cho chết khát cả người lẫn súc vật? ⁵ Tại sao ông bắt chúng tôi bỏ Ai Cập để vào nơi khốn nạn này, là nơi không có ai gieo giống, trồng cây vả, cây nho, cây lựu gì được, là nơi không có nước uống?”

⁶ Môi-se và A-rôn liền bỏ họ, đi đến cửa Đền Tạm, quỳ mọp xuống. Vinh quang của Chúa Hằng Hữu hiện ra, ⁷ và Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ⁸ “Cầm cây gậy này, rồi con và A-rôn triệu tập dân chúng lại. Trước mặt họ, con sẽ bảo vàng đá kia phun nước ra, con sẽ cho họ

và bày gia súc của họ uống nước chảy ra từ vàng đá.”

⁹ Vậy Môi-se lấy cây gậy trước mặt Chúa Hằng Hữu, theo lời Ngài phán dạy. ¹⁰ Môi-se cùng với A-rôn triệu tập mọi người đến bên vàng đá, xong ông nói: “Dân phản loạn, nghe đây! Chúng ta phải lấy nước từ trong vàng đá này ra cho mọi người uống sao?” ¹¹ Nói xong, Môi-se vung gậy đập vào vàng đá hai lần. Nước liền bắn vọt ra lai láng. Vậy toàn dân và thú vật đều uống.

¹² Nhưng Chúa Hằng Hữu trách Môi-se và A-rôn: “Vì các con không tin Ta, không tôn thánh Ta trước mặt người Ít-ra-ên, nên các con sẽ không dẫn họ vào đất Ta hứa cho!” ¹³ Nơi đó được gọi là nước Mê-ri-ba,* vì người Ít-ra-ên đã cãi lẽ với Chúa Hằng Hữu tại đó, nhưng Ngài đã tỏ đức thánh khiết của Ngài cho họ thấy.

Ê-đôm Khước Từ Thông Điệp của Ít-ra-ên

¹⁴ Sau đó, Môi-se sai sứ giả đi từ Ca-đe đến yêu cầu vua nước Ê-đôm rằng:

“Chúng tôi là con cháu Ít-ra-ên, vào hàng em của vua. Chắc vua đã biết qua nỗi gian khổ của chúng tôi rồi. ¹⁵ Tổ phụ chúng tôi đã xuống Ai Cập và ở lại đó lâu ngày; người Ai Cập cư xử với chúng tôi rất bạo tàn. ¹⁶ Chúng tôi kêu đến Chúa Hằng Hữu; Ngài nghe, sai thiên sứ đem chúng tôi ra khỏi Ai Cập, và bây giờ chúng tôi đang ở Ca-đe, một thị trấn ở ngay biên giới quý quốc. ¹⁷ Xin cho chúng tôi đi nhờ

* **20:13** Nghĩa là cãi cọ, chống đối

qua đất của vua. Chúng tôi sẽ đi tránh đồng ruộng, vườn nho, cũng không múc nước dưới giếng mà uống. Chúng tôi sẽ đi trên đường cái, không rời khỏi chính lộ cho đến khi ra khỏi biên giới.”

¹⁸ Nhưng vua Ê-đôm đáp: “Không được đi qua đất nước ta. Nếu không nghe, ta sẽ đem quân ra đánh!”

¹⁹ Sứ giả Ít-ra-ên thưa: “Chúng tôi chỉ đi trên đường cái. Dù nước cũng không uống, nếu uống chúng tôi xin trả tiền. Chỉ xin cho chúng tôi đi qua, ngoài ra chúng tôi không xin gì khác.”

²⁰ Vua Ê-đôm đáp cách cương quyết: “Không được! Các ngươi không được đi qua vùng đất của ta.” Rồi Ê-đôm kéo quân đội hùng hậu ra ngăn chặn Ít-ra-ên. ²¹ Vì Ê-đôm từ chối không cho Ít-ra-ên đi qua đất mình, nên Ít-ra-ên tránh đi nơi khác.

A-rôn Qua Đồi

²² Toàn dân Ít-ra-ên từ Ca-đe kéo đến Núi Hô-rơ. ²³ Tại núi Hô-rơ, cạnh biên giới Ê-đôm, Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se và A-rôn: ²⁴ “A-rôn sẽ về với tổ phụ mình, không được vào đất hứa cho Ít-ra-ên, vì hai con đã phản nghịch Ta tại Mê-ri-ba. ²⁵ Môi-se, con hãy đem A-rôn và Ê-lê-a-sa lên Núi Hô-rơ. ²⁶ Ở đó, con sẽ lấy áo lễ của A-rôn mặc cho Ê-lê-a-sa. A-rôn sẽ qua đồi tại đó.”

²⁷ Môi-se tuân lệnh Chúa Hằng Hữu. Ba người lên Núi Hô-rơ trước sự chứng kiến của dân

chúng. ²⁸ Trên đỉnh núi, Mô-i-se lấy bộ áo lễ của A-rôn, mặc cho Ê-lê-a-sa, con A-rôn. A-rôn qua đời trên đỉnh núi này. Sau đó, Mô-i-se và Ê-lê-a-sa xuống núi. ²⁹ Khi biết A-rôn mất, toàn thể dân chúng Ít-ra-ên khóc ông suốt ba mươi ngày.

21

Chiến Thắng Người Ca-na-an

¹ Khi Vua A-rát, người Ca-na-an, ở Nê-ghep, nghe tin người Ít-ra-ên kéo đến theo lối A-tha-rim, liền đem quân ra đánh, bắt được mấy người làm tù binh. ² Lúc ấy, người Ít-ra-ên thề nguyện với Chúa Hằng Hữu rằng: “Nếu Ngài cho chúng tôi chiến thắng dân này, chúng tôi xin tiêu diệt tất cả thành của họ.” ³ Chúa Hằng Hữu nghe lời người Ít-ra-ên cầu nguyện nên cho họ thắng quân Ca-na-an. Người Ít-ra-ên tận diệt quân thù, tàn phá các thành, và đặt tên vùng này là Họt-ma.*

Con Rắn Bằng Đồng

⁴ Từ Núi Hô-rơ, họ phải quay lại Biển Đỏ, đi vòng quanh để tránh đất Ê-đôm, vì thế, họ cảm thấy rất chán nản. ⁵ Họ lại xúc phạm Đức Chúa Trời và cằn nhằn với Mô-i-se: “Vì sao ông đem chúng tôi ra khỏi Ai Cập để chết trong hoang mạc này? Chúng tôi chẳng có nước uống, chẳng có gì ăn ngoài loại bánh đạm bạc chán ngấy này!”

* **21:3** Nghĩa là tận diệt

⁶ Chúa Hằng Hữu sai rắn lửa đến, cắn nhiều người chết. ⁷ Người ta chạy đến với Môi-se nói: “Chúng tôi có tội, vì đã nói xúc phạm đến Chúa Hằng Hữu và ông. Xin ông cầu với Chúa Hằng Hữu để Ngài đuổi rắn đi.” Môi-se cầu thay cho dân chúng.

⁸ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: “Con làm một con rắn lửa, treo trên một cây sào. Người nào bị rắn cắn chỉ cần nhìn nó là được sống.” ⁹ Vậy Môi-se làm một con rắn bằng đồng, treo trên một cây sào. Hễ ai bị rắn cắn nhìn lên con rắn đồng, liền được thoát chết.

Hành Trình của Người Ít-ra-ên Đến Mô-áp

¹⁰ Người Ít-ra-ên tiếp tục lên đường, và dừng chân cắm trại tại Ô-bốt. ¹¹ Từ Ô-bốt ra đi, họ cắm trại tại Y-giê A-ba-rim trong hoang mạc, về phía đông Mô-áp. ¹² Từ đó ra đi, họ cắm trại tại thung lũng Xê-rét. ¹³ Tiếp tục lên đường, họ dừng chân phía bên kia Sông Ạt-nôn, trong hoang mạc, gần biên giới Am-môn. Sông Ạt-nôn là biên giới giữa Mô-áp và A-mô-rít. ¹⁴ Vì thế, trong sách “Chiến Trận của Chúa Hằng Hữu” có nói đến Va-hép ở Su-pha và triền thung lũng của Sông Ạt-nôn, ¹⁵ chạy dài đến đất A-rơ và biên giới Mô-áp.

¹⁶ Họ lại lên đường đi đến Bê-e (nghĩa là giếng nước). Tại giếng ấy, Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: “Tập họp dân lại, Ta sẽ cho họ nước uống.” ¹⁷ Và người Ít-ra-ên hát lên rằng:
“Trào nước lên, giếng hỡi!
Cho ta ca ngợi!

18 Giếng vua khơi bằng cây phủ việt,
quý tộc đào với gậy nơi tay.”

Rồi họ ra khỏi hoang mạc, đi đến Ma-tha-na.

19 Từ Ma-tha-na họ đến Na-ha-li-ên; từ Na-ha-li-ên đến Ba-mốt; 20 từ Ba-mốt đến thung lũng ở trong địa phận Mô-áp; qua đỉnh núi Phích-ga—từ đó có thể nhìn thấy khắp hoang mạc.

Đánh Bại Si-hôn và Ốc

21 Người Ít-ra-ên sai sứ nói với vua A-mô-rít là Si-hôn rằng:

22 “Xin cho chúng tôi đi qua đất vua. Chúng tôi chỉ theo đường cái của vua mà đi, không vào ruộng hay vườn nho, không uống nước giếng, cho đến khi ra khỏi lãnh thổ của vua.”

23 Nhưng Vua Si-hôn khước từ. Ông triệu tập quân đội, kéo ra đón người Ít-ra-ên trong hoang mạc, và tấn công họ tại Gia-hát. 24 Người Ít-ra-ên chém Vua Si-hôn, chiếm lấy đất từ Ật-nôn đến Gia-bốc, cho đến tận biên giới nước Am-môn, vì biên cương của Am-môn rất kiên cố.

25 Ít-ra-ên chiếm hết các thành, làng mạc của người A-mô-rít cho dân mình ở, kể cả thành Hết-bôn. 26 Hết-bôn là kinh đô của Si-hôn, vua A-mô-rít. Trước kia, Si-hôn đã đánh bại vua Mô-áp, chiếm đoạt hết đất của vua này cho đến sông Ật-nôn. 27 Cho nên, một thi sĩ đã viết:

“Ta kéo đến Hết-bôn!

Xây thành của Si-hôn!

28 Vì có lửa từ Hết-bôn, một ngọn lửa từ thành của Si-hôn. Thiêu đốt thành A-rơ của Mô-áp cháy rụi,

là thành ngự trị trên dòng Ạt-nôn.

²⁹ Thống khổ cho người Mô-áp!
Ngày tàn của người đã tới!
Này, Kê-mốt hỡi!

Con trai người phải lưu lạc,
con gái người bị tù đầy,
bởi tay Si-hôn, vua người A-mô-rít.

³⁰ Lính người bị bắn ngã,
Hết-bôn bị hủy phá tàn tạ
Đi-bôn, Nô-phách, Mê-đê-ba:
Đều bị thiêu hủy cả.”

³¹ Trong khi Ít-ra-ên còn đóng quân trong đất của người A-mô-rít, ³² Môi-se sai người đi trình sát Gia-ê-xe. Rồi Ít-ra-ên chiếm hết các làng mạc miền Gia-ê-xe, trục xuất người A-mô-rít đi.

³³ Sau đó, Ít-ra-ên quay lại đi lên hướng Ba-san. Vua Ba-san là Ốc kéo toàn dân mình ra chặn đón Ít-ra-ên tại Ết-rê-i. ³⁴ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: “Đừng sợ vua ấy, vì Ta đặt số phận dân này vào tay con. Việc đã xảy ra cho Si-hôn, vua A-mô-rít, người cai trị Hết-bôn cũng sẽ xảy ra cho vua Ba-san.” ³⁵ Ít-ra-ên giết Vua Ốc, và các con vua, thần dân của vua, không để một ai sống sót, rồi chiếm đóng đất nước Ba-san.

22

Ba-lác Mời Ba-la-am

¹ Sau đó, người Ít-ra-ên lại ra đi, đến đồng bằng Mô-áp, và cắm trại bên kia Sông Giô-đan, đối diện Giê-ri-cô. ² Ba-lác, vua Mô-áp, con

Xếp-bô, thấy những việc người Ít-ra-ên làm cho người A-mô-rít. ³ Mô-áp càng kinh hoàng vì thấy người Ít-ra-ên đông đảo quá. ⁴ Người Mô-áp bàn với các trưởng lão Ma-đi-an: “Dân này sẽ ăn nuốt chúng ta như bò ăn cỏ vậy!”

Vì thế, Ba-lác, vua Mô-áp ⁵ gửi một phái đoàn đi tìm Ba-la-am, con của Bê-ô ở Phê-thô-rơ gần Sông Ô-phơ-rát, nói rằng:

“Một dân tộc đến từ Ai Cập đông như kiến, phủ đầy mặt đất, đang đóng đối diện chúng tôi. ⁶ Xin ông đến nguyện rửa họ, vì họ mạnh hơn chúng tôi. Có lẽ nhờ ông, chúng tôi có thể đuổi họ đi. Vì tôi biết rằng, ai được ông chúc phước sẽ được phước, còn ai bị ông nguyện rửa sẽ bị tai họa.”

⁷ Các sứ giả của Ba-lác (gồm các trưởng lão Mô-áp và Ma-đi-an) bưng lễ vật trong tay đến gặp Ba-la-am trình bày tự sự. ⁸ Ba-la-am nói: “Các ông nghỉ lại đây đêm nay. Tôi sẽ trả lời các ông tùy theo điều Chúa Hằng Hữu phán dạy tôi.” Vậy họ ở lại.

⁹ Đức Chúa Trời hiện ra hỏi Ba-la-am: “Họ là ai?”

¹⁰ Ba-la-am thưa với Đức Chúa Trời: “Đó là những người được vua Mô-áp—Ba-lác, con Xếp-bô—sai đến. ¹¹ Vua ấy nói có một dân tộc đến từ Ai Cập, đông như kiến, phủ đầy mặt đất. Vua ấy muốn tôi đến nguyện rửa dân đó để vua có thể đánh đuổi họ đi.”

¹² Nhưng Đức Chúa Trời phán với Ba-la-am: “Người không được đi với họ, không được

nguyên rửa dân kia, vì đó là dân được chúc phước!”

¹³ Vậy sáng hôm sau, Ba-la-am thức dậy, nói với các trưởng lão Ba-lác: “Các ông về đi! Chúa Hằng Hữu cấm tôi đi với các ông.”

¹⁴ Các trưởng lão ra về, trình với Vua Ba-lác: “Ba-la-am từ chối, không đến.” ¹⁵ Tuy nhiên, Ba-lác cử một phái đoàn thứ hai đông hơn, gồm những người chức cao tước trọng hơn phái đoàn trước. ¹⁶ Họ đến gặp Ba-la-am và chuyển lời cho ông rằng:

“Vua Ba-lác, con Xếp-bô khẩn khoản mời ông đến. ¹⁷ Vua hứa sẽ phong cho ông phẩm tước cao trọng và ban cho ông mọi điều gì ông muốn, miễn là ông đến nguyên rửa dân tộc kia cho vua!”

¹⁸ Nhưng Ba-la-am đáp: “Dù Ba-lác có cho tôi cung điện chứa đầy vàng bạc, tôi cũng không thể làm gì ngoài những điều Chúa Hằng Hữu tôi dạy bảo. ¹⁹ Bây giờ, xin các ông nghỉ lại đêm nay nữa, để xem Chúa Hằng Hữu có bảo thêm điều gì khác không.”

²⁰ Đêm đó, Đức Chúa Trời phán dạy Ba-la-am: “Nếu họ đến mời, thì cứ dậy đi với họ. Nhưng người chỉ được nói điều gì Ta phán.”

Ba-la-am và Con Lừa của Minh

²¹ Ba-la-am dậy, thắt lưng lừa, và ra đi với các trưởng lão Mô-áp lúc trời sáng. ²² Việc ông ra đi làm cho Đức Chúa Trời buồn giận. Thiên sứ của Chúa Hằng Hữu đứng trên đường cản ông. Khi Ba-la-am và hai người đẩy tó cưỡi lừa đi qua,

²³ con lừa thấy thiên sứ của Chúa Hằng Hữu đứng trên đường, tay cầm lưỡi gươm trần, liền đi tẽ xuống ruộng để tránh. Ba-la-am đánh nó, bắt nó phải đi lên đường cái. ²⁴ Thiên sứ của Chúa Hằng Hữu đến đứng tại một khúc đường chạy qua giữa hai vườn nho, hai bên đường đều có tường nên con đường hẹp lại. ²⁵ Khi thấy thiên sứ của Chúa Hằng Hữu, con lừa nép vào tường, làm kẹt chân Ba-la-am nên ông lại đánh nó. ²⁶ Thiên sứ của Chúa Hằng Hữu đi trước, đến đứng tại một khúc đường rất hẹp, không có chỗ để quay đầu phía nào cả. ²⁷ Lần này, con lừa chỉ còn cách nằm mọp xuống khi thấy thiên sứ của Chúa Hằng Hữu. Ba-la-am nổi giận lấy gậy đánh con lừa.

²⁸ Chúa Hằng Hữu mở miệng con lừa, nó nói với Ba-la-am: “Con đã làm gì quấy mà ông đánh con đến ba lần?”

²⁹ Ba-la-am nói: “Vì mày sỉ nhục ta! Nếu có gươm trong tay, ta đã giết mày rồi.”

³⁰ Lừa lại hỏi: “Trước nay, con không phải là con lừa ông cưỡi suốt đời sao? Có bao giờ con làm như vậy chưa?”

Ba-la-am đáp: “Chưa.”

³¹ Bấy giờ, Đức Chúa Trời mở mắt Ba-la-am, ông thấy thiên sứ của Chúa Hằng Hữu đứng trên đường, tay cầm gươm tuốt trần, liền vội cúi đầu, sấp mặt xuống đất.

³² Thiên sứ của Chúa Hằng Hữu hỏi: “Tại sao người đánh con lừa ba lần? Ta đến để ngăn cản

người, vì đường người đi dẫn đến chỗ diệt vong.*
³³ Vì con lừa thấy ta nên nó tránh ta ba lần; nếu không, ta đã giết người và để cho nó sống.”

³⁴ Ba-la-am nói với Thiên sứ của Chúa Hằng Hữu: “Tôi đã phạm tội. Tôi đã không biết thiên sứ đứng trên đường cản lối tôi. Nếu thiên sứ không vừa ý, tôi xin quay về.”

³⁵ Thiên sứ của Chúa Hằng Hữu phán bảo: “Cứ đi với họ, nhưng người chỉ được nói lời nào Ta bảo người nói.” Vậy Ba-la-am đi với các quan chức của Ba-lác. ³⁶ Nghe tin Ba-la-am đến, Ba-lác ra tận đầu biên giới tiếp đón, tại một thành Mô-áp bên sông Ạt-nôn.

³⁷ Vua Ba-lác hỏi Ba-la-am: “Ta đã gửi người đi mời lần trước, sao ông không đến? Ta không đủ sức làm cho ông được vẻ vang nhất đời sao?”

³⁸ Ba-la-am đáp: “Tôi đến đây rồi, nhưng tôi không được quyền nói gì hết. Trừ những lời Đức Chúa Trời bảo tôi nói.” ³⁹ Và Ba-la-am đi với Ba-lác đến Ki-ri-át Hu-xốt. ⁴⁰ Tại đó, Ba-lác sai giết bò, chiên để cúng tế. Vua cũng sai đem lễ vật đến biếu Ba-la-am và các trưởng lão đi cùng ông. ⁴¹ Sáng hôm sau, Ba-lác đem Ba-la-am lên đỉnh Ba-mốt Ba-anh.† Từ đó có thể trông thấy phía cuối trại quân Ít-ra-ên.

23

Ba-la-am Chúc Phước Ít-ra-ên

* **22:32** Nt để làm kẻ thù người, vì đường người đi nghịch với Ta † **22:41** Ctd các nơi cao thờ tự Ba-anh

¹ Ba-la-am nói với Ba-lác: “Xin xây bảy bàn thờ tại đây, và đem đến cho tôi bảy con bò đực và bảy con chiên đực.” ² Ba-lác làm theo lời yêu cầu của Ba-la-am, cứ mỗi bàn thờ dâng một con bò và một con chiên.

³ Rồi Ba-la-am tâu với Ba-lác: “Xin vua đứng đó, bên cạnh của lễ thiêu mình. Tôi đi đàng này, xem có gặp Chúa Hằng Hữu không; may ra gặp được, tôi sẽ cho vua biết những điều Ngài bảo tôi.” Ba-la-am đi lên một hòn núi trọc, ⁴ Đức Chúa Trời gặp ông ở đó. Ba-la-am thưa: “Tôi có dọn bảy bàn thờ, trên mỗi cái tôi dâng một con bò và một con chiên.”

⁵ Chúa Hằng Hữu phán bảo Ba-la-am về gặp Ba-lác, nói lại những lời Ngài dặn.

⁶ Khi Ba-la-am về, thấy Ba-lác và các trưởng lão Mô-áp vẫn đứng bên cạnh của lễ thiêu. ⁷ Ba-la-am nói tiên tri rằng:

“Ba-lác, vua Mô-áp mời tôi đến từ đất A-ram; từ các dãy núi miền đông.

Ông bảo tôi: ‘Hãy đến nguyện rửa Gia-cốp!
Nhục mạ Ít-ra-ên.’

⁸ Nhưng tôi đâu dám nguyện rửa người mà Chúa Hằng Hữu không nguyện rửa!

Tôi đâu dám lảng mạ người mà Đức Chúa Trời không lảng mạ!

⁹ Tôi thấy họ từ đỉnh núi;
nhìn họ từ đồi cao.

Họ là một dân tộc sống riêng rẽ,
không chịu trà trộn với các nước khác.

10 Con cháu của Gia-cốp nhiều như bụi.

Ai có thể đếm được một phần tư dân số Ít-ra-ên?

Xin cho tôi chết cái chết của người công chính;
xin cho tôi qua đời giống như một người Ít-ra-ên."

11 Vua Ba-lác sững sốt hỏi Ba-la-am: "Ông làm gì vậy? Ta mời ông đến nguyện rửa quân thù, ông lại đi chúc phước cho họ!"

12 Ba-la-am đáp: "Tôi đâu dám ngậm miệng không nói những gì Chúa Hằng Hữu phán bảo tôi!"

Lời Tiên Tri Thứ Hai của Ba-la-am

13 Vua Ba-lác lại nói: "Thôi, ông đi với ta đến một nơi khác, từ đó ông sẽ trông thấy một phần của dân ấy. Hãy đứng đó nguyện rửa họ cho ta!"

14 Rồi vua đem ông đến cánh đồng Xô-phim, lên đỉnh núi Phích-ga, xây bảy bàn thờ, dâng trên mỗi bàn thờ một con bò và một con chiên.

15 Ba-la-am nói: "Xin vua đứng đây bên cạnh của lễ thiêu, để tôi đi gặp Chúa Hằng Hữu."

16 Chúa Hằng Hữu gặp Ba-la-am, bảo ông về nói lại cho Ba-lác nghe những lời Ngài phán dặn.

17 Ông về, thấy Ba-lác vẫn đứng bên của lễ thiêu cùng với các trưởng lão Mô-áp. Ba-lác hỏi: "Chúa Hằng Hữu dạy thế nào?"

18 Ba-la-am liền đáp:
"Ba-lác, đứng lên nghe đây!

Con trai Xếp-bô, lắng tai nghe lời này!

19 Đức Chúa Trời đâu phải loài người để nói dối,
hay để đổi thay ý kiến?

Có bao giờ Ngài nói điều gì rồi không làm không?

20 Và đây, tôi lại được lệnh chúc phước; vì Đức Chúa Trời ban phước họ, tôi làm sao cãi được?

21 Ngài không bắt tội Gia-cốp; cũng chẳng kể Ít-ra-ên là gian tà. Chúa Hằng Hữu là Đức Chúa Trời ở với họ; Ngài là Vua lãnh đạo họ.

22 Chúa dẫn họ ra khỏi Ai Cập; họ thấy Ngài dũng mãnh như bò rừng.

23 Không ai bùa ếm Gia-cốp nổi; không tà thuật nào khống chế được Ít-ra-ên. Vì đây là lúc nói về:

‘Những việc lớn lao Đức Chúa Trời đã làm cho Ít-ra-ên!’

24 Như sư tử, họ vùng lên; chỉ chịu nằm xuống* khi nào đã ăn xong mồi bắt được, và uống máu kẻ bị giết!”

25 Nghe thế, Ba-lác phàn nàn Ba-la-am: “Nếu ông không nguyện rửa thì cũng đừng chúc phước cho họ chứ!”

26 Ba-la-am đáp: “Tôi đã thưa trước rồi, tôi chỉ được quyền nói những điều Chúa Hằng Hữu phán bảo tôi.”

Lời Tiên Tri Thứ Ba của Ba-la-am

27 Một lần nữa, Vua Ba-lác đề nghị Ba-la-am: “Để ta đem ông đến một nơi khác. Mong rằng

* 23:24 Nt kia dân tộc này vùng dậy như sư tử cái, tựa như sư tử đực nhảy vọt lên cao

lần này ta sẽ làm vừa ý Đức Chúa Trời, và Ngài sẽ cho ông nguyên rửa họ tại đó.”

²⁸ Vậy, Ba-lác đưa Ba-la-am lên đỉnh núi Phê-ô, từ đó nhìn thấy hoang mạc. ²⁹ Ba-la-am lại yêu cầu Ba-lác xây bảy bàn thờ, đem đến bảy con bò và bảy con chiên. ³⁰ Ba-lác làm theo lời yêu cầu Ba-la-am, và họ lại dâng một con bò, một con chiên trên mỗi bàn thờ.

24

¹ Ngay lúc ấy, Ba-la-am nhận thức rằng Chúa Hằng Hữu chỉ muốn ông chúc phước người Ít-ra-ên, nên ông không đi một nơi khác như những lần trước để tìm Chúa,* nhưng quay nhìn về phía hoang mạc. ² Xa xa, ông thấy các trại quân Ít-ra-ên, cắm riêng từng đại tộc. Được Thần của Đức Chúa Trời cảm thúc, ³ Ba-la-am nói tiên tri như sau:

“Lời tiên tri của Ba-la-am, con trai Bê-ô,
là người có đôi mắt mở ra,

⁴ người nghe được lời của Đức Chúa Trời,
thấy được khả tượng của Đấng Toàn Năng,
dù người ngã, mắt người vẫn mở:

⁵ Lều của Gia-cóp;
trại của Ít-ra-ên đẹp mắt thật!

⁶ Như thung lũng chạy dài, như vườn tược cạnh
mé sông.

Như cây trầm hương được tay Chúa Hằng
Hữu vun trồng,
như cây bá hương mọc bên dòng nước.

⁷ Họ sẽ có nước ngọt tràn trề dư dật;

* **24:1** Nt để tìm điềm báo

con cháu họ không hề sống nơi khô hạn.
 Vua họ có uy quyền cao hơn A-ga;
 quốc vương họ hùng mạnh thắng tiến.

⁸ Đức Chúa Trời đem họ ra khỏi Ai Cập;
 họ trở nên dũng mãnh như bò rừng.
 Họ nuốt tươi các nước cừu địch.

⁹ Họ nghỉ ngơi như sư tử nằm ngủ;
 ai dám đánh thức?
 Ai chúc phước họ sẽ hưởng hạnh phúc,
 ai nguyền rủa họ sẽ bị tai ương.”

¹⁰ Đến đây, Vua Ba-lác không ngăn được cơn giận, hai tay đập vào nhau, lên giọng quở Ba-la-am: “Ta gọi ông đến để nguyền rủa kẻ thù cho ta, ông lại đi chúc phước họ ba lần. ¹¹ Thôi ông về đi! Ta có hứa làm cho ông được vẻ vang, nhưng Chúa Hằng Hữu không cho ông hưởng vinh dự.”

¹² Ba-la-am đáp Ba-lác: “Tôi đã bảo sứ giả của vua là, ¹³ dù Vua Ba-lác có cho tôi cung điện đầy vàng bạc, tôi cũng không tự mình làm điều gì được cả. Chúa Hằng Hữu phán bảo tôi nói gì, tôi phải nói đúng như vậy! ¹⁴ Bây giờ, trước khi về, tôi xin nói trước những điều Ít-ra-ên sẽ làm cho thần dân của vua.”

Lời Tiên Tri Sau Cùng của Ba-la-am

¹⁵ Và Ba-la-am tiếp:
 “Đây là lời tiên tri của Ba-la-am, con trai Bê-ô,
 người có đôi mắt mở ra,
¹⁶ người nghe được lời của Đức Chúa Trời,
 nhận thức được cao kiến của Đấng Chí Cao,
 thấy được khái tượng của Đấng Toàn Năng,

- dù người ngã, mắt người vẫn mở:
17 Tôi thấy trong tương lai có một Ngôi Sao
xuất phát từ nhà Gia-cốp;
một cây gậy xuất phát từ Ít-ra-ên này
sẽ đánh Mô-áp tan tành,
tận diệt dòng dõi loạn lạc của Sết.
18 Ít-ra-ên sẽ biểu dương lực lượng,
chiếm Ê-đôm và Sê-i-rơ.
19 Vì vua uy quyền xuất phát từ nhà Gia-cốp
sẽ tiêu diệt những người sống sót trong các
thành thị.”
20 Sau đó, Ba-la-am nhìn về phía người A-ma-
léc, nói những lời sau đây:
“A-ma-léc đứng đầu trong các quốc gia,
nhưng rốt cuộc phải chịu tàn phá.”
21 Ông nhìn về phía người Kê-nít, nói tiếp:
“Nơi người ở thật là vững chắc;
như tổ lót trên vàng đá.
22 Thế mà Kê-nít sẽ phải điêu tàn;
người A-sy-ri sẽ bắt người đem lưu đày.”
23 Để kết thúc, ông nói những lời này:
“Than ôi! Khi Đức Chúa Trời ra tay, còn ai sống
nổi?
24 Chiến thuyền sẽ đến từ đảo Síp,
làm cho A-sy-ri và Hê-be khốn khổ,
rồi họ cũng bị tiêu diệt.”
25 Nói xong, Ba-la-am lên đường trở về quê
mình. Ba-lác cũng về cung.

25

Người Nữ Mô-áp Quyến Rũ Người Ít-ra-ên

¹ Khi người Ít-ra-ên đồn trú tại Si-tim, một số người thông dân với các phụ nữ Mô-áp. ² Các phụ nữ mời họ đi dự những buổi tế thần, rồi ăn của cúng và quỳ lạy các thần đó. ³ Dần dần người Ít-ra-ên kéo nhau thờ lạy Ba-anh Phê-ô. Vì vậy Chúa Hằng Hữu nổi giận, ⁴ phán với Môi-se:

“Bắt các trưởng tộc đem treo lên ngoài nắng trước mặt Chúa Hằng Hữu, để Ngài hết giận Ít-ra-ên.” ⁵ Môi-se ra lệnh cho các phán quan hành quyết tất cả những ai thờ lạy Ba-anh Phê-ô.

⁶ Có một người Ít-ra-ên ngang nhiên dẫn một phụ nữ Ma-đi-an về với gia đình mình, * đi ngang qua trước mặt Môi-se và toàn thể cộng đồng Ít-ra-ên, trong khi họ đang khóc than tại cửa Đền Tạm. ⁷ Phi-nê-a, con Ê-lê-a-sa, cháu A-rôn, là thầy tế lễ thấy thế, liền đứng lên ra khỏi cộng đồng, lấy một cây giáo, ⁸ chạy theo người kia vào trong trại, đâm xuyên qua thân người ấy, thấu bụng người phụ nữ. Tai họa liền chấm dứt. ⁹ Tuy nhiên đã có đến 24.000 người chết vì tai họa này.

¹⁰ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ¹¹ “Phi-nê-a, con Ê-lê-a-sa, cháu A-rôn, là thầy tế lễ, đã làm cho Ta nguôi giận, người đã nhiệt tâm đổ kỵ tà thần, nên Ta không tuyệt diệt người Ít-ra-ên dù họ bất trung. ¹² Vậy, vì Phi-nê-a đã nhiệt thành với Đức Chúa Trời, và chuộc tội cho dân, nên Ta kết ước hòa bình với người. ¹³ Chức vị tế lễ sẽ thuộc về người và con cháu người mãi

* 25:6 Nt các anh em mình

mãi vì người có lòng sốt sắng về Đức Chúa Trời mình và đã chuộc tội cho dân Ít-ra-ên.”

¹⁴ Tên của người đàn ông bị giết chung với phụ nữ Ma-đi-an ấy là Xim-ri, con của Sa-lu, trưởng một tông tộc người Si-mê-ôn. ¹⁵ Và tên phụ nữ Ma-đi-an là Cốt-bi, con của Xu-rơ, một lãnh tụ người Ma-đi-an.

¹⁶ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ¹⁷ “Hãy coi người Ma-đi-an là kẻ thù và đánh giết họ, ¹⁸ vì họ đã coi các người là thù nghịch khi dùng mưu kế dụ dỗ các người thờ Phê-ô. Cốt-bi là con gái một nhà lãnh đạo Ma-đi-an, người phụ nữ bị giết trong ngày tai họa, và tai họa này xảy ra vì việc cúng thờ Phê-ô.”

26

Lập Thống Kê Quân Ít-ra-ên Lần Hai

¹ Sau tai họa này, Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se và Ê-lê-a-sa, con Thầy Tế lễ A-rôn, như sau: ² “Hãy kiểm kê tất cả người Ít-ra-ên từ hai mươi tuổi trở lên, những người có thể ra trận, theo thứ tự từng họ hàng, gia tộc.”

³ Vậy tại đồng bằng Mô-áp, bên Sông Giô-đan, đối diện Giê-ri-cô, Môi-se, và Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa truyền lại lệnh ấy cho dân: ⁴ “Kiểm kê những người từ hai mươi tuổi trở lên, như Chúa Hằng Hữu đã phán dặn Môi-se.” Đây là những người Ít-ra-ên đã ra khỏi xứ Ai Cập:

Đại Tộc Ru-bên

⁵ Con cháu Ru-bên là con trưởng nam của Ít-ra-ên.

Từ Hê-nóc sinh ra gia tộc Hê-nóc.

Từ Pha-lu sinh ra gia tộc Pha-lu.

⁶ Từ Hết-rôn sinh ra gia tộc Hết-rôn.

Từ Cạt-mi sinh ra gia tộc Cạt-mi.

⁷ Đại tộc Ru-bên có 43.730 người.

⁸ Con trai Pha-lu là Ê-li-áp, ⁹ các con trai của Ê-li-áp là Nê-mu-ên, Đa-than, và A-bi-ram. Chính Đa-than và A-bi-ram này đã cùng với Cô-ra lãnh đạo cuộc chống đối Mô-i-se, A-rôn, và nghịch với Chúa Hằng Hữu. ¹⁰ Vì thế, đất đã nứt ra nuốt họ cùng với Cô-ra. Đồng thời, có 250 người bị lửa thiêu chết, để cảnh cáo toàn dân Ít-ra-ên. ¹¹ Tuy nhiên, các con của Cô-ra không chết trong ngày ấy.

Đại Tộc Si-mê-ôn

¹² Con cháu Si-mê-ôn tính từng gia tộc:

Từ Nê-mu-ên sinh ra gia tộc Nê-mu-ên.

Từ Gia-min sinh ra gia tộc Gia-min.

Từ Gia-kin sinh ra gia tộc Gia-kin.

¹³ Từ Xê-rách sinh ra gia tộc Xê-rách.

Từ Sau-lơ sinh ra gia tộc Sau-lơ.

¹⁴ Đó là các gia tộc của đại tộc Si-mê-ôn, có 22.200 người.

Đại Tộc Gát

¹⁵ Con cháu Gát tính từng gia tộc:

Từ Xê-phôn sinh ra gia tộc Xê-phôn.

Từ Ha-ghi sinh ra gia tộc Ha-ghi.

Từ Su-ni sinh ra gia tộc Su-ni.

16 Từ Ốc-ni sinh ra gia tộc Ốc-ni.

Từ Ê-ri sinh ra gia tộc Ê-ri.

17 Từ A-rốt sinh ra gia tộc A-rốt.

Từ A-rê-li sinh ra gia tộc A-rê-li.

18 Đó là các gia tộc của đại tộc Gát, có 40.500 người.

Đại Tộc Giu-đa

19 Có hai con trai của Giu-đa là Ê-rơ và Ô-nan đã qua đời tại Ca-na-an. 20 Con cháu Giu-đa tính từng gia tộc:

Từ Sê-la sinh ra gia tộc Sê-la.

Từ Phê-rết sinh ra gia tộc Phê-rết.

Từ Xê-rách sinh ra gia tộc Xê-rách.

21 Con cháu của Phê-rết gồm có:

Từ Hết-rôn sinh ra gia tộc Hết-rôn.

Từ Ha-num sinh ra gia tộc Ha-mun.

22 Đó là các gia tộc của đại tộc Giu-đa, có 76.500 người.

Đại Tộc Y-sa-ca

23 Con cháu Y-sa-ca tính từng gia tộc:

Từ Thô-la sinh ra gia tộc Thô-la.

Từ Phu-va sinh ra gia tộc Phu-ra.

24 Từ Gia súp sinh ra gia tộc Gia-súp.

Từ Sim-rôn sinh ra gia tộc Sim-rôn.

25 Đó là các gia tộc của đại tộc Y-sa-ca, có 64.300 người.

Đại Tộc Sa-bu-luân

26 Con cháu Sa-bu-luân tính từng gia tộc:

Từ Sê-rết sinh ra gia tộc Se-rết.

Từ Ê-lôn sinh ra gia tộc Ê-lôn.

Từ Gia-lê-ên sinh ra gia tộc Gia-lê-ên.

²⁷ Đó là các gia tộc của đại tộc Sa-bu-luân có 60.500 người.

Đại Tộc Ma-na-se

²⁸ Riêng trường hợp Giô-sép, con cháu ông hợp thành hai gia tộc mang tên hai con trai ông là Ma-na-se và Ép-ra-im.

²⁹ Con cháu Ma-na-se:

Từ Ma-ki sinh ra gia tộc Ma-ki.

Từ Ga-la-át (con Ma-ki) sinh ra gia tộc Ga-la-át.

³⁰ Con cháu của Ga-la-át là:

Từ Giê-xe sinh ra gia tộc Giê-xe.

Từ Hê-léc sinh ra gia tộc Hê-léc.

³¹ Từ Ách-ri-ên sinh ra gia tộc Ách-ri-ên.

Từ Si-chem sinh ra gia tộc Si-chem.

³² Từ Sê-mi-đa sinh ra gia tộc Sê-mi-đa.

Từ Hê-phe sinh ra gia tộc Hê-phe.

³³ Xê-lô-phát, con trai Hê-phe, sinh toàn con gái là Mách-la, Nô-a, Hốt-la, Minh-ca, và Thiệt-sa, chứ không có con trai.

³⁴ Đó là các gia tộc của đại tộc Ma-na-se có 52.700 người.

Đại Tộc Ép-ra-im

³⁵ Con cháu Ép-ra-im:

Từ Su-tê-la sinh ra gia tộc Su-thê-lách.

Từ Bê-ka sinh ra gia tộc Bê-ka.

Từ Tha-chan sinh ra gia tộc Tha-han.

³⁶ Con của Su-tê-la là Ê-ran.

Từ Ê-ran sinh ra gia tộc Ê-ran.

³⁷ Tất cả thuộc gia tộc của đại tộc Ép-ra-im có 32.500 người.

Đó là đại tộc Ma-na-se và Ép-ra-im, con cháu của Giô-sép.

Đại Tộc Bên-gia-min

³⁸ Con cháu Bên-gia-min tính từng đại tộc:
Từ Bê-la sinh ra gia tộc Bê-la. Từ Ách-bên sinh ra gia tộc Ách-bên.

Từ A-chi-ram sinh ra gia tộc A-chi-ram.

³⁹ Từ Sê-phu-pham sinh ra gia tộc Sê-phu-pham.

Từ Hu-pham sinh ra gia tộc Hu-pham.

⁴⁰ Các con của Bê-la là A-rết và Na-a-man:

Từ A-rết sinh ra gia tộc A-rết.

Từ Na-a-man sinh ra gia tộc Na-a-man.

⁴¹ Đó là các gia tộc của đại tộc Bên-gia-min có 45.600 người.

Đại Tộc Đan

⁴² Con cháu Đan tính từng gia tộc:

Từ Su-cham sinh ra gia tộc Su-cham.

⁴³ Đại tộc Đan chỉ có một gia tộc Su-cham có 64.400 người.

Đại Tộc A-se

⁴⁴ Con cháu A-se tính từng gia tộc:

Từ Im-na sinh ra gia tộc Im-na.

Từ Ích-vi sinh ra gia tộc Ích-vi.

Từ Bê-ri-a sinh ra gia tộc Bê-ri-a.

⁴⁵ Con trai Bê-ri-a là Hê-be và Manh-ki-ên:

Từ Hê-be sinh ra gia tộc Hê-be.

Từ Manh-ki-ên sinh ra gia tộc Manh-ki-ên.

⁴⁶ A-se có một con gái tên là Sê-ra.

⁴⁷ Đó là các gia tộc của đại tộc A-se có 53.400 người.

Đại Tộc Nép-ta-li

⁴⁸ Con cháu Nép-ta-li tính từng gia tộc:
Từ Gia-xên sinh ra gia tộc Giát-sê-ên.
Từ Gu-ni sinh ra gia tộc Gu-ni.

⁴⁹ Từ Giê-xe sinh ra gia tộc Giê-xe.
Từ Si-lem sinh ra gia tộc Si-lem.

⁵⁰ Đó là các gia tộc của đại tộc Nép-ta-li có 45.400 người.

Kết Quả Thống Kê

⁵¹ Vậy tổng số những người được kiểm kê trong toàn dân Ít-ra-ên là 601.730 người.

⁵² Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ⁵³ “Chia đất cho các đại tộc căn cứ trên dân số. ⁵⁴ Đại tộc đông dân sẽ được nhiều đất hơn đại tộc ít dân. ⁵⁵ Hãy dùng lối bắt thăm định phần, trên mỗi thăm viết tên một đại tộc. ⁵⁶ Nhưng các đại tộc đông dân sẽ bắt thăm chia nhau những phần đất lớn, các đại tộc ít dân bắt thăm những phần đất nhỏ.”

Đại Tộc Lê-vi

⁵⁷ Người Lê-vi được kiểm kê theo thứ tự các gia tộc:

Từ Ghệt-sôn sinh ra gia tộc Ghệt-sôn.
Từ Kê-hát sinh ra gia tộc Kê-rát.
Từ Mê-ra-ri sinh ra gia tộc Mê-ra-ri.

⁵⁸ Các tộc khác thuộc đại tộc Lê-vi là: Líp-ni, Hếp-rôn, Mách-li, Mu-si, và Cô-rê.

Kê-hát sinh Am-ram, ⁵⁹ và vợ của Am-ram là Giô-kê-bết. Khi Lê-vi còn ở Ai Cập, ông sinh Giô-kê-bết. Am-ram cưới Giô-kê-bết sinh A-rôn, Môi-se, và một con gái tên Mi-ri-am. ⁶⁰ A-rôn sinh Na-đáp, A-bi-hu, Ê-lê-a-sa, và Y-tha-ma. ⁶¹ Na-đáp và A-bi-hu chết khi dâng lửa lạ trước mặt Chúa Hằng Hữu.

⁶² Tổng số người Lê-vi là 23.000, gồm nam nhi từ một tháng trở lên. Họ không được kiểm kê chung với những đại tộc Ít-ra-ên khác vì không có phần trong cuộc chia đất ấy.

⁶³ Đây là kết quả cuộc kiểm kê do Môi-se và Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa phụ trách, thực hiện trong đồng bằng Mô-áp, bên Sông Giô-đan, tại một nơi đối diện Giê-ri-cô. ⁶⁴ Không một ai trong số người được kiểm kê kỳ này có tên trong cuộc kiểm kê trước được thực hiện tại hoang mạc Si-nai do Môi-se và A-rôn phụ trách. ⁶⁵ Những người xưa đều chết cả, đúng như lời Chúa Hằng Hữu: “Họ sẽ chết trong hoang mạc.” Ngoại trừ Ca-lép, con của Giê-phu-nê, và Giô-suê, con của Nun.

27

Các Con Gái của Xê-lô-phát

¹ Xê-lô-phát có năm người con gái là: Mách-la, Nô-a, Hốt-la, Minh-ca, và Thiệt-sa. Cha họ là Xê-lô-phát con của Hê-phe, cháu Ga-la-át, chắt Ma-ki, chít Ma-na-se. Ma-na-se là con Giô-sép. ² Một hôm, các con gái của Xê-lô-phát đến gặp Môi-se, Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa, các nhà lãnh tụ, và toàn thể

dân chúng hiện diện tại cửa Đền Tạm. Họ nói:
3 “Cha chúng tôi đã qua đời trong hoang mạc, nhưng không phải vì phản nghịch Chúa Hằng Hữu. Người không chết như Cô-ra và đồng bọn, nhưng qua đời tự nhiên,* và không có con trai.
4 Chỉ vì không sinh con trai, cha chúng tôi phải bị xóa tên khỏi gia tộc mình hay sao? Không, xin cho chúng tôi đại diện cha lãnh phần đất cùng với các vị chú bác của chúng tôi.”

5 Mô-i-se trình việc này lên Chúa Hằng Hữu.
6 Chúa Hằng Hữu phán dạy ông: 7 “Các con gái Xê-lô-phát nói đúng. Hãy cho họ một phần đất cùng với chú bác họ, là phần đáng lẽ cha họ được hưởng. 8 Nhân việc này, con cũng công bố cho dân chúng biết luật này. Nếu ai chết không có con trai, con gái sẽ lãnh phần tài sản. 9 Nếu người ấy cũng không có con gái, tài sản sẽ thuộc về anh em ruột. 10 Nếu không có anh em ruột, tài sản về tay chú bác. 11 Nếu không có chú bác, tài sản thuộc về người trong gia tộc gần nhất còn lại. Đây là điều Chúa Hằng Hữu phán bảo Mô-i-se.”

Giô-suê Được Chọn Lãnh Đạo Ít-ra-ên

12 Sau đó, Chúa Hằng Hữu phán bảo Mô-i-se: “Con lên núi A-ba-rim ngắm xem đất Ta cho người Ít-ra-ên. 13 Xem xong, con sẽ qua đời như A-rôn vậy, 14 vì con đã chống lại lệnh Ta trong hoang mạc Xin, khi dân chúng nổi loạn. Con đã

* 27:3 Nt chết vì tội của chính mình

không tôn trọng† Ta trước mặt họ.” (Đây là vụ “nước Mê-ri-ba” ở Ca-đe, trong hoang mạc Xin.)

15 Môi-se thưa lên Chúa Hằng Hữu: 16 “Lạy Chúa Hằng Hữu, là Chúa của linh hồn mọi người, xin chỉ định một người thay con lãnh đạo dân chúng, 17 đối ngoại cũng như đối nội,‡ để dân của Chúa Hằng Hữu không phải như chiên không người chăn.”

18 Chúa Hằng Hữu đáp: “Giô-suê, con của Nun là người có Thần ở cùng. Trước hết, con đem người đến, đặt tay trên người. 19 Sau đó, dẫn người đến đứng trước mặt Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa với sự chứng kiến của toàn dân, rồi con sẽ ủy thác trách nhiệm cho người. 20 Con sẽ trao quyền cho người, và như vậy toàn dân Ít-ra-ên sẽ tuân lệnh người. 21 Giô-suê sẽ tham khảo với Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa để biết các quyết định của Chúa Hằng Hữu (nhờ bảng U-rim). Người và toàn dân sẽ tuân theo chỉ thị của Chúa Hằng Hữu trong mọi việc.”

22 Vâng lệnh Chúa Hằng Hữu, Môi-se đem Giô-suê đến đứng trước mặt Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa và toàn dân. 23 Môi-se đặt tay trên Giô-suê, ủy thác trách nhiệm như lời Chúa Hằng Hữu phán dạy ông.

28

Tế Lễ Hằng Ngày

† 27:14 Nt tôn thánh ‡ 27:17 Nt đi trước dân lúc ra ngoài cũng như lúc vào trong, dẫn họ ra đem họ vào

1 Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se 2 truyền cho dân chúng chỉ thị sau: “Các lễ vật—các thức ăn đem đốt để dâng hương thơm lên cho Ta—phải được dâng vào các thời điểm ấn định.

3 Lễ thiêu dâng hằng ngày: Gồm hai chiên đực một tuổi, không tì vít, dùng lửa dâng lên Chúa Hằng Hữu. 4 Dâng một con vào buổi sáng, một con vào buổi tối. 5 Đồng thời cũng dâng 2,2 lít* bột lễ vật ngũ cốc trộn với 1 lít† dầu ép ô-liu. 6 Lễ thiêu dâng hằng ngày này là tế lễ dùng lửa dâng hương thơm lên Chúa Hằng Hữu, như đã được quy định tại Núi Si-nai. 7 Ngoài ra, phải dâng chung với mỗi con chiên 1 lít rượu mạnh (lễ quán), lấy rượu đổ ra trong Nơi Thánh trước mặt Chúa Hằng Hữu. 8 Con chiên dâng vào buổi tối cũng được dâng chung với lễ ngũ cốc và lễ quán như con chiên buổi sáng vậy, và đây cũng là lễ vật dùng lửa dâng hương thơm lên Chúa Hằng Hữu.”

Tế Lễ Ngày Sa-bát

9 “Lễ thiêu dâng ngày Sa-bát gồm hai chiên đực một tuổi, không tì vít, và 4,4 lít‡ bột mịn trộn với dầu (lễ vật ngũ cốc) cùng với rượu (lễ quán). 10 Lễ thiêu này dâng vào mỗi ngày Sa-bát, cộng thêm với lễ thiêu hằng ngày và lễ quán.”

Tế Lễ Hằng Tháng

* 28:5 Nt 1/10 ê-pha; tương tự trong các câu 13,21,29 † 28:5 Nt ¼ hin; tương tự trong câu 7 ‡ 28:9 Nt 2/10 ê-pha; tương tự trong các câu 12,20,28

11 “Lễ thiêu dâng lên Chúa Hằng Hữu đầu tháng gồm hai bò tơ đực, một chiên đực, và bảy chiên con đực một tuổi, không tì vết. 12 Cũng dâng lễ vật ngũ cốc gồm bột mịn trộn dầu: 6,6 lít§ bột mịn trộn dầu chung với mỗi con bò, 4,4 lít bột mịn trộn dầu chung với chiên đực, 13 và 2,2 lít bột mịn trộn dầu chung với mỗi chiên con. Đó là các sinh tế thiêu, dùng lửa dâng hương thơm lên Chúa Hằng Hữu. 14 Cùng với mỗi con bò, dâng 2 lít rượu (lễ quán), cùng với chiên đực, dâng 1,3 lít rượu; và 1 lít cùng với mỗi chiên con. Đó là lễ thiêu dâng hằng tháng trong năm. 15 Cùng với lễ thiêu, cũng dâng lên Chúa Hằng Hữu một con dê đực làm lễ chuộc tội, cộng thêm với lễ thiêu dâng hằng ngày và lễ quán.”

Tế Lễ Vượt Qua

16 “Lễ Vượt Qua của Chúa Hằng Hữu vào ngày mười bốn tháng giêng. 17 Kể từ ngày mười lăm, người ta sẽ dự lễ bánh không men trong suốt bảy ngày. 18 Vào ngày lễ thứ nhất, sẽ có một cuộc hội họp thánh. Toàn dân được mời đến dự, nên không ai làm việc nặng nhọc, 19 nhưng sẽ dâng lễ thiêu cho Chúa Hằng Hữu. Sinh tế gồm có: Hai bò đực, một chiên đực và bảy chiên con đực một tuổi, không tì vết. 20 Cũng dâng lễ vật ngũ cốc gồm bột mịn trộn dầu: 6,6 lít bột mịn trộn dầu chung với mỗi con bò, 4,4 lít bột mịn trộn dầu chung với mỗi chiên đực, 21 và 2,2 lít bột mịn

§ 28:12 Nt 3/10 ê-pha; tương tự trong các câu 20, 28

trộn dầu chung với mỗi chiên con. ²² Ngoài ra, cũng dâng một dê đực làm lễ chuộc tội. ²³ Các lễ vật này, (ngoài lễ thiêu dâng hằng ngày và lễ quán) dâng thường xuyên vào mỗi buổi sáng. ²⁴ Trong bảy ngày, mỗi ngày đều phải dâng tế lễ thiêu như thế. Đó là những thức ăn đốt lên để dâng hương thơm lên Chúa Hằng Hữu. ²⁵ Đến ngày thứ bảy cũng có một cuộc hội họp thánh, toàn dân được mời dự, nên không ai được làm các công việc thường ngày trong ngày ấy.”

Tế Lễ Các Tuần

²⁶ “Vào ngày Hoa Quả Đầu Mùa (Lễ Các Tuần), phải dâng ngũ cốc lên Chúa Hằng Hữu, gồm các hoa quả mới gặt hái được. Mọi người sẽ dự cuộc hội họp thánh, và không ai làm việc nặng nhọc. ²⁷ Lễ thiêu dâng vào dịp này gồm hai bò tơ đực, một chiên đực, bảy chiên con đực một tuổi, dùng lửa dâng hương thơm lên Chúa Hằng Hữu. ²⁸ Cũng dâng lễ vật ngũ cốc gồm bột mịn trộn dầu: 6,6 lít bột mịn trộn dầu chung với mỗi con bò, 4,4 lít bột mịn trộn dầu chung với mỗi chiên đực, ²⁹ và 2,2 lít bột mịn trộn dầu chung với mỗi chiên con. ³⁰ Ngoài ra, cũng dâng một dê đực làm lễ chuộc tội. ³¹ Các lễ vật này được dâng cùng với các lễ thiêu, ngũ cốc, và rượu dâng hằng ngày. Sinh tế phải là những con vật không tì vết.”

29

Tế Lễ Thối Kèn

1 “Lễ thổi kèn được giữ vào ngày mồng một tháng bảy. Toàn dân sẽ dự cuộc hội họp thánh, và trong ngày lễ không ai làm việc nặng nhọc. 2 Lễ thiêu dâng vào dịp này gồm một bò đực, một chiên đực, bảy chiên con đực một tuổi không tì vít, dùng lửa dâng hương thơm lên Chúa Hằng Hữu. 3 Cũng dâng lễ vật ngũ cốc gồm bột mịn trộn dầu: 6,6 lít* bột mịn trộn dầu chung với con bò, 4,4 lít† bột mịn trộn dầu chung với chiên đực, 4 và 2,2 lít‡ bột mịn trộn dầu chung với mỗi chiên con. 5 Ngoài ra cũng dâng con dê đực làm lễ chuộc tội. 6 Các lễ vật này được dâng cùng với lễ thiêu, ngũ cốc và rượu dâng hằng ngày như đã quy định. Đó là những lễ vật dùng lửa dâng hương thơm lên Chúa Hằng Hữu.”

Tế Lễ Ngày Chuộc Tội

7 “Vào ngày mồng mười tháng bảy, lại sẽ có một cuộc họp thánh. Mọi người phải hạ mình hối lỗi và không làm việc gì cả. 8 Lễ thiêu dâng hôm ấy gồm bò tơ đực, chiên đực, và bảy chiên con đực một tuổi không tì vít, dùng lửa dâng hương thơm lên Chúa Hằng Hữu. 9 Cũng dâng lễ vật ngũ cốc gồm bột mịn trộn dầu: 6,6 lít bột mịn trộn dầu chung với con bò, 4,4 lít bột mịn trộn dầu chung với chiên đực, 10 và 2,2 lít bột mịn trộn dầu chung với mỗi chiên con. 11 Ngoài ra, cũng dâng một con dê đực làm lễ chuộc tội.

* 29:3 Nt 3/10 ê-pha; tương tự trong các câu 9,14 † 29:3 Nt 2/10 ê-pha; tương tự trong các câu 9,14 ‡ 29:4 Nt 1/10 ê-pha; tương tự trong các câu 10,15

Lễ vật này được dâng cùng với lễ chuộc tội dâng trong ngày chuộc tội, lễ thiêu dâng hằng ngày, ngũ cốc, và rượu.”

Tế Lễ Lều Tạm

¹² Vào ngày rằm tháng bảy sẽ có cuộc hội họp thánh; không ai làm việc nặng nhọc, và toàn dân sẽ giữ lễ bảy ngày cho Chúa Hằng Hữu. ¹³ Lễ thiêu dâng vào ngày thứ nhất gồm mười ba bò tơ đực, hai chiên đực, và mười bốn chiên đực một tuổi không tì vít, dùng lửa dâng hương thơm lên Chúa Hằng Hữu. ¹⁴ Cũng dâng lễ vật ngũ cốc gồm bột mịn trộn dầu: 6,6 lít bột mịn trộn dầu chung với mỗi bò tơ đực, 4,4 lít bột mịn trộn dầu chung với mỗi chiên đực, ¹⁵ và 2,2 lít bột mịn trộn dầu chung với mỗi chiên con. ¹⁶ Ngoài ra, cũng dâng một con dê đực làm lễ chuộc tội cùng với lễ thiêu dâng hằng ngày, ngũ cốc, và rượu.

¹⁷ Vào ngày thứ hai, phải dâng lễ thiêu gồm mười hai bò tơ đực, hai chiên đực, và mười bốn chiên con đực một tuổi không tì vít. ¹⁸ Cũng dâng lễ vật ngũ cốc và rượu chung với bò, chiên đực, và chiên con theo số lượng ấn định. ¹⁹ Ngoài ra, dâng một con dê đực làm lễ chuộc tội, cùng với lễ thiêu dâng hằng ngày, ngũ cốc, và rượu.

²⁰ Vào ngày thứ ba, dâng lễ thiêu gồm mười một bò tơ đực, hai chiên đực, và mười bốn chiên con một tuổi không tì vít. ²¹ Cũng dâng lễ vật ngũ cốc và rượu chung với các sinh vật trên, theo số lượng ấn định. ²² Ngoài ra, cũng dâng

một con dê đực làm lễ chuộc tội, cộng thêm với lễ thiêu dâng hằng ngày, ngũ cốc, và rượu.

²³ Vào ngày thứ tư, dâng lễ thiêu gồm mười bò đực tơ, hai chiên đực và mười bốn chiên con đực một tuổi không tì vết. ²⁴ Cũng dâng lễ vật ngũ cốc và rượu chung với các sinh vật trên theo số lượng ấn định. ²⁵ Ngoài ra, cũng dâng một con dê đực làm lễ chuộc tội, cộng thêm với lễ thiêu dâng hằng ngày, ngũ cốc, và rượu.

²⁶ Vào ngày thứ năm, dâng lễ thiêu gồm chín bò tơ đực, hai chiên đực, và mười bốn chiên con đực một tuổi không tì vết. ²⁷ Cũng dâng lễ vật ngũ cốc và rượu chung với các sinh vật trên, theo số lượng ấn định. ²⁸ Ngoài ra, cũng dâng một con dê đực làm lễ chuộc tội, cộng thêm với lễ thiêu dâng hằng ngày, ngũ cốc, và rượu.

²⁹ Vào ngày thứ sáu, dâng lễ thiêu gồm tám bò tơ đực, hai chiên đực, và mười bốn chiên con đực một tuổi không tì vết. ³⁰ Cũng dâng lễ vật ngũ cốc và rượu chung với các sinh vật theo số ấn định. ³¹ Ngoài ra, cũng dâng một con dê đực làm lễ chuộc tội cùng với lễ thiêu dâng hằng ngày, ngũ cốc, và rượu.

³² Vào ngày thứ bảy, dâng lễ thiêu gồm bảy bò tơ đực, hai chiên đực, và mười bốn chiên con đực một tuổi không tì vết. ³³ Cũng dâng lễ vật ngũ cốc và rượu chung với các sinh vật trên, theo số lượng ấn định. ³⁴ Ngoài ra, cũng dâng một con dê đực làm lễ chuộc tội cùng với lễ thiêu dâng hằng ngày, ngũ cốc, và rượu.

³⁵ Vào ngày thứ tám sẽ có cuộc hội họp thánh, sẽ không ai được làm những việc thường ngày vào ngày này. ³⁶ Lễ thiêu dâng hôm ấy gồm một bò tơ đực, một dê đực, và bảy chiên con đực một tuổi không tì vít, dùng lửa dâng hương thơm lên Chúa Hằng Hữu. ³⁷ Cũng dâng lễ vật ngũ cốc và rượu chung với các sinh vật trên, theo số lượng ấn định. ³⁸ Ngoài ra cũng dâng một con dê đực làm lễ chuộc tội cùng với lễ thiêu dâng hằng ngày, ngũ cốc, và rượu.

³⁹ Đó là các lễ vật dâng lên Chúa Hằng Hữu gồm sinh tế thiêu, lễ vật ngũ cốc, rượu, hay lễ vật thù ân trong các kỳ lễ hằng năm, ngoài các lễ vật thề nguyện, và lễ vật tình nguyện.”

⁴⁰ Môi-se truyền lại cho dân chúng mọi điều Chúa Hằng Hữu phán bảo mình.

30

Luật về Hứa Nguyện

¹ Môi-se nói với các vị lãnh đạo của các đại tộc Ít-ra-ên: “Chúa Hằng Hữu có truyền dạy: ² Nếu ai hứa nguyện với Chúa Hằng Hữu một điều gì, hoặc thề sẽ tuân giữ một lời nguyện, thì người ấy phải làm theo lời mình đã thề hoặc hứa.

³ Nếu một người phụ nữ còn sống trong nhà cha mình, có hứa với Chúa Hằng Hữu hoặc có thề làm một điều gì, ⁴ và khi người cha biết được lời thề của con mình nhưng không nói gì cả, thì lời thề vẫn có hiệu lực. ⁵ Nhưng nếu vừa biết được lời thề, người cha liền cấm đoán con gái

mình ngay trong ngày hôm ấy, thì lời thề của nàng trở nên vô hiệu. Chúa Hằng Hữu sẽ tha thứ cho nàng vì nàng bị cha mình cấm đoán.

⁶ Nếu một người phụ nữ đã thề hoặc đã buột miệng hứa điều gì, rồi về sau có chồng, ⁷ mà người chồng biết được lời thề của vợ mình nhưng không nói gì, thì lời thề vẫn có hiệu lực. ⁸ Nhưng nếu vừa biết được lời thề, người chồng liền cấm đoán vợ mình ngay trong ngày hôm ấy, thì lời thề của nàng trở nên vô hiệu. Chúa Hằng Hữu sẽ tha thứ cho nàng. ⁹ Nhưng lời thề của một bà góa hay một bà ly dị vẫn luôn có hiệu lực.

¹⁰ Giả sử một người phụ nữ phát thề khi đang sống trong nhà chồng. ¹¹ Khi người chồng biết được lời thề của vợ mình nhưng không nói năng, phản đối gì, thì lời thề vẫn có hiệu lực. ¹² Nhưng nếu người chồng hủy bỏ lời thề ngay trong ngày mình biết được, thì lời thề của người vợ trở thành vô hiệu, và Chúa Hằng Hữu sẽ tha thứ cho nàng. ¹³ Vậy, người chồng có quyền chấp thuận hay hủy bỏ lời thề của vợ mình. ¹⁴ Nếu người chồng giữ im lặng trong một ngày tròn, tức là bằng lòng chấp thuận lời thề của vợ. ¹⁵ Còn nếu người chồng đợi một thời gian rồi mới tuyên bố hủy bỏ lời thề, thì người ấy phải gánh chịu hình phạt theo như lời vợ mình đã thề.”*

¹⁶ Trên đây là những quy tắc Chúa Hằng Hữu truyền cho Mô-se, để áp dụng trong những mối

* **30:15** Nt phải mang tội của vợ mình

liên hệ vợ chồng hoặc cha và con gái khi còn ở trong nhà cha.

31

Chiến Thắng Ma-đi-an

¹ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ² “Trước ngày con qua đời, con sẽ báo thù người Ma-đi-an cho người Ít-ra-ên.”

³ Môi-se nói với dân chúng: “Một số người phải được trang bị khí giới để đi báo thù người Ma-đi-an, theo lệnh Chúa Hằng Hữu. ⁴ Mỗi đại tộc tuyển 1.000 người.” ⁵ Và như vậy, từ trong các đại tộc Ít-ra-ên chọn 12.000 người tham dự trận này. ⁶ Môi-se ra lệnh tiến công, có Phi-nê-a, con Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa đem theo các dụng cụ thánh và kèn đồng cầm nơi tay. ⁷ Trong trận này, họ giết sạch những người đàn ông Ma-đi-an, như Chúa Hằng Hữu phán cùng Môi-se ⁸ kể cả năm vua Ma-đi-an là: Ê-vi, Rê-kem, Xu-rơ, Hu-rơ, và Rê-ba. Ba-la-am, con trai Bê-ô cũng chung số phận.

⁹ Đạo quân Ít-ra-ên bắt đàn bà, trẻ con Ma-đi-an, thu chiến lợi phẩm gồm bò, chiên, và của cải. ¹⁰ Họ đốt các thành và trang trại của người Ma-đi-an. ¹¹ Họ lấy các chiến lợi phẩm, người, và súc vật, ¹² đem tất cả người và của cải chiếm được đến trước Môi-se, Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa và cộng đồng dân chúng Ít-ra-ên đang cắm trại tại đồng bằng Mô-áp, bên Sông Giô-đan, đối diện Giê-ri-cô. ¹³ Môi-se, Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa, và các nhà

lãnh đạo cộng đồng Ít-ra-ên ra tận bên ngoài trại tiếp đón đoàn quân chiến thắng trở về. ¹⁴ Nhưng Môi-se giận các cấp chỉ huy quân đội lắm (họ gồm những quan chỉ huy hàng nghìn và hàng trăm quân).

¹⁵ Ông hỏi: “Tại sao các anh để cho tất cả phụ nữ Ma-đi-an sống? ¹⁶ Chính họ là những người đã vâng lời Ba-la-am, quyến rũ người Ít-ra-ên cúng thờ Phê-ô, phạm tội trọng với Chúa Hằng Hữu, vì thế mà tai họa đã xảy ra cho dân của Chúa Hằng Hữu. ¹⁷ Thế thì, ta phải giết hết những con trai và tất cả phụ nữ đã nằm với đàn ông, ¹⁸ nhưng để cho các trinh nữ sống, và dân chúng được giữ những trinh nữ này. ¹⁹ Bây giờ, ai đã giết người hoặc đục vào xác chết phải ở lại bên ngoài trại trong bảy ngày. Vào ngày thứ ba và ngày thứ bảy, phải tẩy sạch mình và người mình bắt được. ²⁰ Cũng tẩy sạch áo xống, đồ dùng bằng da, bằng lông dê, và bằng gỗ.”

²¹ Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa cũng nhắc nhở các chiến sĩ: “Đây là quy tắc Chúa Hằng Hữu truyền cho Môi-se: ²² Vật gì có thể đưa vào lửa được như vật bằng vàng, bạc, đồng, sắt, thiếc, hoặc chì, ²³ thì phải đưa vào lửa đốt cho sạch. Sau đó, cũng phải dùng nước tẩy uế mà tẩy sạch nữa. Còn vật gì không chịu được lửa, thì dùng nước tẩy uế mà thôi. ²⁴ Phải giặt sạch áo vào ngày thứ bảy và như thế anh em sẽ được sạch. Sau đó, anh em có thể vào trại.”

Chia Các Chiến Lợi Phẩm

²⁵ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: ²⁶ “Con sẽ cùng với Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa và các tộc trưởng lo kiểm kê các chiến lợi phẩm, cả người lẫn súc vật. ²⁷ Xong, chia chiến lợi phẩm ra làm hai phần, một phần thuộc về các chiến sĩ đã ra trận, phần kia thuộc về dân chúng. ²⁸ Trong phần của các chiến sĩ, phải đem một phần năm trăm để dâng lên Chúa Hằng Hữu, gồm người, bò, lừa, và chiên. ²⁹ Phần trích ra này sẽ đem giao cho Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa để dâng lên Chúa Hằng Hữu. ³⁰ Cũng lấy một phần năm mươi trong phân nửa của dân chúng để cho người Lê-vi, là những người có trách nhiệm phục vụ Đền Tạm của Chúa Hằng Hữu. Phần này cũng gồm có người, bò, lừa, và chiên.” ³¹ Môi-se và Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa làm theo lời Chúa Hằng Hữu phán dạy.

³² Chiến lợi phẩm do các chiến sĩ thu được (không kể đến một số của cải khác) gồm có: 675.000 con chiên và dê, ³³ 72.000 con bò, ³⁴ 61.000 con lừa, ³⁵ và 32.000 trinh nữ.

³⁶ Như thế, phân nửa thuộc phần các chiến sĩ gồm có: 337.500 con chiên và dê, ³⁷ trong đó trích ra nộp cho Chúa Hằng Hữu là 675 con; ³⁸ 36.000 con bò, trong đó trích ra nộp cho Chúa Hằng Hữu là 72 con; ³⁹ 30.500 con lừa, trong đó trích ra nộp cho Chúa Hằng Hữu là 61 con; ⁴⁰ 16.000 trinh nữ, trong đó trích ra nộp cho Chúa Hằng Hữu là 32 người ⁴¹ Môi-se vâng lời Chúa Hằng Hữu, đem nộp cho Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa phần thuộc về Chúa Hằng Hữu.

⁴² Phân nửa chiến lợi phẩm thuộc về người Ít-ra-ên được Môi-se chỉ cho (phân nửa kia thuộc các chiến sĩ, ⁴³ phân nửa này chia cho dân chúng), gồm có: 337.000 con chiên và dê, ⁴⁴ 36.000 con bò, ⁴⁵ 30.500 con lừa, ⁴⁶ và 16.000 trinh nữ. ⁴⁷ Môi-se lấy hai phần trăm của phân nửa này, gồm cả người lẫn thú vật, đem cho người Lê-vi như Chúa Hằng Hữu phán bảo ông.

⁴⁸ Các quan chỉ huy hàng nghìn và hàng trăm quân đến thưa với Môi-se: ⁴⁹ “Chúng tôi đã kiểm điểm quân số và thấy là không một ai thiệt mạng cả. ⁵⁰ Ngoài ra, chúng tôi mang đến đây các vật đã thu được: Nữ trang bằng vàng, vòng đeo tay, vòng đeo chân, nhẫn, hoa tai, và dây chuyền. Xin dâng lên Chúa Hằng Hữu làm lễ chuộc tội.”

⁵¹ Môi-se và Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa nhận các lễ vật từ tay các chỉ huy. ⁵² Tổng số vàng dâng lên Chúa Hằng Hữu cân nặng 190 kg. ⁵³ Các chiến sĩ đều có thu hoạch chiến lợi phẩm riêng cho mình. ⁵⁴ Môi-se và Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa đem các lễ vật này cất vào Đền Tạm để làm một kỷ niệm của dân chúng Ít-ra-ên trước mặt Chúa Hằng Hữu.

32

Những Đại Tộc Phía Đông Sông Giô-đan

¹ Vì người thuộc đại tộc Ru-bên và Gát có rất nhiều súc vật, nên khi thấy đất Gia-ê-xe và Ga-la-át là một vùng thích hợp cho việc chăn nuôi, ² họ đến gặp Môi-se, Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa, và các nhà lãnh đạo dân chúng. Họ trình bày như

sau: ³ “Chúa Hằng Hữu đã đánh bại dân của các địa phương A-ta-rốt, Đì-bôn, Gia-ê-xe, Nim-ra, Hết-bôn, Ê-lê-a-lê, Sê-ham, Nê-bô, và Bê-ôn trước mặt người Ít-ra-ên. ⁴ Chúa Hằng Hữu đã đánh bại các dân này cho người Ít-ra-ên. Các miền này thật là nơi lý tưởng cho bầy gia súc của chúng tôi. ⁵ Nếu quý ông vui lòng, xin cho chúng tôi chiếm hữu đất này, không cần phải đi qua Sông Giô-đan.”

⁶ Nhưng Môi-se hỏi những người thuộc đại tộc Gát và Ru-bên: “Anh em muốn ngồi nghỉ đây trong khi anh em mình phải tiếp tục chiến đấu sao? ⁷ Tại sao anh em làm cho người Ít-ra-ên nản lòng, không muốn đi vào đất Chúa Hằng Hữu đã hứa cho? ⁸ Cha ông của anh em cũng đã làm y như vậy tại Ca-đê Ba-nê-a khi tôi sai họ đi thám thính Ca-na-an. ⁹ Sau khi nhìn thấy đất ở thung lũng Éch-côn, họ làm cho dân chúng ngã lòng, không muốn đi vào nơi Chúa Hằng Hữu hứa cho họ nữa. ¹⁰ Lúc ấy Chúa Hằng Hữu nổi giận, thề rằng: ¹¹ Không cho một người nào trong những người ra đi từ Ai Cập, từ hai mươi tuổi trở lên, được hưởng đất Ngài đã hứa cho Áp-ra-ham, Y-sác, và Gia-cốp, vì họ không hết lòng theo Ngài, ¹² chỉ trừ Ca-lép, con Giê-phu-nê, người Kên, và Giô-suê, con của Nun, là hai người hết lòng theo Chúa Hằng Hữu.

¹³ Và như thế, Chúa Hằng Hữu bắt chúng ta cứ đi lang thang trong hoang mạc suốt bốn mươi năm, cho đến khi tất cả thế hệ tà ác chết hết.

¹⁴ Và bây giờ, anh em là một lũ tội lỗi, cũng phạm tội như cha ông mình, làm gia tăng cơn thịnh nộ của Chúa Hằng Hữu. ¹⁵ Nếu anh em từ bỏ Ngài, Ngài sẽ để cho dân chúng ở lại trong hoang mạc lâu hơn, và như vậy, chính anh em mang họa diệt vong đến cho dân tộc mình!”

¹⁶ Nhưng họ bước đến bên Mô-i-se, thưa: “Chúng tôi chỉ xin lập chuồng cho bầy gia súc và xây thành cho con cái chúng tôi tại đây, ¹⁷ nhưng chúng tôi sẽ mang khí giới đi trước toàn dân cho đến khi họ vào chiếm hữu đất mình. Tuy nhiên, con cháu chúng tôi cần có thành lũy bảo vệ để tránh khỏi hiểm họa dân địa phương có thể gây ra. ¹⁸ Chúng tôi hứa sẽ không về nhà cho đến khi toàn dân Ít-ra-ên đều an cư lạc nghiệp. ¹⁹ Vì chúng tôi đã nhận đất bên này sông Giô-đan (phía đông), nên chúng tôi sẽ không đòi gì thêm ở bên kia sông cả.”

²⁰ Nghe vậy, Mô-i-se nói: “Nếu anh em làm đúng như điều mình vừa nói, mang khí giới ra trận trước mặt Chúa Hằng Hữu, ²¹ mỗi chiến sĩ đều qua sông Giô-đan, chiến đấu cho đến khi Chúa Hằng Hữu đuổi hết quân thù đi, ²² sau đó anh em có thể trở về khi Chúa Hằng Hữu đã chinh phục xong toàn lãnh thổ. Lúc ấy anh em mới chu toàn trách nhiệm với Chúa Hằng Hữu và với người dân Ít-ra-ên. Đất bên phía đông sông Giô-đan sẽ thuộc quyền sở hữu của anh em, có Chúa Hằng Hữu chứng giám. ²³ Nhưng nếu anh em không làm như điều mình đã nói, thì anh em mắc tội với Chúa Hằng Hữu, và anh

em sẽ bị tội mình kết buộc. ²⁴ Bây giờ, anh em cứ lo việc xây thành cho con cái mình ở, dựng chuồng cho bầy gia súc, nhưng sau đó phải nhớ làm theo lời mình đã hứa.”

²⁵ Những người thuộc đại tộc Gát và Ru-bên thưa: “Chúng tôi xin làm đúng theo mọi điều ông bảo. ²⁶ Vợ con và súc vật của chúng tôi sẽ ở lại đây, trong những thành Ga-la-át, ²⁷ nhưng tất cả những người có nhiệm vụ quân dịch trong chúng tôi sẽ mang khí giới qua sông theo đúng lời ông dạy, có Chúa Hằng Hữu chứng giám.”

²⁸ Về việc này, Mô-i-se chỉ thị cho Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa, Giô-suê, con của Nun, và các trưởng tộc Ít-ra-ên ²⁹ như sau: “Nếu tất cả những người có trách nhiệm quân sự trong hai đại tộc Gát và Ru-bên cùng qua sông Giô-đan với các ông, trước mặt Chúa Hằng Hữu, và khi toàn lãnh thổ đã bình định xong, thì các ông sẽ chia cho hai đại tộc ấy đất Ga-la-át. ³⁰ Nhưng nếu những người vũ trang của họ không qua sông, thì họ chỉ được chia đất Ca-na-an với các đại tộc khác.”

³¹ Người thuộc đại tộc Gát và Ru-bên đồng thanh: “Chúng tôi xin tuân lệnh Chúa Hằng Hữu đã truyền. ³² Chúng tôi xin mang khí giới qua sông, vào đất Ca-na-an trước sự chứng giám của Chúa Hằng Hữu, nhưng phần đất của chúng tôi sẽ ở bên này sông Giô-đan.”

³³ Như vậy, Mô-i-se cấp cho đại tộc Gát, đại tộc Ru-bên, và phân nửa đại tộc Ma-na-se, con Giô-sép, lãnh thổ của Si-hôn, vua A-mô-rít, của Óc, vua Ba-san, gồm cả đất đai lẫn thành thị.

³⁴ Đại tộc Gát xây các thành Đi-bôn, A-ta-rốt, A-rô-e, ³⁵ Ật-rốt Sô-phan, Gia-ê-xe, Giô-bê-ha, ³⁶ Bết Nim-ra, và Bết Ha-ran. Đó là những thành có hào lũy kiên cố và có chuồng cho gia súc.

³⁷ Đại tộc Ru-bên xây các thành Hết-bôn, Ê-lê-a-lê, Ki-ri-a-ta-im, ³⁸ Nê-bô, Ba-anh Mê-ôn, và Síp-ma. Về sau, người Ít-ra-ên đổi tên hầu hết các thành này, là thành họ đã chiếm được và tái thiết.

³⁹ Con cháu Ma-ki con Ma-na-se, vào xứ Ga-la-át, chiếm đất của người A-mô-rít là dân đang cư ngụ tại đó. ⁴⁰ Vậy, Môi-se cấp cho Ma-ki đất, con cháu Ma-na-se, Ga-la-át và họ lập nghiệp tại đó. ⁴¹ Con cháu Giai-rơ, một con khác của Ma-na-se, đi chiếm một số thành thị nhỏ, đổi tên vùng mình chiếm đóng thành Giai-rơ.* ⁴² Nô-bách đánh chiếm thành Kê-nát và các thôn ấp phụ cận, rồi lấy tên mình đặt cho vùng ấy.

33

Sự Ghi Nhớ Hành Trình của Người Ít-ra-ên

¹ Sau đây là lộ trình của người Ít-ra-ên từ ngày Môi-se và A-rôn dẫn họ ra khỏi Ai Cập. ² Môi-se đã ghi lại từng chặng một theo lệnh của Chúa Hằng Hữu.

³ Họ bắt đầu cuộc hành trình vào ngày rằm tháng giêng, ngay sau lễ Vượt Qua từ Ram-se, ra đi cách ngang nhiên trước mắt mọi người Ai Cập. ⁴ Trong khi đó, các gia đình Ai Cập lo chôn cất con trưởng nam mình vừa bị Chúa Hằng Hữu

* **32:41** Nghĩa là thôn ấp của Giai-rơ

hình phạt. Chúa Hằng Hữu cũng đoán phạt các thần Ai Cập thật nặng nề!

⁵ Rời Ram-se, họ đến Su-cốt, và dừng chân cắm trại tại đó.

⁶ Rời Su-cốt, họ đến cắm trại tại Ê-tam, ven hoang mạc.

⁷ Rời Ê-tam, họ đi vòng lại Phi Ha-hi-rốt về phía đông của Ba-an Sê-phôn và cắm trại trước Mích-đôn.

⁸ Rời Phi Ha-hi-rốt, họ đi qua giữa Biển Đỏ, xuyên vào hoang mạc Ê-tam suốt ba ngày đường rồi cắm trại tại Ma-ra.

⁹ Rời Ma-ra, họ đến cắm trại tại Ê-lim là nơi có mười hai suối nước và bảy mươi cây chà là.

¹⁰ Rời Ê-lim, họ đến cắm trại bên bờ Biển Đỏ.

¹¹ Rời Biển Đỏ, họ cắm trại trong hoang mạc Xin.

¹² Rời hoang mạc Xin, họ cắm trại tại Đáp-ca.

¹³ Rời Đáp-ca, họ cắm trại tại A-lúc.

¹⁴ Rời A-lúc, họ cắm trại tại Ê-phi-đim, tại đó không có nước uống.

¹⁵ Rời Ê-phi-đim, họ cắm trại trong hoang mạc Si-nai.

¹⁶ Rời hoang mạc Si-nai, họ cắm trại tại Kíp-rốt Ha-tha-va.

¹⁷ Rời Kíp-rốt Ha-tha-va, họ cắm trại tại Hát-sê-rốt.

¹⁸ Rời Hát-sê-rốt, họ cắm trại tại Rít-ma.

¹⁹ Rời Rít-ma, họ cắm trại tại Ri-môn Phê-rết.

²⁰ Rời Ri-môn Phê-rết, họ cắm trại tại Líp-na.

²¹ Rời Líp-na, họ cắm trại tại Ri-sa.

22 Rời Ri-sa, họ cắm trại tại Kê-hê-la-tha.

23 Rời Kê-hê-la-tha, họ cắm trại tại núi Sê-phe.

24 Rời núi Sê-phe, họ cắm trại tại Ha-ra-đa.

25 Rời Ha-ra-đa, họ cắm trại tại Mác-hê-lốt.

26 Rời Mác-hê-lốt, họ cắm trại tại Ta-hát.

27 Rời Ta-hát, họ cắm trại tại Ta-rách.

28 Rời Ta-rách, họ cắm trại tại Mít-ga.

29 Rời Mít-ga, họ cắm trại tại Hách-mô-na.

30 Rời Hách-mô-na, họ cắm trại tại Mô-sê-rốt.

31 Rời Mô-sê-rốt, họ cắm trại tại Bê-nê Gia-can.

32 Rời Bê-nê Gia-can, họ cắm trại tại Hô-ghi-gát.

33 Rời Hô-ghi-gát, họ cắm trại tại Dốt-ba-tha.

34 Rời Dốt-ba-tha, họ cắm trại tại Áp-rô-na.

35 Rời Áp-rô-na, họ cắm trại tại Ê-xi-ôn Ghê-be.

36 Rời Ê-xi-ôn Ghê-be, họ cắm trại tại Ca-đe trong hoang mạc Xin.

37 Rời Ca-đe, họ cắm trại tại Núi Hô-rơ cạnh biên giới Ê-đôm. 38 Tại đây, Chúa Hằng Hữu phán bảo Thầy Tế lễ A-rôn lên Núi Hô-rơ. Ông vâng lời, lên núi và qua đồi trên đó. Hôm ấy là ngày mồng một tháng năm, vào năm thứ bốn mươi, kể từ ngày người Ít-ra-ên ra khỏi Ai Cập. 39 A-rôn qua đồi tại Núi Hô-rơ, thọ 123 tuổi.

40 Vào lúc này, Vua A-rát, người Ca-na-an ở Nê-ghép của đất Ca-na-an, nghe tin người Ít-ra-ên kéo đến.

41 Rồi người Ít-ra-ên lại ra đi, rời Núi Hô-rơ và cắm trại tại Xa-mô-na.

42 Rồi Xa-mô-na, họ cắm trại tại Phu-nôn.

43 Rồi Phu-nôn, họ cắm trại tại Ô-bốt.

44 Rồi Ô-bốt, họ cắm trại tại Y-giê A-ba-rim cạnh biên giới Mô-áp.

45 Rồi Y-giê A-ba-rim, họ cắm trại tại Đi-bôn Gát.

46 Rồi Đi-bôn Gát, họ cắm trại tại Anh-môn Đíp-lát-tha-im.

47 Rồi Anh-môn Đíp-lát-tha-im, họ cắm trại tại núi A-ba-rim, trước Nê-bô.

48 Rồi núi A-ba-rim, họ cắm trại trong đồng bằng Mô-áp, bên Sông Giô-đan, đối diện Giê-ri-cô. 49 Tại đây, trại của họ chạy dài ven Sông Giô-đan, từ Bết-giê-si-mốt đến A-bên Si-tim trên cánh đồng Mô-áp.

50 Trong thời gian họ ở gần Sông Giô-đan, trong đồng bằng Mô-áp, đối diện Giê-ri-cô Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se: 51 “Hãy nói với người Ít-ra-ên, khi qua Sông Giô-đan vào đất Ca-na-an rồi, 52 các ngươi phải đuổi hết dân bản xứ đi và tiêu hủy các tượng thờ, cả tượng đá lẫn tượng đúc, san bằng các nơi cúng tế tà thần trên đồi cao của họ. 53 Các ngươi được chiếm hữu đất đai của họ và sống trên đó, vì Ta đã cho các ngươi đất đó làm sản nghiệp. 54 Các ngươi sẽ bắt thăm chia đất với nhau. Trước hết, đất phải được phân chia cho các đại tộc. Rồi trong mỗi đại tộc, tùy theo gia đình lớn nhỏ mà phân chia, gia đình

lớn được phần đất lớn, gia đình nhỏ phần đất nhỏ. Thăm sẽ định phần đất mỗi gia đình được hưởng. ⁵⁵ Nhưng nếu các người không đuổi hết dân bản xứ đi, thì những người còn lại sẽ như gai trong mắt, như chông nơi hông các người, họ sẽ gây ra bao điều phiền nhiễu sau này. ⁵⁶ Và Ta sẽ hình phạt các người như Ta đã định hình phạt họ vậy.”

34

Ranh Giới Các Đại Tộc

¹ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se nói với người Ít-ra-ên: ² “Khi các người vào Ca-na-an là đất Ta cho làm sản nghiệp, giới hạn đất ấy sẽ được ấn định như sau: ³ Về phía nam, đất gồm có hoang mạc Xin, chạy dọc theo nước Ê-đôm. Về phía nam, đất ấy sẽ từ hoang mạc Xin chạy dài theo Ê-đôm. Ranh giới phía nam sẽ chạy từ cuối Biển Chết, về hướng đông. ⁴ Biên giới phía nam của dốc núi Ạc-ráp-bim, tiếp tục chạy dài đến hoang mạc Xin, sâu xuống đến phía nam của Ca-đê Ba-nê-a, rồi từ đó chạy đến Hát-sa-át-đa, ngang qua Át-môn. ⁵ Từ Át-môn, biên giới sẽ quay qua Suối Ai Cập và dừng lại ở biển Địa Trung Hải.

⁶ Biên giới phía tây là bờ Địa Trung Hải.

⁷ Biên giới phía bắc chạy từ Địa Trung Hải cho đến Núi Hô-rơ. ⁸ Từ đó vạch một đường đến lối vào Ha-mát, qua sông Xê-đát, ⁹ Xíp-rôn, và chấm dứt ở Hát-sa-ê-nan.

10 Biên giới phía đông sẽ bắt đầu từ Hát-sa-ê-nan chạy đến Sê-pham. 11 Từ đó xuống Ríp-la về phía đông của A-in, rồi tiếp tục xuống nữa cho đến khi giáp phía đông của Biển Ki-nê-rết,* 12 và tiếp tục chạy dọc theo Sông Giô-đan, và chấm dứt ở Biển Chết. Đó là biên giới của các người.”

13 Rồi Mô-i-se nói với người Ít-ra-ên: “Đó là đất của chín đại tộc rưỡi. Họ sẽ bắt thăm chia đất theo lệnh của Chúa Hằng Hữu, 14 vì đại tộc Ru-bên, Gát, và phân nửa đại tộc Ma-na-se 15 đã nhận phần đất mình bên bờ phía đông Sông Giô-đan, đối diện Giê-ri-cô về hướng đông.”

Các Lãnh Đạo Phân Chia Đất

16 Chúa Hằng Hữu lại phán bảo Mô-i-se: 17 “Sau đây là những người có trách nhiệm chia đất: Thầy Tế lễ Ê-lê-a-sa, Giô-suê, con trai của Nun, 18 và mỗi đại tộc một nhà lãnh đạo. 19 Đây là danh sách các nhà lãnh đạo các đại tộc:

Ca-lép, con Giê-phu-nê, đại diện Giu-đa.

20 Sê-mu-ên, con A-mi-hút, đại diện Si-mê-ôn.

21 Ê-li-đát, con Kít-long, đại diện Bên-gia-min.

22 Bu-ki, con Giốc-đi, đại diện Đan.

23 Ha-ni-ên, con Ê-phát, đại diện Ma-na-se, con trai của Giô-sép.

24 Kê-mu-ên, con Síp-tan, đại diện Ép-ra-im.

25 Ê-li-sa-phan, con Phác-nát, đại diện Sa-bu-luân.

26 Pha-ti-ên, con A-xan, đại diện Y-sa-ca.

* 34:11 Tức Ga-li-lê

²⁷ A-hi-hút, con Sê-lô-mi, đại diện A-se.

²⁸ Phê-đa-ên, con A-mi-hút, đại diện Nép-ta-li.

²⁹ Đó là những người Chúa Hằng Hữu chỉ định đứng ra chia đất Ca-na-an cho người Ít-ra-ên.”

35

Các Thành Dành cho Người Lê-vi

¹ Khi người Ít-ra-ên đang ở bên sông Giô-đan trong đồng bằng Mô-áp, đối diện Giê-ri-cô, Chúa Hằng Hữu phán dạy Mô-i-se: ² “Hãy bảo người Ít-ra-ên nhường cho người Lê-vi một số thành và đất quanh thành trong phần tài sản họ nhận được. ³ Thành phố để người Lê-vi ở và đất để họ nuôi súc vật. ⁴ Đất này sẽ được nối rộng ra bên ngoài bức tường bao quanh thành 460 mét.*

⁵ Như vậy, hai bên đông tây của thành, đất được nối ra 920 mét,† hai bên nam bắc, đất cũng được nối ra 920 mét, và thành ở chính giữa. Họ sẽ được vùng đất ấy để chăn nuôi.

⁶ Trong số các thành các người tặng người Lê-vi, phải dành sáu thành làm nơi trú ẩn cho những người ngộ sát. Ngoài ra các người hãy tặng họ bốn mươi hai thành khác. ⁷ Như vậy các người sẽ tặng người Lê-vi bốn mươi tám thành tất cả, luôn cả đất chung quanh thành làm bãi cỏ chăn nuôi. ⁸ Mỗi đại tộc sẽ đóng góp vào số các thành này tùy theo diện tích tài sản mình

* **35:4** Nt 1.000 cubits † **35:5** Nt 2.000 cubits

hưởng: Đại tộc có nhiều đất, nhiều thành, đóng góp nhiều; đại tộc có ít đóng góp ít.”

Các Thành Ẩn Náu

⁹ Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se nói với người Ít-ra-ên: ¹⁰ “Một khi các người đã qua sông Giô-đan vào đất Ca-na-an, ¹¹ các người sẽ chọn những thành làm nơi trú ẩn cho những người ngộ sát. ¹² Những thành này là nơi họ ẩn náu tránh người báo thù, vì họ phải được sống còn đến ngày ra tòa. ¹³ Trong sáu thành trú ẩn, ¹⁴ phải có ba thành bên này Sông Giô-đan[‡] và ba thành trong đất Ca-na-an. ¹⁵ Các thành này không những chỉ là nơi trú ẩn cho người Ít-ra-ên, mà cũng cho ngoại kiều và khách tạm trú khi họ lỡ tay giết người.

¹⁶ Nhưng nếu ai dùng khí cụ bằng sắt đánh chết người khác, thì người ấy phải bị xử tử vì tội sát nhân. ¹⁷ Hoặc nếu ai cầm đá đánh chết người khác, thì người ấy phải bị xử tử vì tội sát nhân. ¹⁸ Hoặc nếu ai dùng khí giới bằng gỗ đánh chết người khác, thì người ấy phải bị xử tử vì tội sát nhân. ¹⁹ Khi người báo thù tìm gặp sẽ tự tay giết chết kẻ sát nhân để trả nợ máu. ²⁰ Nếu ai vì ghen ghét xô đẩy người khác, hoặc rình rập đợi chờ để ném vật gì giết chết người khác, ²¹ hoặc nếu ai vì thù hận vung tay đánh chết người khác, thì đều phải bị xử tử. Khi người báo thù tìm gặp, sẽ giết chết kẻ sát nhân.

[‡] 35:14 Bên bờ phía đông

²² Nhưng nếu ai giết người vì tình cờ, xô đẩy người khác không do ghen ghét, ném vật gì vào người khác không do dự mưu (rình rập), ²³ hoặc ngẫu nhiên ném đá trúng phải người khác chứ không do hận thù, không cố tình hại người, ²⁴ thì tòa án khi phân xử giữa người ngộ sát và người báo thù, sẽ căn cứ trên các nguyên tắc này ²⁵ để giải cứu người ngộ sát khỏi tay người báo thù, và cho người ấy ở lại trong thành trú ẩn người ấy đã trốn đến. Người ấy cứ tiếp tục ở đó cho đến khi thầy thượng tế qua đời.

²⁶ Nhưng nếu người ấy ra khỏi ranh giới của thành trú ẩn, ²⁷ và nếu người báo thù bắt gặp, giết đi, người báo thù sẽ không mắc tội. ²⁸ Người ấy phải ở lại trong thành ẩn náu, đến khi thầy thượng tế qua đời mới được trở về nhà mình. ²⁹ Luật này sẽ áp dụng vĩnh viễn cho người Ít-ra-ên, bất kỳ họ ở đâu.

³⁰ Kẻ sát nhân phải bị xử tử, nhưng phải có ít nhất hai nhân chứng. Một nhân chứng không đủ để kết án tử hình. ³¹ Người đã lãnh án tử hình vì giết người, không được chuộc mạng, nhưng phải đền tội. ³² Người chạy trốn trong thành trú ẩn, không được trả tiền chuộc mạng để về nhà trước ngày thầy thượng tế qua đời. ³³ Đừng gây đổ máu khiến đất bị ô uế. Một khi đất đã ô uế, chỉ có máu của kẻ sát nhân mới chuộc tội cho đất được mà thôi. ³⁴ Đừng làm ô uế đất mình, vì Ta, Chúa Hằng Hữu, ngự giữa các người.”

36

Những Phụ Nữ Được Thừa Hưởng Sản Nghiệp.

¹ Những người đứng đầu họ Ga-la-át, là con Ma-ki, cháu Ma-na-se, cháu Giô-sép, đến thưa với Môi-se và các trưởng tộc Ít-ra-ên: ² “Tuân lệnh Chúa Hằng Hữu, ông có chia đất cho Ít-ra-ên theo lối bốc thăm, và cũng có giao tài sản đất đai của anh chúng tôi là Xê-lô-phát cho các con của anh chúng tôi. ³ Nếu các cháu lấy chồng là người thuộc đại tộc khác, phần đất của các cháu sẽ theo họ về đại tộc nhà chồng, và như vậy đất đai của chúng tôi sẽ bị thu hẹp. ⁴ Đến Năm Hân Hỉ, đất cũng chẳng hoàn lại đại tộc chúng tôi, nhưng vĩnh viễn bị sáp nhập vào đại tộc khác.”

⁵ Để giải quyết vấn đề này, Môi-se nhận lệnh Chúa Hằng Hữu, rồi nói lại cho người Ít-ra-ên như sau: “Các con cháu đại tộc Giô-sép trình bày hợp lý. ⁶ Đây là lệnh của Chúa Hằng Hữu về vụ các con gái Xê-lô-phát: Họ được lấy ai làm chồng tùy ý, miễn là người chồng thuộc trong cùng một đại tộc. ⁷ Như vậy đất đai sẽ không chuyển từ đại tộc này sang đại tộc khác, nhưng mỗi người sẽ giữ đất cho đại tộc mình. ⁸ Mỗi người con gái nhận được đất đai làm tài sản, dù thuộc đại tộc nào, nếu lấy chồng, thì chồng phải là người trong cùng đại tộc, như vậy đất đai của đại tộc nào được giữ trong đại tộc ấy, chứ không chuyển sang đại tộc khác. ⁹ Không một sản nghiệp nào được chuyển từ đại tộc này

qua đại tộc khác, vì mỗi đại tộc Ít-ra-ên phải giữ đất đai mình đã thừa hưởng.”

¹⁰ Các con gái Xê-lô-phát tuân theo lệnh của Chúa Hằng Hữu do Môi-se truyền lại. ¹¹ Các con gái của Xê-lô-phát là Mách-la, Thiệt-sa, Hốt-la, Minh-ca, và Nô-a, đều kết hôn với anh em chú bác của mình. ¹² Các cô lấy chồng trong cùng đại tộc Ma-na-se, con Giô-sép. Như vậy đất của họ vẫn thuộc về đại tộc này.

¹³ Đó là những luật lệ của Chúa Hằng Hữu phán bảo Môi-se truyền cho Ít-ra-ên khi họ đang ở trong đồng bằng Mô-áp, bên Sông Giô-đan, đối diện Giê-ri-cô.

Biblica® Thiên Ban Kinh Thánh Hiện Đại™
Vietnamese: Biblica® Thiên Ban Kinh Thánh Hiện
Đại™ (Bible)

copyright © 2015 Biblica, Inc.

Language: Tiếng Việt

Translation by: Biblica, Inc.

Biblica® Thiên Ban Kinh Thánh Hiện Đại™

Copyright © 1982, 1987, 1994, 2005, 2015 by Biblica, Inc.

Biblica® Open Vietnamese Contemporary Bible™

Copyright © 1982, 1987, 1994, 2005, 2015 by Biblica, Inc.

“Biblica” is a trademark registered in the United States Patent and Trademark Office by Biblica, Inc. Used with permission.

This work is made available under the Creative Commons Attribution-ShareAlike 4.0 International License (CC BY-SA). To view a copy of this license, visit <http://creativecommons.org/licenses/by-sa/4.0> or send a letter to Creative Commons, PO Box 1866, Mountain View, CA 94042, USA.

Biblica® is a trademark registered by Biblica, Inc., and use of the Biblica® trademark requires the written permission of Biblica, Inc. Under the terms of the CC BY-SA license, you may copy and redistribute this unmodified work as long as you keep the Biblica® trademark intact. If you modify a copy or translate this work, thereby creating a derivative work, you must remove the Biblica® trademark. On the derivative work, you must indicate what changes you have made and attribute the work as follows: “The original work by Biblica, Inc. is available for free at www.biblica.com and open.bible.”

Notice of copyright must appear on the title or copyright page of the work as follows:

Biblica® Thiên Ban Kinh Thánh Hiện Đại™

Copyright © 1982, 1987, 1994, 2005, 2015 by Biblica, Inc.

Biblica® Open Vietnamese Contemporary Bible™

Copyright © 1982, 1987, 1994, 2005, 2015 by Biblica, Inc.

“Biblica” is a trademark registered in the United States Patent and Trademark Office by Biblica, Inc. Used with permission.

You must also make your derivative work available under the same license (CC BY-SA).

If you would like to notify Biblica, Inc. regarding your translation of this work, please contact us at <https://open.bible/contact-us>.

This translation is made available to you under the terms of the Creative Commons Attribution Share-Alike license 4.0.

You have permission to share and redistribute this Bible translation in any format and to make reasonable revisions and adaptations of this translation, provided that:

You include the above copyright and source information.

If you make any changes to the text, you must indicate that you did so in a way that makes it clear that the original licensor is not necessarily endorsing your changes.

If you redistribute this text, you must distribute your contributions under the same license as the original.

Pictures included with Scriptures and other documents on this site are licensed just for use with those Scriptures and documents. For other uses, please contact the respective copyright owners.

Note that in addition to the rules above, revising and adapting God's Word involves a great responsibility to be true to God's Word. See Revelation 22:18-19.

2021-04-12

PDF generated using Haiola and XeLaTeX on 22 Feb 2024 from source files dated 29 Jan 2022

653cd369-b5a5-59f3-bdc8-c5f5cbbaee8d